

Nền văn chương nước Mỹ có gì lạ ?

Văn hữu

19

Nước Mỹ ngày nay — **TRẦN VIỆT THANH** ▲ Henry Miller một phật tử ? —
YÊN THẢO ▲ Nhìn qua nền văn chương nước Mỹ từ năm 1896 đến nay —
SĨ TRUNG ▲ Giải thưởng Pulitzer — **HOÀNG LAN** ▲ Kỹ nghệ xuất bản
sách tại Hoa Kỳ — **HÀN PHONG** ▲ Tư tưởng trong nền tiểu thuyết mới của
Mỹ — **ÁI NHÂN** ▲ Sinh hoạt tại các đô thị lớn ở Mỹ — **HÙNG PHƯƠNG**
▲ Sự phục hưng tôn giáo tại Hoa Kỳ — **HÀN THI** ▲ Những người nắm quyền
kinh tế tại nước Mỹ — **ĐỨC HẠNH** ▲ Nhiệt tình của mẹ — **THIỆU MAI** ▲ Nụ
cười nàng Công Chúa — **SƠN NAM** ▲ Không lời — **TƯỜNG LINH** ▲ Thần
tượng — **DOÃN QUỐC SỸ** ▲ Mệnh mang — **HOÀI KHANH** ▲ Mùa thu
trên đất tự do — **XUÂN PHỤNG** ▲ Bài tình khúc số 6 — **VƯƠNG ĐỨC LỆ**
▲ Đọc tiểu thuyết « Buổi Chiều Lá Rụng » của Ngọc Linh — **SĨ TRUNG**

phẩm đầu tay truyện ngắn thời đại của Nguyễn Đạt Thịnh

VĂN HỮU

DO VĂN HÓA VỤ ÁN HÀNH

Tòa soạn và trị sự : 15, đại lộ Lê Lợi — Saigon

Điện Thoại : 25.902

Chủ nhiệm kiêm Chủ bút : NGUYỄN DUY MIỄN

Thư ký Tòa soạn : SĨ TRUNG

Với sự cộng tác của các Bạn

PHẦN ĐẶC BIỆT (Nền văn chương nước Mỹ)

TRẦN VIỆT THANH

YÊN THẢO

ÁI NHÂN

HOÀNG LAN

SĨ TRUNG

HÀN PHONG

PHẦN THỨ HAI (Sáng tác)

DOÃN QUỐC SỸ

SƠN NAM

HOÀI KHANH

THIỆU MAI

VƯƠNG ĐỨC LỆ

XUÂN PHỤNG

HÙNG PHƯƠNG

NGUYỄN ĐẠT THỊNH

PHẦN THỨ BA (Tin tức tài liệu)

HÀM ANH — HÀN THI

PHONG VŨ — ĐỨC HẠNH

H.P.

PHẦN KỸ THUẬT ẤN LOÁT

QUỐC GIA ẤN QUÁN

Bài vở thư từ gửi về cho :

Tiền bạc và ngân phiếu gửi cho :

SĨ TRUNG
NGUYỄN CỬU VỊNH

MỤC LỤC

— Tìm hiểu nước bạn Hoa Kỳ	VĂN HỮU	trang 3
----------------------------	---------	---------

PHẦN THỨ NHẤT (Phần đặc biệt về nền văn chương nước Mỹ)

— Nhìn qua nền văn chương nước Mỹ từ năm 1896 đến nay	SĨ TRUNG	7
— Giải thưởng Pulitzer	HOÀNG LAN	17
— Nước Mỹ ngày nay	TRẦN VIỆT THANH	25
— Tư tưởng trong tiểu thuyết mới của Mỹ qua nhà văn Styron	ÁI NHÂN	41
— Henry Miller, một phật tử ?	YÊN THẢO	48
— Kỹ nghệ xuất bản sách tại Hoa Kỳ	HÀN PHONG	59
— Mùa Thu trên đất tự do	XUÂN PHỤNG	68

PHẦN THỨ HAI (Sáng tác văn nghệ)

— Nhiệt tình của Mẹ (nguyên tác của văn hào Somerset Maugham)	THIỆU MAI (dịch)	71
— Không Lời	TƯỜNG LINH	89
— Nụ cười nàng Công Chúa	SƠN NAM	91
— Mệnh Mạng	HOÀI KHANH	107
— Thần Tượng	DOÃN QUỐC SỸ	109
— Bài tình khúc số 6	VƯƠNG ĐỨC LỆ	121
— Tác phẩm đầu tay	NGUYỄN ĐẠT THỊNH	123
— Đường Về	THANH TRUNG	138

PHẦN THỨ BA (Tin tức và tài liệu)

— Gió Đông... Gió Tây	HÀM ANH	141
— Những người nắm quyền kinh tế tại Hoa Kỳ	ĐỨC HẠNH	155
— Sự Phục Hưng Tôn Giáo tại Hoa Kỳ	HÀN THI	158
— Huyết-ky : Vị thuốc cho những động mạch ?	PHONG VŨ	162
— Sinh hoạt tại các đô thị lớn ở Mỹ	HÙNG PHƯƠNG	166
— Đọc « Buổi Chiều Lá Rụng » tiểu thuyết của Ngọc Linh	SĨ TRUNG	170
— Giấc thiệu sách mới	S. T.	173
— Hộp thư Tòa Soạn	-S. T.	174

Tìm hiểu một nước bạn : Hoa Kỳ

MỘT du khách Âu Châu sau khi rời Hoa Kỳ có thuật lại rằng: Ông lấy làm lạ về tốc độ khá nhanh của một chiếc xe tang trên một công lộ nọ. Không một ai có vẻ buồn ngủ cảm động và chẳng có mấy người đưa tiễn. Chiếc xe tang cứ vun vút, nối đuôi theo các xe thông thường khác. Thật là một lối đưa tang hoàn toàn khác với Âu Châu. Thế rồi du khách ấy nhận định: « Ở Mỹ, các đám tang cử hành theo lối máy móc, tranh thủ thời gian, thiếu tình cảm, biểu lộ một nhân sinh quan thế này, thế nọ... ».

Chuyện tuy nhỏ nhưng đáng cho chúng ta lưu ý. Nó chứng minh rằng cái lối « Suy bụng ta ra bụng người » khó đưa đến một kết luận đúng với sự thật. Du khách ấy chỉ biết nhận định sự kiện theo chủ quan của mình hay theo phong tục, tập quán hoặc theo hoàn cảnh riêng biệt của xứ sở mình. Người ấy nào hiểu rằng tốc độ khá nhanh của chiếc xe tang nọ là sự tất yếu của thủ tục lưu hành xe cộ ở Mỹ. Mỗi một xe chạy chậm đến mức độ nào đó sẽ gây trục trặc cho vấn đề lưu thông và lẽ tất nhiên chiếc xe tang vừa nói trên sẽ làm tổn thương nhiều đến sự xê dịch của bao nhiêu người khác.

Người Âu Châu còn hiểu lầm người Mỹ, hướng hồ người Á Đông, nói riêng là người Việt chúng ta. Đặc biệt là sau đệ nhị thế chiến và từ những năm gần đây, chúng ta đã có dịp tiếp xúc với người Mỹ trong sinh hoạt chánh trị, kinh tế, văn hóa. Người Việt càng tò mò, tìm hiểu thêm về dân tộc bạn ở tận bên kia bờ Thái Bình Dương, đã từng ở vào phe Đồng Minh tiêu diệt bọn Phát Xít, giúp nước Việt thoát khỏi một mối đe dọa hiểm nghèo nhất trong lịch sử.

Mỗi dân tộc đều có cá tính riêng biệt. Trong thời đại vô tuyến truyền hình, phi thuyền không gian, chúng ta ai cũng hiểu thêm rằng câu nói « Đông Phương và Tây Phương không hề gặp nhau » đã trở nên lỗi thời, quá lỗi thời. Tuy cá tính riêng biệt nhưng toàn thể nhân loại đều tin nơi **Thượng Đế**, tin nơi sức mạnh của **Tình Thương**, chống lại hiểm họa Cộng Sản. Nhân loại tính của người Việt và người Mỹ đã gặp nhau, chan hòa vào nhau trong cuộc chiến đấu chống cộng sản ở thôn quê miền Nam.

Cùng đứng chung trên một mặt trận chống Cộng ta muốn hiểu thêm nước bạn. Chúng ta đã xem nhiều phim Mỹ, đọc tiểu thuyết Mỹ, đọc báo Mỹ và ngoài ra, còn tìm hiểu tâm lý, văn hóa lịch sử Mỹ. Qua sự nhận xét của sách báo nước khác hoặc qua lời đồn đãi, hoảng hốt và ganh tị của thực dân và Cộng sản, nhiều nỗi thắc mắc lại bộc lộ, nhiều câu hỏi lại đặt ra : Phải chăng nước Mỹ thiếu văn hiến ? thiếu lịch sử ? dân Mỹ đều ít nhiều mắc bệnh thần kinh ? hoặc Hoa Kỳ là nước có trình độ văn hóa cao, đang bảo vệ và phát huy nền văn hóa truyền thống Âu Châu trong hoàn cảnh đặc biệt thuận lợi, cứu vớt giá trị của con người khỏi sự thủ tiêu của bọn vô thần chủ trương chà đạp tự do ?

Chỉ có một điều chắc chắn là trong gần một thế kỷ nay, nước Mỹ đã đóng góp một phần lớn vào công cuộc giải phóng con người ở các quốc gia chậm tiến trên một phần ba địa cầu. Hoa Kỳ đã và đang nỗ lực hiến dâng cho nhân loại những công trình về mọi mặt : Kinh tế, khoa học và mới đây ở lãnh vực văn chương, nghệ thuật. Các nhà văn nổi tiếng Hoa Kỳ như : Hemingway, Faulkner, Styron, Henry Miller v.v... đã làm vẻ vang cho nước Mỹ và góp phần phong phú hóa nền văn chương nhân loại với những tác phẩm lớn đoạt nhiều giải thưởng quốc tế. Đặc biệt là mới đây, văn hào J. Steinbeck, một ngòi bút kỳ tài tích cực giành tự do, chống mọi áp bức không riêng gì cho dân tộc Mỹ mà cho toàn thể nhân loại, vừa được Hàn Lâm viện Thụy Điển quyết định trao tặng giải thưởng Nobel 1962 về văn chương.

Để giới thiệu nước Mỹ, một quốc gia bạn đã sát cánh với nhân dân Việt Nam trong công cuộc chống Cộng, Văn Hữu số này hân hạnh cống hiến bạn đọc một số tài liệu và nhận xét về Hoa Kỳ trong tinh thần đoàn kết và thắt chặt thêm tình hữu nghị giữa hai dân tộc Mỹ - Việt. Tuy chưa đầy đủ và công việc ấy còn dài nhưng chúng tôi hy vọng thỏa mãn được cảm quán của bạn đọc thân mến.

VĂN HỮU

PHẦN THỨ NHẤT

Phần thứ nhất (đặc biệt về nền văn hóa Hoa-kỳ) của Văn HỮU số 19 này hoàn thành với sự cộng tác của các bạn : Sĩ Trung — Trần Việt Thanh — Hoàng Lan — Hàn Phong — Yên Thảo — Ái Nhân.

SĨ TRUNG

Nhìn qua nền văn chương nước Mỹ từ năm 1896 đến nay

*S*O với các quốc gia tân tiến trên thế giới, Hoa Kỳ có một nền văn hóa trẻ trung nhất. Vừa mới góp mặt trên bản đồ thế giới vào thế kỷ thứ 18, Hoa Kỳ tiến mạnh tiến nhanh và theo kịp các quốc gia bạn trong mọi lĩnh vực. Đặc biệt hơn cả là mặc dầu mới hiện diện, dân tộc Mỹ đã cố gắng tranh đấu không ngừng trong một tinh thần tự lực, tự cường để ngày nay Hoa Kỳ vượt qua mặt mọi cường quốc và đóng một vai trò trọng yếu, có tính cách quyết định của Thế giới tự do.

NỀN văn chương của Mỹ không bị ảnh hưởng của lịch sử lập quốc mà không thể góp phần tài nguyên văn hóa phong phú vào kho tàng chung của thế giới. Trước năm 1896, trong nền văn chương Hoa Kỳ đã có những nhà văn nổi tiếng như Edgar

Allan Poe, Watt Whitman, Henry David Thoreau và Herman Merville. Những tác phẩm của họ mãi đến ngày nay vẫn còn giá trị và được người ta ca tụng không ngớt. Tuy nhiên vì trong khoảng thời gian nước nhà còn đang ở thời kỳ khai hoang để

kiến tạo một cuộc sống mới, dân chúng Mỹ ít tha thiết đến việc giải trí, tìm hiểu học hỏi trong sách vở, nên tác phẩm của các văn sĩ trên không gây được ảnh hưởng và phổ biến sâu rộng. Phải mất một thời gian khá lâu, những Edgar Allan Poe, Walt Whitman, Herman Melville v.v.. mới làm quen được với đại đa số quần chúng, nhưng đến đây thì một trào lưu văn nghệ mới xuất hiện khá dễ xâm nhập vào được nếp sống tinh thần của độc giả Mỹ.

Một vài nhà văn xuất hiện sau năm 1896 như H. L. Mencken, Sinclair Lewis... lại gây nên được một luồng không khí mới mẻ trong nền văn chương Mỹ quốc. Tác phẩm của hai ông bán chạy và phổ biến sâu rộng trong mọi tầng lớp dân chúng và chỉ trong vòng một vài năm các ông đã dự một phần quan trọng làm thay đổi đường hướng suy tưởng của người dân Mỹ. Sự thật thì giữa nhóm nhà văn trước và sau không có một sự cách biệt về giá trị văn chương xuyên qua tác phẩm của họ, nhưng hai ông H.L. Mencken và Sinclair Lewis gặp được một thời kỳ thuận lợi cho văn nghệ — thời kỳ dân chúng tương đối

rảnh rỗi về công cuộc kiến quốc — nên ảnh hưởng của tác phẩm các ông mới ăn sâu vào tiềm thức của mọi người.

Tuy nhiên, ngày nay văn sĩ Ernest Hemingway hay William Faulkner lại tạo nên tiếng vang xa rộng hơn những người tiền phong đồng nghiệp của các ông. Các ông đã và đang làm vẻ vang cho nền văn chương Mỹ quốc. Tác phẩm của Hemingway hay Faulkner chẳng những được dân chúng Mỹ ham chuộng, tán dương mà lại còn được độc giả Âu-châu, Á-châu mến mộ nhiệt thành. Xét về giá trị văn chương, các ông có thể không sánh bằng James Fenimore Cooper và Mark Twain ngày trước, nhưng căn cứ vào tư tưởng và chiều hướng cảm quan thì các ông vượt hẳn Cooper hay Mark Twain vì các ông được người ta công nhận như là một phần quan trọng của nền văn chương Mỹ quốc và là những gì gương mẫu nhất để người ta đua đòi bắt chước, học hỏi cách sống và cách suy tưởng. Hemingway hay Faulkner, qua sự nghiệp văn chương lấy lòng, không còn là những cá nhân đơn độc, lẻ loi nữa nhưng là cái chung rộng lớn, bao la gói ghém cả một đại

đa số người. Đó là một sự chuyển mình quan trọng của nền văn chương Mỹ trong vòng nửa thế kỷ và từ ở đây, người ta tìm thấy ở Hoa Kỳ phát hiện một nền văn chương mới mẻ nhất. Một khúc rẽ quan hệ cho nếp sống tinh thần của dân chúng Mỹ và đánh dấu một sự vươn lên của văn chương mà người ta lạc quan nhận thấy rằng nền văn chương của Mỹ góp một phần trọng yếu tô điểm thêm thắm tươi, đẹp đẽ cho văn chương nhân loại.

Giữa cái « nửa thế kỷ » lịch sử này, một tờ báo văn nghệ xuất hiện làm đảo lộn quan điểm suy luận văn nghệ ở Mỹ. Đó là tờ « Điểm Sách Nữ Ước Thời Báo » (The New-York Times Book Review), lãnh nhiệm vụ giới thiệu, phê bình tất cả tác phẩm quan trọng lúc bấy giờ. Thoạt đầu, không ai có thể ngờ rằng tạp chí này lại đóng vai trò chủ yếu trong việc tiên báo hiện tượng văn nghệ mới của nước Mỹ trình bày ở trên. Tờ « Điểm Sách Nữ Ước Thời Báo » làm sáng tỏ một giai đoạn lịch sử huy hoàng và « tao nhã » nhất của văn chương Mỹ. Kiểm điểm lại tất cả những tài liệu văn chương người ta nhận thấy rằng thế kỷ

thứ 19 là thế kỷ các văn sĩ Mỹ làm đẹp nền văn học xứ sở bằng những tác phẩm gói ghém rất nhiều tư tưởng mới lạ, trong số đó phải kể đến số sách của James Fenimore Cooper, Mark Twain, Ernest Hemingway và William Faulkner.

Một chiều hướng sáng tác mới

CUỐI thế kỷ thứ 19 và bắt đầu bước qua thế kỷ 20, trong văn chương Mỹ lại xuất hiện một loại văn nghệ mới khác có tính cách tả chân thời đại. Đến đây, những gì đã có từ trước được liệt vào hàng văn nghệ phẩm cổ điển và nhường bước cho hàng tác phẩm tân trào. Một số nhà văn, nhà báo tiên phong trong cao trào này được người ta chú ý nhiều hơn cả là hai ông Brander Matthews và Richard Watson Gilder. Lúc bấy giờ hai ông là những người tượng trưng cho thị hiếu của độc giả, một thứ thị hiếu sôi nổi và thịnh hành nhất ở Hoa Kỳ.

Trước trào lưu văn nghệ mới, các nhà văn như Thoreau, Henry James đã tỏ ra lạc hậu và người ta thấy xuất hiện những

người mới hơn, đáp ứng cho nhu cầu thị hiếu quần chúng, chẳng hạn như các văn John Burrougless, nữ tiểu thuyết gia Edith Wharton.

Trong số tác phẩm mới, có cuốn « Thử Thách Trong Khói Lửa » (The Red Badge of Courage), xuất bản cuối thế kỷ thứ 19 là đáng kể hơn cả. Nó gây được một tiếng vang sâu rộng, dư luận độc giả cũng như của các nhà phê bình văn nghệ. Nhưng rồi tác phẩm đó lại chóng bị quên lãng, chẳng khác nào một ngọn lửa rơm bạo phát, bạo tàn. Đến lượt nhà văn William Dean Howells xuất hiện, tỏ ra tích cực trong lối hành văn tả chân, gây ngạc nhiên cho mọi người ; lối viết của ông vô cùng sắc bén có thể làm bức mình số người còn giữ nếp sống tinh thần « thanh tịnh », còn say mê nền văn chương cổ điển. Tuy nhiên, ông và Edith Wharton là hai nhà văn có những tác phẩm được xem như là mở đầu cho một loại ngữ khí mới, khá dễ góp phần tài bồi cho nền văn chương Mỹ quốc. Chỉ tiếc có một điều là lúc bấy giờ, trên thị trường văn nghệ, độc giả ít cảm thông được thứ ngữ khí đó nên số sách bán ra cũng chẳng làm

nên kỷ lục gì đáng kể. Ở đầu thế kỷ thứ 20, tại Hoa Kỳ người ta không ai tiên đoán được sự biến chuyển của cái thế giới văn chương thời hậu chiến như thế nào cũng như mọi vấn đề khác : kinh tế, xã hội, chính trị của thế giới sẽ ra làm sao ?

Người Mỹ ở vào những thế kỷ trước vẫn giữ quan niệm bảo thủ trong lĩnh vực cảm quan văn nghệ nên họ xem nền văn chương đại lục có phần đồi bại, cung ứng cho một thứ thị hiếu xấu xa. Vì vậy, các nhà xuất bản danh tiếng ở Mỹ đã tỏ ra thận trọng, dè dặt trong việc giới thiệu với độc giả của mình những danh phẩm của các nhà văn tây phương. Ngay đến tác phẩm của các đại văn hào Guy de Maupassant, Gustave Flaubert hay Théophile Gautier cũng bị chọn lọc thật kỹ trước khi ném ra thị trường tiêu thụ Mỹ quốc. Họ cố giữ cho thật trong sạch ở số sách ngoại quốc nhập cảng vào xứ sở ; một số tác phẩm nổi danh cũng bị loại bỏ để giữ đúng chủ trương lành mạnh hóa cảm quan nghệ thuật của độc giả Mỹ.

Trong khi ấy, người ta khám phá ra được một số văn sĩ, thi

sĩ mới xuất hiện trên văn, thi đàn nổi tiếng trong một sớm một chiều và tác phẩm của họ bán chạy như tôm tươi. Cuốn thơ « The Man With the Hoe » của Edwin Markham và tiểu thuyết « A Message to Garcia » là hai sáng tác phẩm được mọi tầng lớp độc giả Mỹ tha thiết mến mộ nhất trong một thời gian khá lâu.

Nhưng tất cả những gì thuộc về cổ điển phải lùi bước trước một trào lưu văn nghệ mới khác khi mà ông James Huncker, nhà phê bình Mỹ đầu tiên, có ý định phở biến tác phẩm của các nhà văn Âu-châu được mệnh danh là « nguy hiểm ». Đầu tiên là cuốn « The Damnation of The-ron Ware » của Harold Frederic viết theo đường lối của bà Humphrey Ward là cuốn tiểu thuyết phá kỷ lục trên thị trường tiêu thụ Mỹ quốc vào năm 1896 rồi đến cuốn « In His Steps » của Charles Sheldon, thành công nhất trong số tiểu thuyết nói về Chúa. Năm năm sau nữ văn sĩ Alice Hegan Rice ném ra thị trường quyền « Mrs. Wiggs of the Cab-bage Patch » đã làm đảo lộn một khuynh hướng sáng tác. Sách của bà làm thỏa mãn mọi giới độc giả suốt một thế hệ với một lối hành văn ngọt ngào, truyền

cảm sâu đậm; nó gần giống như loại « sách hồng » chuyên tả cái đẹp, đời sống tình cảm của giới nữ lưu và nó biểu tượng cho một loại tiểu thuyết mới của Mỹ. Vào năm 1915, khi mà chiếc tàu Lusitiana bị đắm, nền văn chương Mỹ lại bước sang một giai đoạn mới ; bao nhiêu sản phẩm xấu cũng như tốt của thế giới trước chiến tranh đều được thay đổi, bị quên dần đi.

Một thay đổi quan trọng : văn chương nhìn thẳng vào sự thật

NGUỜI ta có thể bảo được rằng năm 1915 là một bức tường ngăn cách thế giới cũ và thế giới mới trong phạm vi văn chương Mỹ. Từ đây các nhà văn Hoa Kỳ đặt ra một mẫu chốt cảm quan cách biệt giữa nền văn nghệ cổ điển và tân tiến, đồng thời độc giả cũng ý thức được một chiều hướng nghệ cảm mới thích hợp với trào lưu tân tiến. Một bằng chứng cụ thể nhất là tác phẩm của văn sĩ Theodore Dreiser, cuốn « Sister Carrie » xuất bản năm 1900 bị nhà xuất bản rút ra khỏi thị trường, lại được phát hành trở lại vào

năm 1907 nghĩa là sau 7 năm nó được xếp vào trong xó nhà xuất bản.

Sở dĩ quyền « Sister Carrie » gặp sự không may đó vì nội dung của nó có tính cách công kích kịch liệt. Quyền sách sắc bén hơn của Edgar Lee Masters là quyền « Spoon River Anthology », xuất bản vào năm 1915, thành công tốt đẹp về mặt vật chất và gây được tiếng vang sâu rộng về mặt tư tưởng.

Tiếp đến, Thế giới Đại chiến thứ I đã ảnh hưởng mạnh đến tinh thần và thái độ của người dân Mỹ khiến họ sẵn sàng chấp nhận trong văn chương tất cả những tư tưởng, lý luận mà trước kia họ cho là vô lễ sỗ sàng. Trước trào lưu tư tưởng mới này, nhà văn William Dean Howells nhận định rằng : «những khía cạnh tốt đẹp của cuộc đời là đặc điểm thứ nhất của Hoa Kỳ lại tỏ ra không còn đúng với sự thật đối với những người Mỹ đã từng chứng kiến, chịu đựng hoặc đương đầu với một cuộc thế chiến cực kỳ ghê gớm. Con người và xã hội không đúng với trí tưởng tượng của họ nữa. Họ bị bắt buộc phải công nhận sự độc ác và sự đồi trụy. Mãi

đến nay, họ mới nhận thấy rằng tội ác và sự đau khổ là những điều xảy đến cho họ thường xuyên ; tất cả cái gì mà họ không tin là hiện hữu trong đời sống lại lù lù đến với họ sau trận đại chiến thế giới tàn bạo, gớm ghiếc. Người Mỹ mới sáng mắt ra nhận thức được rằng sự tươi đẹp của cuộc đời không còn là đặc điểm của họ hay của một sắc dân nào khác trên thế giới nữa. Cuộc đời là tội lỗi, đau khổ, là xấu xa, bẩn thỉu. Như thế thì tại sao họ không chấp nhận việc văn chương thể hiện, mô tả những sự thật chán chường đó, một sự thật mà không một ai chối bỏ được ? »

Ngay sau đó, truyền thống « tao nhã » trong văn chương cổ điển Mỹ bị xóa bỏ một cách nhanh chóng không thể tưởng tượng được !

Thế rồi một hiện tượng mới lại xảy đến trong các tác phẩm mà người ta mệnh danh là một sự đổi thay quan trọng nhất của nền văn chương Hoa Kỳ vào đầu thế kỷ thứ 20. « Thuyết tả chân » mà trước kia người ta cho là tàn nhẫn sỗ sàng hay gì gì nữa, một tính chất «ngay thẳng» ở đầu ngòi bút mà trước đây ai cũng cho là tục tĩu, hạ cấp hoặc

một quan niệm bi quan mà mọi người đã loại hẳn ra ngoài vòng sáng tạo vì bị buộc tội là bệnh hoạn, đồi trụy thì bây giờ lại được ngưỡng mộ, trọng vọng, diễn tả thật linh động, sắc bén trong tác phẩm ; độc giả dồn hết nghệ cảm vào « tả chân chủ nghĩa ». Các tác phẩm điển hình nhất là quyển : « J u r g e n » (Thằng Thẩn) của James Brach Cabell, xuất bản năm 1919, « Winesburg Ohio » của Sherwood Anderson (1919) có tính cách tả chân và cuốn « Vaste Land » của T. S. Eliot H. L. Mencken diễn tả một quan niệm bi quan yếm thế. Nhà văn Mencken trình bày một loạt tư tưởng bi quan của mình trong bộ sách « Préjudices » và ông là một trong số văn sĩ cấp tiến được mến chuộng nhiều nhất lúc bấy giờ. Sau cuốn « An American Tragedy » (Một thảm kịch của Hoa Kỳ), Mencken đã bước lên đỉnh đài danh vọng của nền văn chương Mỹ. Trong tiểu thuyết đó, ông đã phối hợp thuyết tả chân với một chủ nghĩa vô tín ngưỡng.

Tới đây, nhìn vào số sách mới xuất bản của các văn sĩ Mỹ,

người ta đều thấy phảng phất ít nhiều cái tư tưởng mới đó mà những tên tuổi trên kia là những nhà văn tiêu biểu nhất cho cao trào sáng tác có tính cách « nhìn thẳng vào sự thật ».

Nhưng lại có phe chống đối

MẶC dù đó là một cao trào đang gây được nhiều ảnh hưởng to lớn, vẫn gặp phải sức chống đối của một phe cánh khác. Từ những nhà phê bình đến độc giả, người ta chia ra làm nhiều phe bên vực, công kích nhau kịch liệt. Phe này thì cực lực bác bỏ nền văn chương mới cho rằng nó âm mưu hủy diệt truyền thống tinh thần « tao nhã » của dân tộc Mỹ ; phe kia thì hoan nghênh bừa bãi, không cần phải phân biệt gì cả : họ quan niệm rằng những nhân vật chính cũng quan trọng như những nhân vật phụ và trong cuộc chiến đấu tư tưởng dài dai của 2 phe, người ta có dịp phân tích rõ ràng số tác phẩm của các nhà văn xu hướng theo cao trào văn chương mới.

Các nhà phê bình « bảo thủ » nghiêm khắc lên án các văn sĩ mới là bọn người « phá hoại » họ tìm cách hủy diệt cái truyền thống giá trị tinh thần mà không có gì để thay thế vào đó cả. Trong khi ấy thì hạng người chủ trương bênh vực, nền văn chương mới cương quyết phủ định lập luận có vẻ buộc tội của phe chống đối. Họ cho rằng đó là tư tưởng lạc hậu chỉ muốn bảo tồn những gì quá cũ kỹ không còn thích hợp với thực trạng xã hội và con người, hạng người « bảo thủ » đó không thích hoặc không dám nhìn thẳng vào sự thật và muốn phủ lên sự thật chán chường của một giai đoạn lịch sử bằng một lớp sơn hào nháng giả tạo, lừa đảo. Những cuộc bút chiến đấu khẩu gần như thường trực dằng dai suốt trong một thời gian khá lâu.

Tuy nhiên, khách quan mà nhận xét thì nền văn chương mới phần nhiều chỉ bác bỏ một số truyền thống, nếp sống tinh thần của người đương thời. Hầu hết các sách đều công kích, bài bác *đài các tính, thói quen giữ gìn tôn ty, trật tự, tính kỷ mỹ quá đáng và quan niệm dễ dàng cho rằng về căn bản, đời sống*

đương thời là một đời sống âm ỉm, tươi đẹp. Nền văn chương mới còn nhạo báng cái địa phương tính, lòng ái quốc vị kỷ và tính tự mãn về văn hóa dân tộc.

Những bài thơ châm biếm, những truyện ngắn trào lộng và những bài bút chiến dữ dội trên báo gây nên ảnh hưởng nặng nề cho phe đối lập, đồng thời càng tăng thêm uy tín của phe chủ trương « một nền văn chương mới. »

Song le, nó chỉ là một hình thức tư tưởng một chiều, chỉ biết công kích bài bác mà không nói rõ được ý nghĩa của một cuộc sống mới là như thế nào? Và phải xây dựng một cuộc đời tươi đẹp ra làm sao?

Nhà văn Dreiser thì lại muốn nói rằng : « đời sống tốt đẹp » là điều không thể nào có được. Nhưng Sinclair Lewis, tác giả cuốn « Main Street » (1920) được nhiều độc giả nhất trong số các tác phẩm theo tư tưởng mới, thì lại lý luận rằng : Khi « văn hóa » thay thế được « địa phương tính » thì đời sống tốt đẹp sẽ tự nhiên phát sinh. Nhưng tất cả đều có vẻ trừu

tượng không giải thích được một cách rõ ràng lập trường dứt khoát của nền văn chương mới.

Khuyh hướng mới

TRÃI qua những cuộc chuyển biến lớn lao trong nền văn chương Mỹ, từ cổ điển đến tân tiến, các văn sĩ Mỹ, các nhà phê bình văn nghệ, các độc giả Hoa Kỳ đã chứng kiến một cuộc chiến đấu dần dai giữa hai trào lưu tư tưởng mới và cũ. Suốt một thời gian dài, hai phe chống đối nhau vẫn không làm sáng tỏ con đường văn chương duy nhất của Mỹ.

Mới đây có một vài nhà bình luận đã chứng minh rằng nền văn chương Hoa Kỳ phải và sẽ phản ứng chống lại loại văn « tiêu cực » và « phá hoại » của bao nhiêu tác phẩm viết trong thế kỷ thứ 20 bằng cách trở về quan niệm của nhà văn Howells, là người chủ trương khai thác những phương diện tươi đẹp của đời sống Mỹ đương thời. Họ thường đề nghị lấy sinh hoạt của các thương gia, kỹ nghệ gia làm đối tượng và muốn khích lệ các văn sĩ nên ca tụng những

thắng lợi của sự sản xuất và mức sống cao của nhân dân Hoa Kỳ. Các nhà phê bình văn nghệ mong muốn rằng các văn sĩ hãy tự mãn và nói thẳng với độc giả của mình rằng : không những người ta có thể thực hiện « một Đời Sống Tốt Đẹp » mà chính đời sống tốt đẹp này đã được thực hiện từ lâu rồi.

Người ta không biết các nhà văn Mỹ có nghe theo lời khuyên của các nhà phê bình văn nghệ không ? Thật là khó hiểu, vì mãi đến nay hiện tượng chuyển hướng của nền văn chương Mỹ vẫn chưa cụ thể xuất phát từ trong số đông tác phẩm ra đời. Người ta nghĩ rằng nếu văn sĩ Faulkner đã thực sự nói cho thế hệ hiện tại thì nền văn chương nước Mỹ trong tương lai sẽ không có tính cách *tự mãn* mà cũng không phải là *tuyệt vọng*. Lúc ấy, văn chương sẽ quan niệm rằng : đầu óc và trái tim đều là những hạch, là những đề tài giá trị ; đồng thời, văn nghệ sĩ cũng sẽ nhận thấy rằng con người có thể là một cái gì khác hơn là nạn nhân của hoàn cảnh và công việc của nhà văn là nhắc nhở con người những điều mà con người có ý muốn quên lãng

hơn là xác nhận, dù rằng thái độ đó bao hàm sự tự mãn hay mới tuyệt vọng.

Đã trải qua nhiều thế kỷ, nền văn chương Mỹ có nhiều thăng trầm quan trọng nối tiếp từ một « nền văn chương cổ điển » đến một « nền văn chương mới. »

Tuy hãy còn mới mẻ so với các quốc gia tân tiến bạn, văn chương Hoa Kỳ cũng đã có nhiều thành tích tốt đẹp và cũng đã góp một phần tinh hoa lớn lao vào kho tàng văn hóa chung của nhân loại.

SĨ TRUNG

« Ngẫm cho kỹ, cuộc đời của người viết văn thật là cô quạnh. Các lò chức năng đỡ nhà văn quả có thoa dịu được cảnh cô đơn của văn sĩ, nhưng tôi không tin rằng có thể cải tiến được lối hành văn của hần... Bởi vì hần phải một mình sáng tác, và, nếu hần là một cây bút có hạng, hằng ngày hần phải nhìn thẳng vào sự thực là tác phẩm của hần hoặc sẽ đưa hần lên hàng bất tử hoặc sẽ chìm cả thân thể sự nghiệp hần xuống tận bùn đen ».

ERNEST HEMINGWAY

Văn hào Ernest Hemingway sinh năm 1899. Ông chọn nghề viết văn, trong lúc cụ thân sinh muốn ông trở thành bác sĩ hoặc nhạc sĩ.

Ông chuyên viết tiểu thuyết về loại chiến tranh, vạch cho người đời thấy những ảnh hưởng của chiến tranh đối với nhân loại hiện nay. Ông có một lối hành văn rất hùng mạnh và rất ít dùng từ ngữ.

Trong số những tác phẩm nổi tiếng nhất của ông có những quyển : « A Farewell to Arms », « The Sun Also Rises », « For Whom the Bell Tolls » và « The Old Man and the Sea ».

Ông được trao tặng giải thưởng Văn chương Nobel năm 1954 và tạ thế năm 1961.

H. P.

HOÀNG LAN

Giải thưởng Pulitzer

HÀNG năm cứ đến độ mùa xuân, lễ trao tặng giải thưởng văn chương Pulitzer cho những văn sĩ, ký giả và nhiếp ảnh gia Hoa Kỳ đã có những sáng tác phẩm, những bài báo đặc biệt và những tấm ảnh thời sự hy hữu trong năm vừa qua, lại được long trọng cử hành tại thư viện của Đại Học Đường Columbia bên Hoa-kỳ.

Đoạt được giải thưởng Pulitzer không những các văn nghệ sĩ đạt được danh vọng của nghệ thuật, văn chương, báo chí mà còn được hưởng những lợi tức vật chất nữa, vì một sáng tác phẩm đã được giải Pulitzer, khi in ra bán rất chạy.

Xuất xứ giải Pulitzer

Gải Pulitzer đã được đặt ra từ năm 1917, tính đến nay đã được bốn mươi lăm năm, theo bản di chúc của ông Joseph Pulitzer là một người Hung gia Lợi di cư sang Hoa-kỳ lập nghiệp và sáng lập ra tờ báo nói trên.

Nhờ tài chủ trương và khéo điều khiển tờ báo đó, Pulitzer trở nên giàu có.

Năm 1911, khi lâm chung, ông Pulitzer để lại một bản chúc thư trong đó gia tài của ông được đặt làm giải thưởng thuộc loại báo chí và văn chương mệnh danh là giải thưởng Pulitzer.

Những giải thưởng này gồm có :

— Một huy chương bằng vàng tặng cho tờ báo nào có đăng một thiên phóng sự hay một loạt bài có tính chất ích lợi công cộng.

Mỗi giải thưởng thuộc loại báo chí được tặng 1.000 mỹ kim, và mỗi giải thưởng cho những sáng tác phẩm văn chương hoặc nghệ thuật như nghệ thuật chụp ảnh, hay minh họa trên báo chương được tặng 500 mỹ kim.

Hàng năm, một ủy ban gồm có mười ba nhân viên do trường dạy làm báo ở Đại Học Đường Nữ-Uớc chỉ định, chọn lọc các tác phẩm và các bài báo có giá trị đệ trình lên Đại Học Đường Columbia. Đại Học Đường này giữ nhiệm vụ phân phát các giải thưởng căn cứ vào đề nghị của ủy ban chấm giải.

Người kế nghiệp ông Pulitzer hồi năm 1956 cũng tên là Joseph Pulitzer tuổi đã bảy mươi ba. Ông này có một người con và một người cháu trai cũng mang tên Joseph Pulitzer.

Ủy ban tặng giải Pulitzer, luôn luôn chú trọng tới quyền lợi của

công chúng, đúng với tinh thần bản chúc ngôn của ông Joseph Pulitzer, người đã sáng lập ra tờ « St Louis Post Dispatch. »

Hồi còn sinh thời, ông Joseph Pulitzer thường tuyên bố: « Một người chủ báo không được có nhiều bạn thân ». Luôn luôn gác bỏ quyền lợi tư để chỉ chú trọng tới lợi ích chung, Pulitzer sáng lập một tờ báo chiến đấu sẵn sàng tố cáo những sự bất công và những sự biệt đãi.

Di cư sang Mỹ-quốc được mấy năm, Pulitzer thu thập được số tiền để dành nhỏ mọn, liền xuất bản tờ báo « St. Louis Post Dispatch. » Số đầu, 4 trang, phát hành vào ngày 12 tháng 12 năm 1878 và in có 987 tờ.

Đến nay, sau ngót 80 năm góp mặt trên đàn ngôn luận, tờ Post Dispatch mỗi kỳ xuất bản 400 ngàn số, có riêng một đài vô tuyến điện, một đài vô tuyến truyền thanh và số thâm nhập hàng năm là 24 triệu mỹ kim.

Hai người con trai thứ hai thứ ba của ông Joseph Pulitzer tiếp tục giữ đúng đường lối của tờ Post Dispatch và làm cho tờ báo này hiện nay chiếm một địa vị ưu thắng trong làng báo.

Chính tờ Post Dispatch cũng đã năm lần đoạt giải Pulitzer, và đây là kỷ lục vô địch. Tuy nhiên, Joseph Pulitzer, cũng có chân trong ủy ban chấm giải, không bao giờ tham dự vào những buổi thảo luận khi đề cập tới những bài đăng báo Post Dispatch.

Mấy tác phẩm được thưởng

TRONG số những tác phẩm văn chương được giải thưởng Pulitzer, đáng chú ý nhất là cuốn « Ngư ông và Biển cả » (The Old Man and The Sea) của văn sĩ Ernest Hemingway. Tiểu thuyết này đã đăng ở tuần báo Life, trước khi in thành sách. Nội dung diễn tả một lòng dũng cảm vô song. Chuyện kể một lão ngư ông ở Cuba, Santiago, sau một thời gian toàn gặp rủi, may đánh được một con cá to nhất, từ xưa tới nay chưa bao giờ từng trông thấy. Sau một cuộc vật lộn kịch liệt, ngư ông bắt được con cá, nhưng rồi sau bị cá kinh đớp tranh mất mồi. Câu chuyện đơn giản chỉ có thế, nhưng văn tài của tác giả đã đưa đến một thành công rực rỡ.

Năm 1952, cũng như năm 1945 và 1948, các tác phẩm trúng giải Pulitzer đều thuộc loại tiểu thuyết chiến tranh. Văn sĩ James Michener trong cuốn « Những mầu chuyện ở Nam Thái Bình Dương » (Tales of the South Pacific) tả lại những cuộc thủy chiến của Hải Quân Hoa-kỳ đánh nhau với Nhật-bản. Michener là một y sĩ của thủy quân trong thời chiến. Ông đã viết mười tám truyện làm sống lại một vài vai đoạn của nhân loại, mà vai chính là viên hoa tiêu Tony Fry. Một nhạc kịch phóng tác theo cuốn tiểu thuyết trên đã được trình diễn liên tiếp tại khu hí viện Broadway hơn hai năm.

Cuốn tiểu thuyết « Một chiếc chuông cho làng Anado » (A bell for Adano) của John Hersey, (giải Pulitzer 1945) tả cảnh sinh hoạt của một làng nhỏ ở đầu mỏm Sicile (Ý) sau cuộc đổ bộ của quân đội Đồng minh, và những sự cố gắng của viên sĩ quan Victor Joppolo làm cho dân làng ấy có cảm tưởng là vẫn sống theo nếp căn bản bình thường. Khi tìm được cách tặng lại dân làng Adano một chiếc chuông đã bị chiến tranh tàn phá, Victor bị khiển trách là bất

tuân thượng lệnh và phải dời đi nơi khác. John Hersey cũng là tác giả cuốn « Hiroshima » và cuốn « Bức Trường Thành » (La Muraille) tả những thảm cảnh của xóm người Do-Thái ở kinh thành Varsovie thủ đô Ba-lan, dưới sự kiểm soát của Đức Quốc Xã.

Có nhiều điều đáng chú ý là những tiểu thuyết loại chiến tranh được giải thưởng Pulitzer đều là những sáng tác phẩm không theo lối cổ điển. Trong cuốn « Những mẩu chuyện ở Nam Thái Bình Dương » cũng như trong các cuốn « Cuộc nổi loạn trên tàu Caine » và « Chiến chuông cho làng Adano », câu chuyện chính không phải là chiến tranh, chỉ là vấp vấp của một bức họa, còn con người và những sự va chạm, xung đột giữa người với người mới là những hình nổi, trên bức tranh.

Vừa là nhiệm vụ của những quân nhân, những vai chính trong ba tác phẩm trên luôn luôn nghĩ tới trách nhiệm của con người.

Một cuốn tiểu thuyết khác đoạt giải Pulitzer (1947) là cuốn « All The King's Men » của thi sĩ Robert Penn Warren đã được

đem quay thành phim. Đây là chuyện Willie Stark, một tên gian hùng ở miền Nam Mỹ đã đạt tới tột độ của danh vọng và uy quyền. Nhưng vì lòng dục vọng vô bờ bến, nên Willie Stark đã phải bỏ mạng, chấm dứt lòng khao khát danh vọng của y.

Trái lại cuốn « Journey in The Dark » (Cuộc hành trình qua đêm tối) của Martin Flavin (Pulitzer 1944) là một sáng tác thuộc loại cổ điển, nghiên cứu một cách tỉ mỉ và sâu sắc đời sống của một công dân Mỹ ở miền Trung Tây, từ hồi nhỏ sống ở Iowa cho tới khi thành công ở Chicago.

Năm 1959, các giải thưởng Pulitzer về văn chương đã được phát ra như sau : Robert Lewis Taylor về cuốn tiểu thuyết « The Travels of Jaimie McPheeters », Archibald MacLeish với vở kịch « J.B. » ; cố bác sĩ Leonard D. White với cuốn sách lịch sử « The Republican Era : 1860-1901 » (giải này được chia cho cô Jean Schneider là người giúp việc cho bác sĩ), Arthur Walworth với cuốn sách tiểu sử « Woodrow Wilson, American Prophet » ; và Stanley Kunitz với cuốn sưu tầm thơ nhan đề là « Selected Poems 1928-1958 ».

Qua các tác phẩm đã đoạt giải Pulitzer, người ta nhận thấy rằng Ban giám khảo cũng đã nói rộng đôi phần quan niệm trong việc chọn lọc hàng năm. Từ nhà văn lão luyện Hemingway đến nhà viết báo trẻ John Hersey, mỗi người có một vận may riêng.

Ông Joseph Pulitzer đã quyết rằng trong tất cả những điều hay mà một tác phẩm văn nghệ cần phải có, quan hệ nhất là sự vô tư.

Các giải thưởng khác

Ngoài những giải thưởng Pulitzer ra, tại Hoa-kỳ còn có những giải thưởng văn chương khác gọi là « Giải thưởng quốc gia về sáng tác phẩm » (National Book Award) đã thưởng cho những cuốn « The man with the Golden Arm » (Gã hồ ly có cánh tay vàng) và « Invisible Man » (Người Tàng Hình) của tác giả Ellison, một văn sĩ người Mỹ da đen. Chuyện « Gã hồ ly có cánh tay vàng » cũng đã được đem quay thành phim.

Tuy nhiên, những sáng tác phẩm thuộc đủ các ngành, thi,

họa, nhạc, kịch, lịch sử, tiểu thuyết, nhiếp ảnh, đoạt giải Pulitzer, vẫn được công chúng đặc biệt ưu đãi hơn.

Công chúng cũng hiểu rõ rằng ủy ban chấm giải bao giờ cũng chú ý tới phẩm hơn là lượng, sự cố gắng hơn là sự thành công và cân nhắc kỹ lưỡng trước khi ấn định các giải thưởng. Hàng năm mỗi khi sách xuất bản ra, cũng như các bản nhạc, các bài báo, các thiên phóng sự, các kịch phẩm, đều được ủy ban chấm giải chọn lọc, vào hồi đầu xuân. Các tác giả, các soạn giả chờ đợi ngày vinh quang đó, để bước lên đài danh vọng.

Tất cả các tác phẩm được giải đều là những tác phẩm đã hoàn tất và đã đăng lên báo chí hoặc đã xuất bản trong năm trước, trừ có bộ môn kịch nghệ và âm nhạc ; trong hai lãnh vực này, những kịch phẩm và bản nhạc sản xuất trong thời gian mười hai tháng từ mùng 1 tháng Tư năm trước cho tới 31 tháng Ba năm sau mới được lựa chọn để chấm giải. Dưới đây là các tác phẩm trúng giải Pulitzer năm 1960 cho ba ngành văn chương, báo chí và âm nhạc, phát tặng hồi tháng 5 năm 1961.

Về các bộ môn văn chương

Giải phóng sự quốc tế về ký giả Lynn Heinzerling (Associated Press) với thiên phóng sự trình bày cuộc khủng hoảng ở Congo và những vấn đề khác liên hệ tới Phi-châu.

Giải phóng sự quốc gia về ký giả Edward R. Cony của báo The Wall Street Journal về những bài báo phân tích công cuộc buôn gỗ xúc đã lưu ý công chúng tới vấn đề đạo đức như thế nào.

Giải sản tin địa phương (loại cấp tốc) về Sanche De Gramont của báo Nữu-Ước Diễn Đàn (New York Herald Tribune) với bài trần thuật cái chết của ca sĩ Leonard Worren trên sân khấu hí viện Metropolitan Opera, ngày 4, 1960.

Giải phóng sự địa phương (loại điều tra) về ký giả Edgar May của tờ The Buffalo Evening News với một loạt bài của ông trình bày những công cuộc an ninh ở tiểu bang Nữu Ước.

Giải Xã Luận về William J. Dorvillier, bình luận gia của báo

San Juan Star (Puerto Rico) về một loạt bài xã luận trình bày sự can thiệp vào cuộc bầu cử Thống Đốc năm 1960 ở Puerto Rico.

Giải hí họa về họa sĩ Carey Orr của báo Chicago Tribune cho toàn thể những tranh hí họa và châm biếm của ông.

Giải sản tin bằng hình ảnh về Yasushi Nagao, phóng viên nhiếp ảnh Nhật của báo Mainichi ở Đông-kinh (Nhật-bản) vì đã chụp được bức hình giữa lúc nhà lãnh tụ xã hội Nhật Inejiro Asanuma bị một sinh viên Nhật đâm chết bằng dao găm ngày 12-10-1960.

Đây là lần đầu tiên giải tin tức bằng hình Pulitzer về tay một phóng viên nhiếp ảnh ngoại quốc.

Giải công vụ đáng tưởng thưởng về nhật báo The Globe Times của tỉnh Amarillo, Texas, vì gây được phong trào chống hà lạm trong chính quyền địa phương và đã trình bày việc thi hành một đạo luật địa phương đã đem lại cho cuộc tuyển cử một sự cải cách trong bản danh sách tạm của các ứng cử viên.

Về báo chí

Giải tiểu sử : cuốn « *Charles Summer and the Coming of the Civil War* » của David Donald, giáo sư sử học tại Đại Học Đường Princeton.

Giải văn nghệ « All The Way Home », một kịch phẩm phỏng soạn theo cuốn tiểu thuyết đoạt giải thưởng Pulitzer năm 1958, đã đoạt giải thưởng kịch nghệ năm 1960, phát tặng hồi tháng năm 1961 tại Nữ Ước.

Đây là lần đầu tiên trong 45 năm lịch sử của giải thưởng Pulitzer, mà một kịch phẩm soạn theo một cuốn tiểu thuyết đã từng đoạt giải Pulitzer.

Kịch phẩm « All The Way Home » trước đây đã đoạt giải thưởng của giới *Phê Bình Kịch Nghệ Nữ Ước* (New York Drama Critics Circle) và được gọi là kịch phẩm Mỹ hay nhất trong mùa kịch. Vở kịch này đã bắt đầu trình diễn vào ngày 30-11-1960, tại Hí Viện Belasse và kéo dài mãi cho tới tháng năm 1961. Các phê bình gia cho vở kịch là một sự thành công rực rỡ trong bộ môn kịch nghệ, song lại không hấp dẫn khán giả. Mãi cho tới khi các nhà sản xuất tuyên bố

sẽ ngưng diễn vở kịch này vào cuối tháng tư 1961, lúc đó khán giả mới nhận chân thấy giá trị của kịch phẩm và ùn ùn kéo nhau đi xem, chẳng khác nào trường hợp của cuốn phim *Lã Sanh Môn* (Roshomon) của Nhật. Khi chiếu ở Đông-kinh, phim này không được khán giả Nhật yêu chuộng, mãi sau khi đã đoạt giải sư tử vàng ở Ý, và nhiều giải khác nữa ở ngoại quốc, phim *Lã Sanh Môn* lúc đó mới được chính thức nước Nhật hoan nghênh.

Kịch phẩm « *All The Way Home* » do Tad Mosel phỏng soạn theo cuốn tiểu thuyết « *A Death in the Family* » (Một cái chết trong gia đình) của văn sĩ James Agee, đã mệnh chung vào năm 1955 hưởng thọ 45 tuổi. Kịch phẩm và tiểu thuyết đều miêu tả ảnh hưởng của cái chết bất thần của một người chủ gia đình đối với vợ và con trai. Chính ông Agee chết đi cũng để lại một vợ và ba con nhỏ. Tiểu thuyết « *A Death in the Family* » được truy tặng giải Pulitzer năm 1958 sau khi tác giả đã chết được ba năm.

Giải tiểu thuyết hay nhất cho năm 1960 về cuốn « *To Kill A*

Mocking Bird » (Giết con chim « Khiếu ») (một loại chim hay hát ở Mỹ bắt chước rất tài tiếng hát của những con chim khác) của nữ sĩ Harper Lee, một thiếu phụ miền Nam. Đây là cuốn tiểu thuyết đầu tay của nữ sĩ, miêu tả nếp sinh hoạt tại một tỉnh lỵ miền Nam, và vai chính là một cô gái nhỏ tên là Scout Finch. Cuốn tiểu thuyết này đã đăng trên tạp chí Reader's Digest và tập Literary Guild.

Giải thưởng về lịch sử về cuốn « *Between War and Peace : The Postdam Conference* » (Giữa hòa và chiến : Hội nghị Bốt-Đam) của Herbert Feis, một nhà kinh tế học.

Giải thi ca về tập thơ « *Times Three : Selected Verses From Three Decades* » của nữ sĩ Phyllis McGuiley, 56 tuổi. Nữ sĩ cũng đã từng đoạt giải Edna St. Vincent Millay của Hội Thi Ca Mỹ. Những thi phẩm khác của nữ sĩ là « *The Province of the Heart* » (Đô thị của trái tim). « *The love letters of Phyllis McGuiley* » (Những bức thư tình của Phyl-

lis McGuiley) và « *Stones from a glass house* » (Những tảng đá của tòa nhà kiếng).

Về âm nhạc

Gải âm nhạc về nhạc phẩm « *Symphony tập 7* » của Walter Piston, giáo sư âm nhạc tại Đại học đường Harvard. Nhạc sư Walter Piston cũng đã đoạt giải Pulitzer năm 1948 về nhạc phẩm Symphony tập 3 của ông.

Bằng tưởng thưởng đặc biệt

Một văn bằng tưởng thưởng đặc biệt đã tặng riêng cho cuốn sách « *American Heritage Picture History of the Civil War.* » Đây là một cuốn sử về cuộc nội chiến Hoa-kỳ, có đăng kèm hình ảnh và tranh vẽ thực hiện với sự hợp tác của tám nhà khảo cứu, sưu tầm, văn gia, họa sĩ, nhiếp ảnh gia và sử gia danh tiếng Bruce Catton.

HOÀNG LAN

TRẦN VIỆT THANH

Nước Mỹ ngày nay

CHÂU MỸ còn được mệnh danh là Tân Thế Giới. Có lẽ vì muốn xứng đáng với danh nghĩa đó cho nên tất cả những gì mới lạ đều được Hoa-kỳ thích nghi và phát triển. Ở đây, cái gì cũng thay đổi mau chóng hơn những nơi khác : phong cảnh, tập tục và tất cả các vấn đề.

Một trong những bí quyết của động lực tính của người Hoa-kỳ là tinh thần chuộng đổi mới. Chính tinh thần chuộng đổi mới này phần lớn là động cơ của nền kinh tế. Tinh thần ấy đã không cho phép dân tộc Hoa-kỳ do dự mỗi khi họ cần phải đi kiến tạo một đời sống mới ở những chỗ khác quê hương họ.

Chính tinh thần chuộng đổi mới đã kích thích trí tưởng tượng và sự tìm tòi nghiên cứu. Tuy nhiên đổi mới theo người Hoa-kỳ không có nghĩa là hành động theo lối thô bạo và hung hãn, không có một cuộc cách mạng toàn diện mà chỉ là một cuộc cải cách theo đường lối ôn hòa.

Tinh thần chuộng đổi mới biến xứ Hoa-kỳ thành một nước giàu mạnh. Vì vậy, dù mới lập quốc sau các nước khác thuộc cự thế giới, Hoa-kỳ đã tiến bộ vượt bậc và ngày nay là một cường quốc đang có một chương trình giúp đỡ thiết thực để xây dựng các nước chậm tiến.

HOA KỲ ĐÃ ĐỔI MỚI NHƯ THẾ NÀO ?

Phương tiện chuyên vận và dân số của Hoa Kỳ

GIỮA những năm 1900 và 1940, Hoa-kỳ đã thay đổi n h a n h chóng không khác gì giữa những năm 1860 và 1900. Các thành thị cứ tiếp tục « nuốt » thôn quê. Trong số một trăm ba mươi một triệu dân (131.000.000) trong năm 1940, đã có đến bảy mươi bốn triệu (74.000.000) sống ở đô thị. Trong khoảng từ 1905 đến 1910, mỗi năm số dân chúng đổ dồn về các đô thị lên gần một triệu người (1.000.000). Sau năm 1927 chính phủ đã phải hạn chế việc xâm nhập đô thị xuống đến mức tối đa là một trăm năm mươi ngàn (150.000) trong số đó mỗi quốc gia được quyền chiếm một phần, tỷ lệ với số quốc dân của mình ở trong tổng số dân cư của Hoa-kỳ thống kê trong năm 1920. Nói một cách khác, Hoa-kỳ tiến hành củng cố thành phần chủng tộc và ngôn ngữ của dân cư theo chiều hướng có lợi cho giống Anglo-Saxon.

Những sự phát triển các phương tiện chuyên chở đã làm

cho các nòi giống được pha trộn theo một mức độ càng ngày càng nhanh. Năm 1900, Hoa-kỳ chỉ có tám ngàn chiếc ô-tô, năm 1941, số xe hơi lên đến ba mươi hai triệu (32.000.000) cả một hệ thống xa lộ tối tân đã được kiến tạo. Những sự chuyên chở bằng đường hàng không lại phát triển với mức độ nhanh chóng đến nỗi vượt quá xa mức tiên liệu của Wells. Từ ngày anh em Wright thí nghiệm cuộc phi hành đầu tiên năm 1908 ở Fort. Mayer (Virginie) với tốc độ 35 dặm Anh mỗi giờ (1 dặm Anh : 1.606 m 30) cho đến khi bùng nổ cuộc thế chiến thứ nhất (1914), máy bay đã được sử dụng để phục vụ cho môn thể thao và các cuộc nghiên cứu về khoa học. Ngày nay đường hàng không chạy ngang dọc khắp xứ. Tất cả các đô thị lớn đều có phi cảng. Người ta có thể xuyên qua lục địa trong vòng vài tiếng đồng hồ. Muốn đi từ Pittsburg đến Philadelphie phải đi sáu ngày, năm 1812 ; mười bốn giờ, năm 1845 ; và hai giờ, năm 1940. Năm 1941, đã có bốn triệu rưỡi du khách đến Hoa-kỳ bằng đường hàng không. Tháng năm năm 1927, Charles Lindbergh bay lần đầu tiên qua Đại Tây

Dương. Ngày nay những phi cơ xuyên Đại Tây Dương (trans-océaniques) đi về đều đặn như các tàu thủy.

Phương tiện thông tin

NHỮNG phương tiện thông tin cùng với các phương tiện chuyên chở đã thống nhất xứ sở. Đài phát thanh WEA F ở Nữ Ước là đài đầu tiên đã ra mắt dân chúng năm 1924. Sau đó đến lượt các đài Columbia Broadcasting System (hệ thống truyền thanh Columbia) đài National Broadcasting Company (Công ty truyền thanh Quốc Gia) và rất nhiều đài độc lập. Ngày nay, đối với công luận, đài phát thanh có một ảnh hưởng không khác gì báo chí. Luôn luôn ngày và đêm, lúc nào cũng có những bản tin tức được phổ biến và các nhà bình luận thì giải thích cho dân chúng nghe — mỗi người một lối — những gì mà họ cần suy nghĩ. Chính phủ lại dùng những hệ thống hàng không để thông báo cho dân chúng trong những trường hợp quan trọng. Chính nhờ các hệ thống truyền thanh mà hàng triệu gia đình ngồi bên

lò sưởi có thể nghe được những bài diễn văn giản dị và rõ ràng của Tổng Thống Franklin D. Roosevelt, người đã được nhiều dân chúng biết và cảm mến.

Về báo chí có thể nói rằng ngoài một vài tờ rất ít như New York Times (Nữ Ước Thời Báo) Christian Science Monitor được giới thượng lưu trí thức toàn xứ đọc, còn nói chung thì địa phương nào đọc báo địa phương nấy. Điều đáng chú ý là có những tờ chức « dây chuyền » báo thuộc quyền sở hữu của nhiều nhóm (Scrips Howard Press, Hearst Press) và tất cả hội viên của những tờ chức ấy lại đăng tải những tài liệu như nhau, trong một ngày. Ký giả đặc trách một môn nhất định trong tờ báo hằng ngày giữ vai trò của nhà bình luận ở đài phát thanh.

Có rất nhiều tạp chí được bày bán trong 50 tiểu bang. Harpers và Atlantic Monthly được xem như hai tạp chí Revue de Paris và Nouvelles Revue Française trước đây của Pháp. Những tạp chí khác như Saturday Evening Past, Collier's, Liberty, The Reader's Digest mỗi kỳ đều được ấn hành hàng triệu số.

Sau khi cuộc đại chiến chấm dứt, ngành vô tuyến truyền hình đã giữ một vai trò càng ngày càng quan trọng trong đời sống của các gia đình Hoa-kỳ. Năm 1952 số máy vô tuyến truyền hình đã lên đến hai mươi một triệu (21.000.000), những thời sự lớn lao như lễ đăng quan Tổng Thống, công cuộc điều tra của Thượng nghị viện... đều được vô tuyến truyền hình. Do đó mọi người đều thấy được hình dáng và cử chỉ của các chính khách. Điều này đã gây một ảnh hưởng mới mẻ trong đời sống chính trị ở Mỹ.

Nền điện ảnh và đời sống gia đình ở Hoa Kỳ

NHƯ trên đã nói, các đô thị và phương tiện chuyên chở phát triển rất mau chóng. Việc phát triển này đã làm xáo trộn cuộc sống trong gia đình của nhân dân Hoa-kỳ. Trong những đô thị lớn, giá thuê nhà càng cao, do đó diện tích sống chung trong gia đình mỗi ngày phải thu hẹp lại đến một mực độ mà người ta thấy khó chịu. Việc thuê người giúp việc trong gia

đình cũng càng ngày càng khó. Vì vậy các khách sạn mọc lên nhan nhản, rất nhiều người Hoa-kỳ đã bắt đầu quen sống với cuộc sống ngoài gia đình. Buổi trưa, mỗi người tùy tiện ăn cơm ở một nơi gần chỗ làm việc, trong một tiệm ăn hay một quán nước. Trẻ con thì cả ngày ở lại trường. Sau lớp buổi chiều, chúng ra về từng cặp tùy từng lứa tuổi. Chúng rất tự do, sự tự do ngày nay của chúng là một điều trái tai gai mắt đối với các ông bà xưa. Rạp chiếu bóng giúp cho những cặp trẻ lang thang ấy một chỗ tạm trú. Nền điện ảnh bắt đầu cho dân chúng xem những phim câm vào năm 1903 ; mười năm sau, năm 1913 mới xuất hiện trên màn ảnh những mẫu chuyện có nhiều tình tiết. Phim đầu tiên là Les Mystères de New York (Những bí mật thành Nữ Ớc). Mãi đến năm 1929 mới có phim nói. Năm 1930 hàng tuần có chừng Tám mươi lăm triệu người đi xem chiếu bóng. Nhờ có nhiều minh tinh thượng thặng, nền điện ảnh Hoa-kỳ đã chinh phục được hoàn cầu. Nam minh tinh đặc sắc nhất của thế kỷ chúng ta là Charlie Chaplin. Trong vai hề Charlot, Charlie Chaplin tượng

trung cho những ước vọng ngày thơ và nỗi buồn man mác. Dịu dàng, bị áp chế và luôn luôn nhẫn nhục, với chiếc gậy và đôi giày to tướng. Charlot luôn luôn bị thua cuộc nhưng lúc nào cũng giữ một niềm hy vọng trong tâm hồn và nơi môi, một đóa hồng.

Tại Mỹ quốc nền điện ảnh đã tạo cho dân chúng một lối nhìn lạc quan và ngây thơ về cuộc đời. Nhưng những năm gần đây, đã thấy có đôi phần cay đắng và thực tế xen vào những ảo tưởng trên đây. Năm 1940, những cảnh ngoại tình hầu như bị loại khỏi màn ảnh.

Mức sống của dân chúng

ĐỜI sống dân chúng đã trở nên rất thư thái. Giá thị trường giảm xuống nhiều ; cuộc sống tiến đến mức đồng đều. Được như vậy là nhờ ở sự sản xuất từng loạt. Đó là tính chất căn bản của nền kỹ nghệ Hoa-kỳ. Mức sống của người Mỹ bức trung, nếu đem so với mức sống của người Âu, cũng vào bức trung, thì cao hơn về rất nhiều phương diện. Và mức sống này

càng ngày lại càng cao lên. Nhờ sự kiểm soát của chính phủ về việc sản xuất thực phẩm, người nghèo cũng như người giàu đều được mua những thức ăn tinh khiết như nhau. Nghề nấu ăn ở Mỹ từ lâu bị xem thường nay đã thu được nhiều tiền bộ nhanh chóng và đáng chú ý. Những công việc bếp núc và nội trợ trở nên bớt vất vả nhờ ở sự chế tạo những loại máy tinh xảo (máy lạnh, máy giặt, máy rửa chén đĩa v.v...), những áo quần may sẵn đều được cắt may khéo và thợ may theo ni tắc càng ngày càng ít dần. Xe hơi, máy khâu thanh, bồn tắm đều vừa tầm mua sắm của đa số của dân chúng, có thể mua trả dài hạn. Người ta đã nhận thấy nhược điểm của đời sống xã hội Hoa-kỳ là nhà ở. Nhiều khu vực nghèo đang được phá hủy và kiến thiết lại. Một trong những giải pháp cần được áp dụng là kiến tạo những đô thị phụ, lân cận những đô thị lớn để dân chúng có thể hàng ngày đi về được. Thực hiện việc hủy các nhà tồi tàn và tránh nạn thất nghiệp, Mỹ quốc sẽ chế tạo cho dân chúng họ những điều kiện sinh sống về vật chất cao hơn mức sống mà nhân loại đã được

thụ hưởng đến ngày nay. Ngược lại, sự sản xuất từng loạt dựa trên một hình thức quảng cáo sâu rộng và mạnh mẽ đã đem lại một cuộc sống đồng đều gần y hệt như nhau. Trong suốt thời gian một tháng nào đó, hàng triệu người Mỹ cùng uống một thứ giải khát (năm 1940 : Coca-Cola) cùng đọc một cuốn sách (Book of the Month Club), cùng xem một mẫu chuyện phim, cùng ăn những ngủ cốc giống nhau, cùng kể một số mẫu chuyện, cùng uống những dược liệu như nhau để rồi, đến tháng sau lại được cung cấp những nhu cầu khác, cũng từng loạt như tháng trước.

Vấn đề màu da

TRONG cuộc sinh hoạt chung, quy chế người da đen là một vấn đề đau lòng. Tuy là ở miền Bắc hay là ở miền Nam, vấn đề người da đen có hai sắc thái khác nhau. Trong vòng đại chiến thứ nhất (1917) một cuộc di cư vĩ đại người da đen đã diễn ra từ miền Nam đến miền Bắc. Cuộc di cư này có hai nguyên nhân, một là do sự cần

thiết để thay thế những binh sĩ trong các xưởng máy, hai là — điều này rất quan hệ — sự thu hút của những quốc gia nhìn nhận công quyền của họ. Năm 1940, miền Bắc có độ bốn triệu dân da đen, miền Nam, độ tám triệu. Ở miền Bắc họ được đầu phiếu tự do, do đó được tham gia một phần vào chính quyền, được hưởng những quyền lợi dành riêng như : nhà thương, trường học, tuy còn thiếu sót nhưng đã đánh dấu một bước tiến bộ. Luật sư và bác sĩ người da đen chỉ hành nghề trong dân chúng da đen. Hai sắc dân trắng và đen sống riêng biệt. Ở miền Nam người da đen không được xem là công dân. Người ta viện nhiều lẽ để họ không được đến các hòm phiếu. Bình đẳng trước pháp luật, đối với người da đen, chỉ là một chuyện thần tiên của người da trắng. Tuy nhiên người da đen đã tiếp bộ rất nhiều về phương diện trí thức. Nhiều trường đại học da đen như 'Spellman University ở Atlanta đã đào tạo nhiều nhà thông thái cả nam lẫn nữ. Năm 1942 ở Hoa kỳ có bốn mươi ngàn sinh viên da đen. Văn chương, âm nhạc và hội họa của người da đen cũng rất có giá trị.

Tôn giáo

VỀ phương diện tôn giáo có thể nói dân chúng Hoa-kỳ ở thế kỷ thứ 20, ít sùng đạo hơn ở thế kỷ trước. Phỏng chừng 50 % dân số Mỹ không có tên ở trong một nhà thờ nào. Tuy nhiên con số trên đây không phản ánh được thực tế tình cảm của người Mỹ. Hoa-kỳ là một xứ Thiên Chúa giáo nếu xét trên phương diện phản ứng về tình cảm hơn là phương diện tín ngưỡng bằng giáo thuyết. Đời sống đạo lý và đời sống chính trị được kết hợp với nhau thật chặt chẽ. Những đề tài thuyết pháp thường lấy ở trong các cuộc tranh chấp về chính trị. Đối với các tín đồ Thiên chúa giáo, kỷ luật rất chặt chẽ và luôn luôn người Công giáo phải giữ những nếp sống không thay đổi. Đối với họ việc hạn chế sinh sản (birth control) là cấm kỵ mà lý dị thì không được thừa nhận.

Ở Hoa-kỳ có đến hai mươi triệu giáo dân theo Thiên chúa giáo, hầu hết là người Âu-châu : Ái-nhĩ-lan, Đức, Ba-lan, Ý và một số ít người Pháp. Giáo hội cũng có trường trung tiểu học và đại học nhưng vẫn giữ tính chất và thái độ của nhóm thiểu số.

Cho mãi đến năm 1960, năm mà Tổng Thống Kennedy, người công giáo đầu tiên được đắc cử vào Bạch Cung, từ trước không có một ứng cử viên công giáo nào được đắc cử làm Tổng Thống Hoa-kỳ. Những người Mỹ Do-thái, nhân số lên đến năm triệu, hầu hết đều muốn lánh xa một chính giáo khắc khe ; những nhà thờ Do-thái cải cách, cũng kỵ theo lối Anh, được dựng lên rất nhiều. Hầu hết những cuộc diễn thuyết của người công giáo và Do-thái nhằm giảng giải về đạo lý và khuyến lệ sự khoan dung. Công việc này rất cần thiết, vì thỉnh thoảng ở Hoa-kỳ lại nổi lên những làn sóng chống da đen, chống công giáo Do-thái.

Văn học

TRONG thời gian đó, nền văn học Hoa-kỳ tách ra khỏi ảnh hưởng của văn học Anh quốc. Ngôn ngữ, luôn luôn đổi mới nhờ những sự phát minh chói lọi và những hình ảnh tân kỳ, có phần giống như ngôn ngữ Pháp vào thế kỷ 16. Lời văn và đề tài hoàn toàn là của Mỹ. Các nhà văn Theodore Dreiser, Sinclair Lewis và sau này Hemingway, Steinbeck,

Faulkner đại diện cho phái chống lạc quan chủ nghĩa. Trong các tác phẩm *Main-Street* và *Babbitt* Sinclair Lewis đã tả một cách độc ác những thành phố nhỏ của Middle-West (miền trung tây phần). Làm công việc đó, phải chăng Sinclair Lewis đã buộc tội những tầng lớp trung lưu của Mỹ. Hành động cho có hợp với lẽ công bằng chăng? Vernon Parrington, một nhà phê bình Mỹ đã trả lời rằng Sinclair Lewis và với Ông ta, các nhà văn của phái giác tỉnh (*l'école de la dés-illusion*) đã bỏ rơi điều mà người ta cho là tinh túy của Mỹ quốc và cũng quên cả điều nhờ đó Mỹ quốc đã bù lại lầm lạc của mình. Vernon Parrington viết : « Một đời sống giàu có và dồi dào trong đó mọi người đều hành động theo tinh thần trách nhiệm cao thượng và tuân theo kỷ luật của các trường dân chủ, đó là tính chất đặc biệt đã làm cho xứ ta khác hẳn với các nước Tây phương... thử hỏi ở đâu đã có được một cuộc cách mạng kỹ nghệ hoàn toàn lệ thuộc vào lý tưởng dân chủ hay được đề cao bởi những giá trị luân lý hơn ở Mỹ quốc? Tại đây cuộc cách mạng kỹ nghệ nói chung đã gieo rắc sự giàu có đến tận các lớp

người hẩm hiu nhất, đến nỗi gia đình nghèo khổ nhất cũng được sử dụng ống nước, điện thoại, máy khâu, xem chiếu bóng, đọc báo khôi hài và hàng ngàn tiện nghi mà trước đây vài thế hệ các vua chúa cũng không hề hưởng được. » Điều chắc chắn là cuộc cách mạng kỹ nghệ đã làm cho Châu Mỹ giàu mạnh. Những thư viện công cộng, bảo tàng viện, nhà thương miễn phí, Đại học đường dành cho tất cả mọi người, đều là những tiện nghi của một cộng đồng tổ chức giàu có và khoan hồng trong một xã hội đáng mến, có nhiều triển vọng đi đến chỗ hoàn hảo và gây cho công chúng một lòng trung thành chứng minh rõ rệt trong trận thế chiến vừa qua. Người Mỹ không có tinh thần quốc gia theo nghĩa của người Âu-châu; điều này rất dễ hiểu bởi vì đối với phần đông công dân Huê-kỳ ngôn ngữ, phong tục, tập quán khác biệt với ngôn ngữ, phong tục, tập quán của những người láng giềng họ. Những người Mỹ, kể cả những người thuộc về thời đại mới, đều thống nhất trong một nếp sống đặc biệt của họ, nếp sống đó, họ cố bảo vệ và sẵn sàng bảo vệ với bất cứ giá nào.

Tuy nhiên, ở Hoa-kỳ sau cuộc thế chiến thứ hai, người ta nhận thấy có một mối băn khoăn, sợ hãi càng ngày càng bành trướng thêm lên. Những người bị bệnh thần kinh suy nhược hơn ở Âu-châu, nhưng không quá nhiều như người ta đọc trong những tiểu thuyết. Đi sâu vào vấn đề, người ta có thể truy ra nguyên nhân sau đây : Ở Mỹ, nhờ có máy móc tinh xảo, các bệnh thần kinh dễ được người ta tìm thấy hơn.

Khoa học

DÙ người ta có nhận định thế nào về nền giáo dục ở Hoa-kỳ người ta cũng phải thừa nhận rằng trong địa hạt khoa học, Hoa-kỳ đã vươn lên hàng đầu trên thế giới. Giữa những năm 1930 và 1950, một phần ba giải thưởng Nobel về khoa học đều do người Hoa-kỳ chiếm. Sự thật, đôi khi một sáng kiến phát minh ở Âu-châu lại được khai thác ở Mỹ-châu. Nhưng chính ở đây sáng kiến mới được phát triển tới độ. Đó là nhờ ở tính thất tân kỳ và ưu tú của các phong trào bảo chế kỹ thuật và cũng nhờ ở hiệu quả tốt đẹp của công tác tập thể. Người Âu-châu

phát minh, người Mỹ-châu tổ chức. Về Y-khoa, người bác sĩ Âu trong địa hạt y khoa đại cương có thể nói là bậc nhất về khoa chẩn bệnh, nhưng việc nghiên cứu đề sáng chế ra những vị thuốc mới, sự tinh xảo về các khoa giải phẫu thì phải nói đó là sở trường của người Mỹ. Việc sáng chế ra những máy tính, có thể là máy suy nghĩ đã đạt được một kết quả siêu phàm. Một tỉ dụ : máy giúp cho súng cao xạ có thể biết trước đường bay của phi cơ địch và phóng pháo vào một điểm của đường bay tương lai của phi cơ ấy.

Trong lãnh vực khoa học, điều chúng ta đáng chú ý là việc khám phá không gian. Chỉ cách có năm năm trước thôi, nếu có người đặt vấn đề này thì người ta cho là kỳ cục. Vào thời đó, không gian — khoảng cách giữa các tinh tú — chỉ là một khoảng trống. Bầu trời với các ngôi sao lấm tấm chỉ là đề tài của các nhà chiêm tinh và thi sĩ.

Nhưng đã năm năm rồi trong vũ trụ đã có thêm 40 hành tinh nhân tạo trong đó có 31 của Huê-kỳ (29 hành tinh của địa cầu và hai hành tinh của mặt trời). Các

hành tinh này đã phát ra những tín hiệu về quả đất, nhờ đó người ta đã hiểu thêm được nhiều hiện tượng mới của vũ trụ.

Cũng cần nói thêm, hiện nay giữa Huê-kỳ và Nga-sô đang có một cuộc chạy đua lên cung trăng và Hoa-kỳ cũng đã công bố rằng sẽ lên cung trăng trước Nga. Ông James Webb, Giám Đốc Hành Chánh Hàng Không và Không gian Mỹ đã tuyên bố như vậy mà nhà Bác học Von Braun, người cha của những hỏa tiễn Mỹ cũng quả quyết như vậy.

Chính trị

VỀ phương diện chính trị, tuy rằng Mỹ quốc và Anh quốc đều là nước dân chủ, nhưng nguyên tắc nền tảng kiến tạo xã hội của hai bên đều khác nhau. Ở Anh quốc, cơ quan hành pháp (Nội các) chịu trách nhiệm trước cơ quan lập pháp (Quốc Hội) ; cơ quan này lại có quyền thay đổi Thủ Trưởng. Đó là những điều kiện bảo đảm cho những quyền tự do công cộng. Ở Mỹ quốc, Tổng Thống là người có toàn quyền trong cơ quan hành pháp, Quốc hội chỉ có quyền

thải hồi Tổng Thống bằng cách buộc tội, một thủ tục khó khăn và không thông dụng.

Vì vậy ở Mỹ quốc, quyền hành pháp vừa mạnh hơn và vững chắc hơn. Tuy vậy, những tự do công cộng vẫn được bảo đảm và được che chở bởi vì :

a) Cơ quan lập pháp (Quốc hội) có quyền bỏ qua quyền phủ quyết của Tổng Thống.

b) Cơ quan lập pháp lại có quyền biểu quyết về thuế khóa.

c) Tự do còn được Tối cao pháp viện che chở.

d) Sau bản Tuyên ngôn dân quyền (la Déclaration des Droits) một phần của Hiến pháp Hoa-kỳ — và quyền uy tốt bụng của dư luận quần chúng là những yếu tố quan hệ để bảo vệ những quyền tự do dân chủ. Thực tế, những sự xung đột giữa Tổng Thống và Quốc hội chưa bao giờ làm ngăn trở một cách trầm trọng sự điều hành guồng máy quốc gia ; không có một vị Tổng Thống nào đã thử hành động theo lối độc tài. Điều rất làm chúng ta chú ý là ở đây, kỷ luật và tự do hòa hợp một cách rất là tốt đẹp. Chế độ chính trị này đã được mọi người chấp nhận

và cả những nhóm cách mạng thiểu số (minorités révolutionnaires) cũng không dám công khai phản đối chính phủ, cơ quan tối cao đại diện cho nguyện vọng và quyền lợi của đa số. Có hai đảng truyền thống ở Hoa-kỳ mà chương trình hoạt động không rõ rệt. Hai Đảng này, thoạt nhìn người ta có cảm tưởng khó hiểu hơn Đảng Bảo thủ và Đảng Lao động ở Anh quốc. Nhưng về phương diện chính trị, trí khôn loài người khuyến cáo nên dùng điều mà ta hiện có mặc dù điều kiện có đó chưa đến mức hoàn hảo. Sự thật đã thành hiển nhiên là trong các đảng phái — Cộng hòa và Dân chủ —, những người Mỹ bảo thủ và người Mỹ cải cách đã thông cảm nhau và đã luân phiên nắm chính quyền gần như ở Anh quốc, sự luân lưu này chính là tinh túy của chế độ Mỹ vậy.

Sự quân bình và nền hòa bình nội tại của Mỹ quốc buộc các đảng phái phải có tính chất quốc gia và không được cục bộ. Trong lịch sử Hoa-kỳ tính chất cục bộ đã giữ một vai trò khá quan trọng : Đông và Tây đã chống đối nhau từ thuở các vị khai quốc. Bắc và Nam đã là hai màu xã hội khác nhau. Miền

Nam và Miền Tây hợp tác chặt chẽ với nhau, đã có thời kỳ cai trị rất lâu dài, sau đó miền Far-West (viên Tây) đã tạo được một bộ mặt khác biệt. Nhưng hầu hết những vụ xung đột vì quyền lợi đều được giải quyết êm thấm trong các hội đồng. Tập tục đã được quy định rằng trong việc phân chia ghế ở quốc hội người ta phải chú trọng đến mức quân bình giữa các miền. Nói chung, mặc dù sự chênh lệch giữa các miền bớt dần, vẫn còn nhiều nhóm nhỏ từng vùng xung đột nhau vì quyền lợi kinh tế và cả chính trị. Trong trận thế chiến trước, miền Đông bị thiệt thòi về súng nhiều hơn trung phần của miền Tây hay miền Nam.

Trong trận thế chiến với Nhật-bồn, người ta thấy miền duyên hải Thái Bình Dương tham gia nhiệt thành hơn miền duyên hải Đại Tây Dương. Miền Nam không nhìn và không thể nhìn vấn đề da đen với con mắt của những miền khác. Trong đời sống chính trị Hoa Thịnh Đốn thường bị áp lực của những nhóm chính khách địa phương, nhưng những sự phân tranh ấy đều nằm trong khuôn khổ của

hiến pháp và không phải là điều để người Hoa-kỳ sợ cho tương lai của xứ sở.

Nếu họ đoàn kết vì tình thương yêu những tổ chức chính trị của họ, thì ngược lại họ lại chia rẽ nhau vì quyền lợi kinh tế. Cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1929 và tình trạng thất nghiệp khá trầm trọng đã làm cho các giới trí thức trong vòng hơn mười năm trước nghĩ đến việc thay thế nền kinh tế tự do, cạnh tranh bằng một nền kinh tế có hướng dẫn. Chiến tranh năm 1941 cũng như trận thế chiến trước (năm 1917) đã thúc đẩy xu hướng trên đây và đã thực hiện tại Hoa Thịnh Đốn, những cơ quan trung ương có nhiệm vụ điều hòa sản xuất và phân phối. Ngay khi bắt đầu cuộc khủng hoảng kinh tế, một phần của nền kinh tế quốc gia do những phân cực của *New Deal* năm giữ (1). Có nhiều người chống lại xu hướng tập trung

trên đây và tưởng rằng sự cường thịnh của Hoa-kỳ là do công trình của những cá nhân quả cảm. Họ đã lập luận rằng sức sản xuất vô cùng quan hệ phục vụ chiến tranh và đã đem lại sự thắng lợi vẻ vang là công trình của kỹ nghệ tư nhân, nếu không có sự tận tâm và kinh nghiệm của các nhà kinh doanh, mức sản xuất sẽ không bao giờ được như vậy ; nếu quyền hành về chính trị và quyền hành về kinh tế mà tập trung vào một số người thì sẽ không có tự do. Có lẽ phải có sự thỏa hiệp giữa hai nguyên tắc. Chính quyền cần phải kiểm soát chặt chẽ hơn và cứng rắn hơn để tránh những cuộc khủng hoảng tái diễn như năm 1929, nhưng nếu từ bỏ những đức tính sáng tạo đã làm cho Hoa-kỳ trở nên hùng cường là một điều rất nguy hại. Sự kinh doanh của tư nhân và sự kiểm soát của chính phủ, không phải là hai ý kiến mâu thuẫn.

(1) *New Deal* là một tổ chức của chính quyền nhằm giúp đỡ các xí nghiệp tư nhân điều hòa sản xuất để tránh sự khủng hoảng về kinh tế. Tổ chức này phát sinh dưới thời của Tổng Thống F.D. Roosevelt.

Hoa Kỳ và thế giới

VỀ vấn đề đối ngoại, Hoa-kỳ đã có nhiều thay đổi quan trọng. Cô lập chủ nghĩa (*Isolationisme*) được xem là hợp lý

ở thời đại Washington, bị lung lay ở thời đại Wilson và ngày nay thì không còn lý do tồn tại nữa.

Mỹ-châu và Âu-châu chỉ cách nhau có vài giờ đồng hồ và có thể bị tấn công từ xa bằng hỏa tiễn điều khiển. Mật độ quá cao của các đô thị lớn của Hoa-kỳ đã biến các đô thị này thành những mục tiêu chính của bom nguyên tử đối phương. Mỹ quốc cũng không thể làm ngơ hoặc lạnh nhạt đối với những cuộc xung đột giữa các quốc gia Âu-châu trước đây, và ngày nay, giữa các quốc gia trên thế giới nói chung. Kinh nghiệm hai trận thế chiến vừa qua đã chứng minh hùng hồn rằng, Mỹ-quốc dù muốn dù không cũng phải tham gia vào các cuộc xung đột ấy. Những chính khách của hai đảng truyền thống ở Hoa-kỳ, ý thức rõ rệt sự nguy hại cho vận mệnh của xứ sở đã cố gắng dàn xếp những sự xung đột giữa đảng phái quốc gia để hướng mọi lực lượng vào việc đối ngoại. Vì vậy Tổng Thống Truman đã được đảng dân chủ và đảng Cộng hòa cử đại diện Hoa-kỳ ở Ba-lê. Một cuộc vận động khéo léo đã đưa đến một kết quả tốt đẹp : Hoa-kỳ gia nhập Liên-

hiệp-quốc (Nations Unies) danh hiệu mới của hội Quốc liên (Société des Nations). Ngày nay, không ai còn hỏi Hoa-kỳ sẽ cô lập hay không. Vấn đề mới đang đặt ra là Liên-hiệp-quốc sẽ hoạt động hay không ? Liên-hiệp-quốc có giữ nổi hòa bình cho thế giới không ? Ngay sau khi đại chiến thứ hai chấm dứt, thế giới bắt đầu chia làm hai phe, một phe do giống Slave cầm đầu và một phe do giống Anglo Saxon. Hai quan niệm khác nhau về chính trị và kinh tế chống đối nhau. Vì không tin nhiệm nhau các chánh phủ thù nghịch tìm cách dành về phần mình những thắng lợi về chiến lược, dựng lên những nước — đệm (Etats Tampons) thiết lập những căn cứ hải và không quân. Những biện pháp đó đã gây nhiều vụ xung đột. Nhân loại cần phải chọn 1 trong hai sự thật : Quốc gia liên hiệp hay Quốc gia thù nghịch. Các nhà bác học Mỹ phát biểu một cách răn rỏi và khủng khiếp : « Một Thế giới, hay không có thế giới... Một thế giới không chiến tranh, hay một thế giới không người... » Dân tộc Hoa-kỳ yêu chuộng hòa bình và chờ đợi người ta chỉ cho cách bảo vệ hòa bình. Ngày nay họ đã hiểu

rằng muốn chấm dứt chiến tranh thì phải giúp đỡ cho chiến tranh khỏi bùng nổ. Họ đã bắt đầu thực hiện điều này bằng cách phát triển quốc phòng và viện trợ các nước chậm tiến.

Trước hiểm họa Cộng sản, nhất là để đương đầu với sự đe dọa của Nga-sô, Hoa-kỳ dùng một ngân khoản thường niên là 40 tỷ Mỹ kim — tức một phần mười hai (1 phần 12) ngân quỹ quốc gia — để kiến tạo một bộ máy khổng lồ về quân sự, càng ngày được cải tiến : mỗi năm, nhiều khí giới hay nhiều sáng kiến về chiến lược mới được thêm vào cái vốn liếng cũ. Những sự nghiên cứu phát minh nhằm hai lãnh vực : Vũ khí nguyên tử với các phương tiện chuyển vận và, những vũ khí cổ điển. Trên lãnh vực thứ nhất, vũ khí mới là hỏa tiễn. Bom nguyên tử ngày nay có thể phân phối bất cứ chỗ nào trên địa cầu nhờ phi đội S.A.C. Thêm vào đó là những hỏa tiễn chiến lược (ICBM và IRBM) và hệ thống vũ khí không thể bị tiết lộ và ngăn cản được như các tiêu thủy đỉnh loại Nautilus, vô trang bằng hỏa tiễn Polaris có thể từ dưới đáy biển phóng lên, vô cùng nguy hiểm. Những vũ

khí ấy người đời hằng mong rằng người ta sẽ không bao giờ sử dụng đến.

Nhưng, mới nhất trên lãnh vực hỏa tiễn, phải nói là loại hỏa tiễn ALBM, tức là loại hỏa tiễn do phi cơ phóng đi. Hỏa tiễn ALMB rất lợi hại ở chỗ các ra-da khó mà nghe thấy được.

Trong việc phòng không, từ trước đến nay người ta vẫn dùng các vũ khí Nike Ajax, Nike Hercule và Hawk rồi đến loại Bomarc có tầm hoạt động gấp đôi (800 km). Ngày nay người ta đã dùng một khí giới tối tân hơn tức là hỏa tiễn chống hỏa tiễn Nike Zeus có thể tiêu diệt hỏa tiễn địch trong vòng bay.

Ngoài những loại vũ khí kể trên gọi là vũ khí đề « thuyết phục » lại có những vũ khí không nguyên tử dùng trong những vụ xung đột địa phương hạn chế (Bá-linh, Đài-loan v.v.) Để tránh một trận quyết liệt bằng nguyên tử năng toàn diện, người ta nghĩ đến việc thành lập một « lực lượng đề can thiệp » gồm có nhiều đơn vị tân kỳ vô trang bằng những khí giới nguyên tử với tầm hoạt động và năng lực ôn hòa. Hoàn toàn cơ giới hóa chuyển vận bằng phi

cơ, vũ trang đầy đủ với hỏa lực hùng hậu, huấn luyện hết sức thuần thục, đoàn binh này sẵn sàng can thiệp tức khắc để ngăn chặn, tiêu diệt bất cứ một lực lượng hăm dọa nào. Kế hoạch tăng gia binh bị trên đây không ngoài mục đích bảo vệ an ninh cho Hoa-kỳ và an ninh các nước đồng minh.

Chương trình phát triển quốc phòng trên đây được thực hiện song song với chương trình viện trợ các nước bạn. Đường lối chính trị này do Tổng Thống Truman đề xướng năm 1947, ông nói : « Chính sách của Hoa-kỳ là phải giúp đỡ các dân tộc tự do chống lại, hoặc những nhóm thiểu số vũ trang hoặc những kẻ thù ngoại quốc âm mưu đặc ách thống trị ». Cũng năm đó, Đại tướng Marshall trong một diễn văn ở Harvard tuyên bố : nếu những quốc gia Âu-châu thỏa hiệp trên một kế hoạch kiến thiết nền kinh tế chung, Hoa-kỳ sẽ tiếp tay với họ. Sau đó cuộc hội đàm ở Ba-lê đã quyết định tiến hành kế hoạch đó, và kế hoạch được gọi là kế hoạch Marshall. Những quốc gia bên kia bức màn sắt cũng được mời tham dự nhưng từ chối không nhận viện trợ mà

họ gọi là của « đế quốc tư bản », Quốc hội Hoa-kỳ đã thông qua kế hoạch Marshall năm 1947. Kế hoạch này thực hiện cho đến 1952 đã giúp đỡ các nước bị khốn đốn vì chiến tranh vượt qua giai đoạn khó khăn. Cho đến nay tinh thần kế hoạch Marshall vẫn tồn tại và Hoa-kỳ tiếp tục viện trợ các nước nhược tiểu, chậm tiến, giải quyết những khó khăn nội tại về phương diện kinh tế và quân sự để bảo vệ độc lập xứ sở.

Kết luận chúng ta có thể nói rằng, nhờ tài nguyên phong phú của xứ sở, nhờ tính chất cần cù, nhẫn nại, tiết kiệm, nhờ tinh thần chuộng đổi mới, dân tộc Hoa-kỳ mặc dầu lập quốc sau các dân tộc khác, đã chiếm một địa vị quan trọng trong trường quốc tế. Nhất là sau khi phát minh bom nguyên tử, nền khoa học ở Hoa-kỳ đã bột phát, người ta hy vọng sẽ có những năng lực rẻ tiền để nâng cao hơn nữa mức sinh hoạt chung.

Chiến tranh và cuộc thắng trận vừa qua đã gây cho dân tộc Mỹ một niềm tin tưởng chính đáng vào sự hoàn hảo của những tổ chức chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội của họ.

Những tổ chức này đã đứng vững trải qua các cơn giông tố phủ phàng, không hề bị lung lay, sút mẻ về phương diện luân lý, chính trị và cả về khả năng sản xuất. Nhờ đó, dân tộc Hoa kỳ đã có một nhận thức cao thượng về vai trò của mình trên thế giới.

TRẦN VIỆT THANH

« Tôi tin tưởng rằng con người sinh ra không phải chỉ để mà chịu khổ: có ngày con người sẽ thắng thế ».

Hắn bất tử, không phải vì trong muôn loài hắn là sinh vật duy nhất có thể lên tiếng mãi mãi, nhưng vì hắn có một linh hồn, một tinh thần khiến hắn biết thương người, hy sinh và chịu đựng.

Nhiệm vụ của nhà thơ và nhà văn là phải diễn tả những thứ ấy.

Đặc quyền của nhà thơ và nhà văn là giúp đỡ con người để hắn chịu đựng được cuộc sống, bằng cách nâng cao tinh thần hắn và nhắc cho hắn nhớ rằng lòng can đảm, danh dự, hy vọng, lòng tự ái, lòng trắc ẩn, tình thương người và lòng hy sinh đã điểm tô những nét vinh quang trên quá khứ của con người ».

WILLIAM FAULKNER

Văn sĩ William Faulkner đã thốt ra những lời bất hủ trên đây khi tiếp nhận giải thưởng Văn chương Nobel vào năm 1950.

Ông chuyên viết loại văn tả chân, chủ quan và nặng tình cảm. Những truyện ngắn của ông diễn tả đời sống con người quan sát dưới mọi khía cạnh.

Những quyển tiểu thuyết danh tiếng nhất của ông gồm có quyển : « As I Lay Dying », « Sanctuary », « The Sound and the Fury » và « Requiem For A Nun ». Ông qua đời trong năm nay.

H. P.

ÁI NHÂN

Tư tưởng trong tiểu thuyết mới của Mỹ qua nhà văn Styron

NÓI đến tác phẩm và tiểu thuyết gia mới của Mỹ quốc, người ta ta phải kể ngay đến William Styron, một nhà văn được coi gần như Faulkner. Năm nay, ông còn trẻ lắm mới 37 tuổi, chỉ mới viết có ba cuốn sách trong thời gian 11 năm, song đã gây được tiếng tăm lừng lẫy, ông là một tác giả khó hiểu nhất trong làng tiểu thuyết Mỹ. Sự xây dựng những tác phẩm của ông, nhất là hai cuốn « Un lit des ténèbres » và « La proie des flammes » chứng tỏ những tìm tòi đi xa hẳn tiểu thuyết cũ thông thường. Cuốn nào của ông cũng tạo ra một thế giới phiền toái, đầy ảo ảnh trong đó chứa đựng một thần bí của Nam phương và những đề tài của bi kịch Hy-lạp. Sự thực, Styron quả là một tác giả độc đáo, khiến ông không giống một đồng nghiệp nào trước ông, ông phải chờ mười năm mới hoàn thành tác phẩm « La proie des flammes », điều này đủ khiến không ai giống ông được. Chặt chẽ, sắc nhọn, mờ đặc là đặc tính tác phẩm của Styron. Từ Styron đến Slinger, một con đường mới của tiểu thuyết Mỹ đã mở ra để đi vào sân khấu văn chương quốc tế.

« La proie des flammes »

QUYỀN « La proie des flammes » đã đưa ra những nhân vật mà người ta không thể dùng làm gương mẫu cho học trò ở trường. Câu chuyện được kể ra rất giản dị : Peter Leverett đến Sambuco, một làng nhỏ ở gần Salerne, để gặp người bạn học cũ tên Mason Flag, rồi sau đó chàng lại lên đường sang Mỹ. Chàng lấy làm thú vị được gặp Mason, vì anh này có nhiều tính lơ lửng làm vui chàng, và nhất là được nghe anh kể những lý thuyết về tình ái rất ngộ nghĩnh.

Những biến cố đã ròn rập xảy đến với Peter trong buổi chiều tối chàng ở Sambuco : cô Frances, nữ tì người Ý sau khi bị hiếp dâm, thì chết, đồng thời người ta tìm thấy xác Mason dưới mòm đá ở gần nhà.

« Tấn bi kịch ở Sambuco »

NGUỜI ta cho rằng Mason đã hiếp dâm người nữ tì một cách tàn bạo, khiến nàng đến thiệt mạng, và sau đó Mason hối hận, mà tự tử.

Sau nhiều năm Peter mới biết rõ sự thật khi nói chuyện với Cass, quen với Mason, nguyên đã giữ một vai trò quan trọng của tấn bi kịch. Cass sau khi chữa khỏi bệnh nghiện rượu, đến Charlesson lập nghiệp, thuật đúng câu chuyện đã xảy ra trước khi rằng chính anh đã giết Mason để báo thù cho người nữ tì, vì anh là tình nhân của nàng, mà Frances thì lại bị tên Sevetio, một thanh niên mất trí ở làng giết. Giữa vụ sát nhân và vụ hiếp dâm có liên quan bí mật gì.

Styron, cũng như Faulkner, ưa đề trong tác phẩm mình một cái quảng mờ ảo, và một nhân quả khó giải thích. Vì đối với Ông, không có gì là ngẫu nhiên cả. Tội phạm đi đến bởi nhiều con đường thật lạ lùng.

Styron nói : « Điều gây cho tôi cảm hứng viết cuốn « La proie des flammes » là sự va chạm, sự khám phá của châu Âu của một người Mỹ. Đó là một kinh nghiệm cần phải sống, mà ở đó Mason đã đi qua, Mason cũng như nhiều người Mỹ khác đến châu Âu, là một kẻ không có tập tục gì : lịch sử đời anh chỉ bắt đầu khi anh mới

sinh ra đời, trong khi ấy, thì anh sống giữa những người Ý Đại Lợi đã từng có hàng bao nhiêu thế kỷ lịch sử ».

Đó là điểm chính của tác phẩm, và cũng là thế giới của Styron vậy : Mason là người Nam phương, sinh trong một gia đình giàu có, với cơ nghiệp đất đai trồng tía rộng mênh mang, khai thác bằng mồ hôi của các người da đen. Cũng có một tập tục của Nam phương, song đó chính là tinh thần tội lỗi vậy — Styron rất am hiểu điều đó :

— Mason khước từ mọi tập tục, song Lass thì lạc sang Âu-châu để tìm học tác phẩm của Styron chưa được rất nhiều phiên toái khó hiểu.

— Ở cái tư tưởng khởi điểm mà Styron muốn cho người Mỹ khám phá châu Âu. Điều này thực hiện bắt đầu do tên hề Cass, chính y mới là vai chính trong truyện.

— Styron còn cho biết : Thật là khó, khi phải giải thích về các tác phẩm của mình ; nhưng nếu cần phải có một giải thích nào, thì đó là sự tìm kiếm một người, để cho người này đi đến cửa của âm phủ, và tìm phương tiện thích nghi với cuộc sống của cõi đời chúng ta đây.

Cuộc đời và cái nếp sống này mà Marjorie, vai chính trong cuốn truyện đầu « Un lit des ténèbres » của Styron đã không tìm được cách hòa mình cho đúng điệu, cho thích hợp với mình.

« Le lit des ténèbres » là một cuốn tiểu thuyết khá kỳ lạ : ít khi người ta thấy ở một tác giả trẻ có một cách bố cục như vậy, nhất là ở giao điểm của hiện tại và dĩ vãng mà Styron đã diễn tả bằng một ngọn bút vô cùng khéo léo.

Cái hiện tại ở trong tác phẩm của Styron là khoảng thời gian mà người ta đang cùng với đôi nhân tình Milton Loftis — Dolly Bonner, và Elle Swann, người nữ tì già da đen chờ chiếc tàu có chở xác nàng Marjorie con gái của Milton. Quãng đường từ nhà ga đến nghĩa trang, chiếc xe tang bị ngừng lại nhiều lần, vì bị hỏng máy, đó là dịp cho người ta được ngắm phong cảnh đẹp đẽ của miền Virginie hoặc một tỉnh xép ở phương Nam, hoặc miền ngoại ô của người da đen.

Một cái chết đặc biệt miền Nam

TẤT cả yếu tố của cuốn truyện đều thấy ít nhiều trực tiếp ở đoạn tả Dolly hiểu rằng sự liên lạc giữa mình với Milton đã tới giai đoạn chấm dứt. Styron khám phá ra những tư tưởng của Dolly, của Milton, Hélien, Cary Carr, của Harry, của một gã Do Thái ở Nữ-ước mà Marjorie kết hôn với và cuối cùng là cuộc tự chuyện trong nội tâm của Marjorie đưa đến cho nàng, cảnh tự sát, tạo cho tác phẩm của Story một duy nhất về thời gian và hành động tuyệt kỹ.

Trả lời cho một tờ báo phỏng vấn về cách xây dựng tác phẩm của ông Styron tuyên bố :

« Đối với tôi, cuốn sách bắt đầu từ đoạn Loflis đứng ở sân ga chờ xác con gái mình từ miền Bắc chở về. Tôi muốn có một cái gì cô động, song tất cả cuộc sống bi thảm của Marjorie thì lại xảy ra ở dĩ vãng. Bốn năm, tấn bi kịch vây chung quanh nàng ở nhiều giai đoạn khác nhau. Sự tiến triển của thời gian đối với tôi là vấn đề khó nhất đặt ra cho một người viết tiểu thuyết.

Bề ngoài « Un lit des ténèbres » là một bi kịch gia đình : Milton và Hélien Hoftis không hòa hợp với nhau, Milton tìm nguồn an ủi ở Dolly Bonner ; hai đứa con gái của chàng đau khổ vì cái không khí lộn xộn của gia đình ; Mandie, chị của Marjorie bị tàn tật, chết đi mà chưa được nếm hương vị gì của cuộc đời. Còn về phần Marjorie, sự mất thăng bằng của nàng mỗi ngày một tăng gia đưa nàng đến sự tự sát, bằng cách nhảy qua cửa sổ ở trên tầng gác cao.

Những sự ghen tuông, những xung đột thâm kín, sâu xa là yếu tố của những tình tiết. Lại hình như có một cái gì bối rối trong liên lạc giữa Marjorie và cha nàng : Milton yêu con gái, và ngược lại, đồng thời nàng không ưa gì mẹ nàng cả. Đó là một tỷ dụ cổ điển mà trong tiếng lóng của khoa phân tâm học gọi là « mặc cảm Electre », và người ta phải đợi cho đến cuối cùng, đoạn tả tự chuyện nội tâm mà thấy được ánh sáng làm mất sự tối nghĩa đi.

Còn trường hợp của các nhân vật trong truyện thì nó vượt quá khuôn khổ của kho tình thần học cá nhân. Những vấn đề của họ bao quát cả một miền : miền Nam.

Miền Nam luôn luôn được nói đến trong *Le lit des ténèbres*. Đằng sau tính tình tội lỗi của Milton, còn có cả một khối nặng về tâm lý tập tục của miền Nam, sự thừa hưởng của nội chiến, vấn đề da đen, và ảnh hưởng của tôn giáo. Đằng sau mỗi tình bất chính của Marjorie còn có một trăm năm phụ quyền nghiêm khắc. Nhưng cũng có cái đẹp lạ lùng và cái buồn sâu xúr của miền Nam, miền Nam vẫn hầy còn những vết thương của chiến tranh. Sécession, và ở vài trường hợp nào đấy người miền Bắc trở lại thành kẻ địch của người miền Nam. Phải chăng, chính ở miền Bắc, tại Harlen mà Marjorie đã tự sát một cách thê thảm.

Styron vốn sinh trưởng ở Virginie miền Nam tại tỉnh nhỏ Newport New, nơi sản ra những nhân vật chính trong *Un lit des ténèbres*.

Có lần Styron đã nói : « Tôi không phải là « nhà văn miền Nam », thế mà các nhà phê bình cứ gán cho tôi nhãn hiệu đó. Tôi ra đời ở Virginie, điều đó đúng. Khi người ta sống cả một thời niên thiếu ở đó, thì không thể không giữ lại chút ít dấu vết trong tâm hồn. Miền Nam là một thế giới riêng biệt, nơi đó đã phát khởi một tình trạng khá lộn xộn ».

Một nhà phê bình Mỹ, Ông John Aldridge đã viết về cuốn *Le lit des ténèbres*: Người ta có thể chắc rằng tác phẩm đầu tiên của Styron chứa đựng những điểm như của một đại gia văn sĩ, và người ta không ngờ đó lại là cuốn sách đầu tiên của một cây bút mới 25 tuổi.

« The long March »

LÀ tác phẩm thứ ba của Styron, đề tài rất giản dị, câu truyện xảy ra ở trại thủy binh, dành cho các quân nhân trừ bị của một khóa tập sự, khi chiến tranh Cao-ly mới bắt đầu xảy ra. Đại tá Templeton chỉ huy trưởng muốn huấn luyện cho bọn người dân yếu mềm này thành những quân nhân thực thụ, bèn nghĩ ra cách cho họ đi bộ ban đêm trên quảng đường hơn 50 cây số. Nhưng

trong số sĩ quan trừ bị, có một đại úy Do-thái búng binh tên Mannix, có một cửa hàng bán máy vô tuyến truyền thanh ở Brooklyn, cho cuộc tập đi bộ này là vô lý. Tuy nghĩ thế, mà Mannix cũng không nổi lên phản đối « sinh trong một thế hệ bảo thủ. Mannix nghĩ rằng cử chỉ của anh chỉ có tính cách cá nhân, không hy vọng gì, và phi lý cho nên nếu nêu lên phản kháng thì chỉ bị ngồi tù, hoặc gây thêm khó khăn thôi ».

Ý nghĩ của Mannix là tinh thần của Styron và một số đồng người khác như Ông ta, sau khi giải ngũ ở thế chiến thứ hai, đều bị gọi ra đầu quân, nhân có việc binh lửa ở Triều-tiên.

Mannix không những tự nguyện sẽ tuân theo lệnh đi bộ, mà còn lôi kéo các bạn đồng ngũ nữa, anh sẽ từ chối không chịu lên chiếc cam nhông dù quá sức mệt.

Cuộc chiến đấu giữa Mannix và viên đại tá, chúng ta được theo dõi bằng con mắt của trung úy Culver, cùng là một sĩ quan trừ bị, đã từng trải qua những ngày trong rừng núi, lặn lội gian khổ. Viên đại tá Templeton ở đây cũng chẳng khác bao nhiêu viên đại tá Nicholson trong cuốn « Pont de la rivière Kwai », Culver thấy Mannix khi điều động một bạn đồng ngũ, khi bị đau chân vì dẫm phải cái đinh được phép ngồi trên xe cứu thương, anh nhận ra rằng viên đại tá sống lâu năm trong tổ chức quân đội có cử chỉ trên đối với Mannix, là để tỏ ra mình nhân đạo. Song Mannix vẫn cứ từ chối.

Sự « nổi lên một cách trái ngược » của Mannix cũng là vô ích, chẳng khác sự bắt buộc bọn quân nhân trừ bị đi bộ của viên đại tá. Khi Mannix đi chừng vài cây số nữa thì tới đích, được viên đại tá cho biết sẽ đưa anh ra trước Hội đồng Quân sự, anh tỏ ra coi thường : anh sẽ chịu đựng tới cùng, còn về sau thế nào không đáng kể. Culver suy nghĩ : có lẽ viên đại tá sẽ thắng, song y không thể nào ghét Mannix được : « Có lẽ tại Mannix, không giống như anh, song điều giản dị là tất cả những thái độ của viên đại tá rất không phù hợp với Culver, chẳng khác người ta ghét con ma cà rồng vì lẽ duy nhất là nó hút máu người.

TRONG mười một năm trời, viết có ba cuốn sách, mà cũng đủ chiếm một địa vị vẻ vang trong văn giới, Styron với một tài năng vững vàng, đang xây dựng một thể giới tiểu thuyết vượt ngoài các ảnh hưởng và môn phái. Có một liên quan lạ lùng giữa các nhân vật trong các tác phẩm của ông : Marjorie, Cass, Mason.

Giữa Marjorie và Mason, những liên quan thật đã rõ ràng : cả hai đều bị đè chịu dưới sự khốn khổ của miền Nam ; cả hai đều dấy dựa trong cơn gió lốc của tình ái hỗn loạn ; cả hai đều bị đặt những vấn đề thoát thai bởi một tình trạng gia đình mất thăng bằng ; cả hai đều chỉ tìm giải quyết trong cái chết phũ phàng.

Styron đang sống ở Pháp để tìm không khí viết cho một cuốn sách mới. Cuốn sách mới này sẽ làm vững thêm địa vị ông trong nền văn chương trẻ trung Mỹ quốc.

ÁI NHÂN

« Chúng ta chỉ sống trên thế gian này một thời gian ngắn ngủi để rồi sang kiếp khác.

Vậy bạn hãy cười lên vài tiếng góp vui cùng thiên hạ và cố gắng làm hết sức mình.

Bạn hãy sống cho cuộc sống đầy đủ ý nghĩa để rồi những khi thất bại bạn cũng đã tiến được một bước dài ».

WILL ROGERS

Sinh năm 1879, Will Rogers có tài chọc cười thiên hạ một cách thâm thúy. Nhà văn trào phúng này vốn là một tay chăn bò chuyên nghiệp và sở trường về môn ném thông lộng.

Ông chuyên viết những bài văn danh thép nhưng pha giọng trào phúng sâu sắc và những bài phê bình chỉ trích trường Mỹ quốc trước kia.

Ngót 400 tờ báo Mỹ căn cứ vào tài nhận xét vững chắc của ông trên đài phát thanh, để viết những bài về kịch trường và những mục lý thú khác.

Ông tử nạn vào tháng 8 năm 1935, khi chiếc phi cơ chở ông đi Á-châu rớt xuống Alaska.

H. P.

YÊN THẢO

Henry Miller, một phật tử ?

NĂM nay, văn hào Henry Miller tuy tuổi đã quá thất tuần nhưng vẫn còn đầy đủ sức khỏe về thể xác lẫn tinh thần. Đề cập đến văn học và tư tưởng của Mỹ Quốc hiện đại nói riêng và của thế kỷ thứ XX nói chung, các nhà phê bình đều nhắc tới ông như nhắc một thiên tài, một thần tượng hoặc một ác quỷ. Thái độ phê phán sở dĩ trái ngược hẳn như thế vì Henry Miller là người ham sống, sống thành thật, bất chấp mọi khuôn khổ luân lý, tôn giáo, nghi sao thì viết vậy. Thật khó lòng mà gán

cho ông một nhãn hiệu, một môn phái rõ rệt !

Sau trận đệ nhất đại thế chiến, Henry Miller qua sống ở thủ đô nước Pháp để tìm không khí sáng tác văn nghệ. Nơi đây, trải qua nhiều bước thăng trầm về sinh kế, ông gặp vài bạn tri kỷ, đồng thời tích cực nghiên cứu và hấp thụ văn chương Anh, văn chương Pháp.

Tại Pháp, mãi đến năm 1938, giới văn nghệ mới bắt đầu chú ý đến tác phẩm ông. Sau khi trận đại thế chiến thứ hai vừa chấm dứt, tên

tuổi ông mới vang dội sâu rộng. Hai điểm chánh trong tác phẩm ông là vấn đề dâm dục (của con người) và tư tưởng vô chánh phủ (về phương diện tổ chức xã hội). Lập luận của ông đưa độc giả từ những cảnh giao hợp trắng trợn đến cội tiêu điều cực lạc... ở Tây Tạng, đến Phật Giáo Thiền Tông, đến Lão Tử, Khổng Tử, đến các triết gia siêu hình ở Ấn Độ. Ông đề cập triền miên đến sự sống và cái chết của con người, xem con người là hạt cát trên địa cầu, giữa tam thiên thế giới. Hệ thống tư tưởng ấy tuy không chặt chẽ, rõ rệt, nhưng xuất hiện trong mỗi dòng chữ của mọi tác phẩm, dầu là thiên tự truyện dài trên 600 trang hoặc bài tùy bút cỡ mười hàng.

Chúng tôi tạm dùng chữ hệ thống để trình bày tóm tắt. Thật ra, những cảm nghĩ của Henry Miller vì quá dồi dào, nóng cháy, nên khó lòng xếp thành hệ thống — cũng như chúng ta không thể nói rõ một ngọn lửa đang cháy giống như hình tròn, hình bầu dục, hay tam giác. Trong

tư tưởng giới, của Pháp trường hợp của Proudhon, của G. Sorel cũng thế: nó phức tạp, mâu thuẫn với nhau. (tuy Proudhon và G. Sorel là nhà chánh trị, nhà tư tưởng xã hội chứ không là nhà văn như H. Miller). Chính Henry Miller cũng như bạn thân của ông là Blaise Cendrars thường tự nhận rằng *« hằng ngày, tư tưởng của tôi luôn luôn biến hóa, tiến tới »*.

Tác phẩm đầu tiên của Henry Miller khiến dư luận xúc động là *Tropic of Cancer*, in tại Paris lần đầu vào năm 1934, đến 1945 mới dịch ra Pháp văn. Sau đó là *Aller-Retour New York* (1935) dịch ra Pháp văn năm 1955, đến *Black Spring* (1936), *Max and the White Phagocytes* (1938) rồi *Tropic of Capricorn* (1939), dịch ra Pháp văn năm 1946.

Hai bộ *Tropiques* (du Cancer, du Capricorn) khi phát hành tại Pháp đã bị Daniel Parker kiện, nhơn danh chủ tịch Hội hoạt động xã hội và luân lý, với lý do là sách khiêu dâm. Tức thời nhà văn

Maurice Nadeau đề xướng việc thành lập một « Ủy ban binh vực Henry Miller và bảo vệ quyền tự do phát biểu » tập hợp nhiều cây bút có uy tín bậc nhứt của nước Pháp: André Gide, Jean-Paul Sartre, André Breton, Paul Eluard, Jean Cassou, Albert Camus, Pierre Seghers, Raymond Queneau, Emmanuel Mounier. Bấy giờ, tên tuổi của Henry Miller được nhắc nhở hằng ngày, vụ kiện trở thành thời sự văn chương. Hai bộ sách Tropiques bán chạy như tôm tươi, nhờ sự quảng cáo trực tiếp hay gián tiếp ấy ! Henry Miller làm giàu, gởi ngân hàng đến 4 triệu quan. Trong khi đó, vài tờ báo đưa tin « giạt gân », đề cập đến đời tư của tác giả, thí dụ như tác giả đã có lần đứng trần truồng trên sân thượng của tòa nhà chọc trời nọ ở Nữ-Ước để vẽ một thiếu nữ rất khêu gợi đang đứng làm mẫu. Hơn một năm sau, cuộc tranh tụng đến hồi kết thúc, tác giả được trắng án. Tuy nhiên, mãi đến năm 1951, vào tháng tư, 4 chủ hiệu sách ở Nancy còn bị truy tố về tội bán sách khiêu dâm của Hen-

ry Miller, nhưng tháng sau, được miễn tố.

Henry Miller và nhứt là bạn thân của ông — Alfred Perlès — đã cực lực binh vực hai bộ Tropiques nói trên, cho rằng đó là sách đứng đắn, xây dựng, chứ không phải loại sách khiêu dâm hạ cấp. Ở đây chúng tôi chẳng cần trích dịch vài đoạn văn làm bằng chứng vì quả thật nó có thể đầu độc tinh thần những người tò mò, chưa từng trải « việc đời ». Tác giả tả quá tỉ mỉ từng động tác, từng chi tiết tai nghe mắt thấy trong việc giao hợp giữa nam nữ, để căn cứ vào đó rút ra một tài liệu chứng minh cho triết lý nhân sinh, đạo lý của mình ! Trong quyển sách mỏng, *Le Monde du Sexe*, tác giả nói : « *Ban đầu là cái chết của bản thân tôi, tôi bị chìm đắm trong cõi hư vô. Sau đó, là sự tái sinh, tôi thay lột, đổi xác. Tác phẩm Tropique du Cancer là một tài liệu viết bằng máu nói về sự thoát thai của con người từ trong lòng của cái chết. Từ tác phẩm, mùi dâm dục toát ra, mùi ấy tuy đáng tởm, tanh hôi nhưng là mùi*

tươi sống của sự sanh đẻ. Đến tác phẩm *Tropique du Capricorne* tôi nêu lên một cái chết và một sự sanh đẻ khác, người nghệ sĩ đi từ trình độ giác ngộ qua giai đoạn đạo đức, giai đoạn sau cùng của sự tiến hóa».

Dầu sao đi nữa, lối chứng minh của Henry Miller vẫn gây tai hại, giống như trường hợp của những phim tả chân trắng trợn, «phim con heo», phim «giáo dục sinh lý». Chính Maurice Nadeau — người bình vực Henry Miller — đã xác nhận rằng quyển *Tropique du Cancer* chỉ «nêu ra một tấm gương xấu cho lứa người trẻ tuổi» (báo *Combat*, 29-3-1946). Khi in bản dịch *Tropique du Capricorne* ra chữ Pháp, nhà xuất bản Les Éditions du Chêne cũng chỉ hy vọng rằng tác phẩm «sẽ được vài người hiểu và thông cảm trong khi nó gây bất mãn cho số đông». Henry Miller vẫn tiếp tục tự bào chữa rằng ông chỉ muốn vạch cho mọi người thấy: dục tính và tình yêu hiện nay đã lẫn lộn, cần phải gấp rút phân biệt đâu là ngọc đá, vàng thau. «Một thế giới mới

đang xuất hiện, một kiểu người mới đang thành hình. Đa số nhân loại hiện nay bị đau khổ hơn bao giờ hết. Sự âu lo, sợ sệt đã làm cho tâm hồn họ tê liệt, lưng lay tận gốc. Họ thu hình lại, thủ thế và chỉ cảm nghĩ xuyên qua những nhu cầu hằng ngày của thẻ xác... Thẻ xác chết trước nhưng mặc dầu ít ai thấy — sự thật là thẻ xác chỉ tiêu diệt khi nào tinh thần bị tiêu diệt trước».

Rồi tác giả tiếp tục suy luận :

«Tình yêu giữa nam nữ là tấn kịch sâu xa nhất của mỗi người, nó đánh tan trong lòng ta sự ích kỷ (ích kỷ là nguồn gốc của tất cả tội ác). Bộ phận sinh dục của con người là một thứ đồ phụ tùng của thẻ xác ; nó tốt hay xấu, có lợi hay có hại tùy theo cách xử dụng... Trong thế giới của loài người hiện tại, bộ phận sinh dục trở thành một loại cơ giới hoạt động vô tri, giữa hư vô... hoạt động độc lập, tách rời khỏi tâm hồn con người».

Tin tưởng nơi quan diêm của mình, mặc dầu bị hiểu

lầm, Henry Miller vào năm 1949 cho ra bộ *Dâm Thư* (Sexus) gồm 2 quyển. Lần này, từ đầu đến cuối, độc giả toàn thấy cảnh «con heo» kèm theo những suy tư về cái chết, cái sống, về càn khôn vũ trụ. Chúng tôi tưởng rằng tác giả đã thất bại vì đã lạm dụng đường lối diễn tả giết gân của mình. Cần gì diễn tả dài dòng, tỷ mỹ, theo lối giải phẫu cơ thể! Cây pháo — nếu muốn đóng trọn vai tuồng cây pháo, nếu muốn tìm hiểu khả năng tiềm tàng — cứ châm vào lửa để nổ tung ruột, tan xác, hòa hợp với sinh lực của vũ trụ! Ai chưa thỏa mãn với nếp sống bần chạt trong khuôn khổ của luân lý, đạo đức thì cứ sống triệt để: *Chơi cho liễu chán hoa chê, cho lãn lóc đá, cho mê mẩn đời hoặc* theo như cụ Nguyễn Công Trứ: *Chơi cho long giải yếm, cho tụt giây lưng; chơi cho lũng trống tầm bong*». Các nho sĩ Trung Hoa, Á Đông đã từng diễn đạt, vừa rõ rệt, vừa thanh bai, dòng tư tưởng phóng khoáng của Lão Tử mà Henry Miller thỉnh thoảng đề cập đến với thái độ

thành khẩn, tán đồng. Nhưng các nho sĩ của Á Đông chỉ chủ trương hưởng lạc, hưởng nhàn lúc về già, sau khi lưu lại cho đời một sự nghiệp. Đảng này sách của Henry Miller nói thẳng với lớp người trẻ tuổi. Cốt ý chống mọi sự sai lạc về tình dục mà thủ phạm là nền văn minh cơ giới, xa lìa thiên nhiên của Tây Phương (*tính luôn cả Nga Sô*).

Sau 10 năm sống bên Âu Châu, ông trở về Mỹ Quốc, đi du lịch ở vài địa phương tiêu biểu nhứt rồi viết tập *The Air Conditioned* (1945, dịch ra Pháp văn *Le Cauchemar climatisé* (1954); hai năm sau (1947) lại cho ấn hành *Remember to Remember*, dịch ra Pháp văn *Souvenir, Souvenir* (1953). Giọng văn của Henry Miller đạt mức châm biếm tốt độ: kẻ đi xa trở về tỏ vẻ bi quan khi thấy quê hương của mình ngọt ngạt, khó thở, không mấy may gây hứng thú cho việc sáng tạo nghệ thuật. Sau này, ông tự cải chính bằng cách lựa chọn vùng Big Sur ở ven Thái Bình Dương làm nơi cư trú để sáng tác, xem

như là thiên đàng lý tưởng của đời ông.

Tuy nhiên, trong giai đoạn mới hồi hương, ngòi bút của ông rất thành thật, gặp kẻ tâm đầu ý hiệp thì ông khen nức nở, suy tôn lên hàng «Bồ tát» (nguyên văn); dựng chuyện trái tai gay mắt thì ông tung ra tất cả những mũi tên tầm thuốc độc để thanh toán cho kỳ được.

Lợi khí của ông vẫn là triết lý Đông Phương, lòng tin tưởng nơi sự cảm thông bất diệt giữa vạn vật, (người, cây, cỏ) từ kiếp này qua kiếp khác. Là người Việt Nam, sống trên bán đảo Đông Dương, nơi gặp gỡ của hai luồng tư tưởng Ấn Độ và Trung Hoa, ta lấy làm hãnh diện phần nào khi đọc những câu dẫn của Khổng Tử : «Tu thân, tề gia, trị quốc» (Souvenir, Souvenir, bài Jasper Deeter et le Hedgerow Théâtre), của Tagore (cũng sách trên, bài Assassinez l'assassin), của đại đức Vivekananda (dùng làm lời «dựng» cho toàn tập Le Cauchemar climatisé). Đứng trên quan điểm yêu mến thiên nhiên, tôn trọng màu sắc địa

phương, Henry Miller phần nộ khi gặp xung quanh ông đầy đầy những sản phẩm giả tạo. «Tôi bắt đầu nói đến nhu cầu đầu tiên của con người để sống : bánh mì. Nếu bánh mì không ngon, cuộc sống của ta cũng không còn đẹp. nói đúng hơn là cả cuộc đời sẽ bị thối nát». Loại bánh ở Hồ-ly-vọng được quảng cáo âm ỉ, chế tạo bằng bột mì thượng hảo hạng, muối, mật ong, bột đậu nành, mè, chất men tốt vân vân nhưng Henry Miller rất tiếc vì trong đó thiếu chất «*hột xoàn tán ra thành bột*». Thức ăn chế biến theo lối khoa học ấy, qua ngày thứ nhì, sẽ trở thành sỏi đá. «Chúng ta đã làm thất vọng Thượng Đế, lờn gát Thiên Nhiên, hạ thấp phẩm giá con người... Mỗi khi liệng một miếng bánh mì khô cho bầy chim xung quanh, tôi xin lỗi chúng. Có lẽ đó là lý do giải thích tại sao giống chim ngày nay không còn hót thanh tao như tôi được nghe hồi còn bé. Loài chim suy nhược, chết dần chết mòn, không phải vì ảnh hưởng của chiến tranh vì thật ra chúng nào có tham dự vào

những trận chém giết của chúng ta. Nhưng chỉ vì thứ bánh mì cũ, lạt lẽo mà loài người tặng cho chúng. Thứ bánh mì ấy khiến chim mất sức, lòi be sườn, bay lượn quẩn, mổ thì hết bém, mất thì mờ.... Chúng thay lông bất thường, hót trật giọng, nghe như tiếng « be-he » của trầu của dê; thỉnh thoảng, gặp tiết trời lạnh vì sương mù, ta nghe chúng hót khò khè, hồn hèn như người mắc bệnh suyễn » (Souvenir, Souvenirs, Le soutien de la vie). Xe ô-tô là phát minh giúp loài người xê dịch nhanh chóng ; về kỹ thuật, máy ô-tô của Mỹ Quốc đạt nhiều tiến bộ đáng khen ngợi, vậy mà Henry Miller vẫn chê bai vì khi xe trục trặc máy móc, máy ông chủ ga-ra bày cách móc túi khéo léo các thân chủ, sửa bộ phận này, thay bộ phận khác. « Khi lái xe ô-tô, ta cần nhớ một điều là nếu nó chạy theo kiểu người đau bệnh chóng mặt, ta nên quăng phứt cho rảnh, đừng sửa chữa thêm tốn kém vô ích... Trời sanh chúng ta ra để làm giàu cho mấy ông chủ hãng sản xuất ô-tô » (Le

menuet des automobiles). Chế độ câu lưu, giáo hóa các tội phạm ở Mỹ Quốc được nhìn nhận là tươm tất ; tội nhơn sống đầy đủ về mặt vật chất, tuy nhiên tác giả vẫn nổi giận vì các tội nhân không được giải quyết thỏa mãn về mặt tình dục ! Le Cauchemar climatisé — L'âme de l'Anesthésie)... Nhưng cuộc du lịch qua các nẻo đường đất nước vẫn gây khá nhiều phản khởi : nếp sống lành mạnh, gần thiên nhiên của bác sĩ Souchon, của nhà soạn nhạc Varèse, của đạo diễn thoại kịch Jasper Deeter ; họ là những chiến sĩ vô danh, phát huy các giá trị cổ truyền của nhân loại. Khung cảnh miền nam Mỹ Quốc đem lại bao nhiêu niềm an ủi cho tâm hồn ở miền Nam cũ kỹ (vì nếp sống cơ giới chưa xâm phạm quá mức) « hãy còn hàng ngàn nơi thơ mộng : không khí mát mẻ, đầy hương thơm, đất trời như say ngủ nhưng đầy đầy những tên nhiệm màu, những biến cố lịch sử, những phát minh, những phát hiện... » (Le Cauchemar climatisé — Le Sud).

Ngược lại, những nơi bị ảnh hưởng của nếp sống cơ giới đều nghèo nàn, con người thiếu lý tưởng, sống rời rạc. « Có nhiều nơi trống rỗng. Và những nơi trống rỗng ấy đều đông đảo. Số người đông đảo ấy lại mang những tâm hồn trống rỗng. Họ ở không, đua đòi nhau tìm những nơi giải trí vì họ thấy mục đích của cuộc sống là quên tất cả. Mỗi người đều tìm một góc vui tươi, yên tĩnh nào đó để gặp những bộ mặt giống như mình, chứ không phải để gặp những vấn đề đang ám ảnh, cần giải quyết. Chốn yên tĩnh ấy, họ chẳng bao giờ tìm được, nhưng họ tự nhủ rằng: nếu ở đây chưa có thì ở đằng kia cũng có. Họ lầm bầm: « Ngồi ở đây vui quá, thích quá. Rồi nơi này, mình sẽ trở về với sự cô độc, nỗi đau khổ » và đúng vậy » đến đó, bạn sẽ gặp một người đang cao hứng, nói chuyện thao thao bất tuyệt vì ảnh hưởng của men rượu bia. Hẳn cô độc, đau khổ lại mắc chứng điên. Sau cùng, niềm tuyệt vọng tràn ngập tâm hồn, bạn phương quyết trở về nhà .. nhà

là nơi cuối cùng mà bạn đi tới khi bạn buồn buồn vô cớ » (lời nói đầu của Souvenir, Souvenirs). Nhìn tổng quát hơn, ông nhận xét: « Một thế giới suy đồi khó lòng sống toàn bộ cơ thể, nó chỉ dựa dựa ở từng tế bào, từng nguyên tử riêng rẽ » (cũng bài trên)...

Đứng vào địa vị một nhà truyền giáo, ông đem tất cả kinh nghiệm bản thân, viết quyển tự truyện Plexus; nơi đoạn kết, ông nêu tên những bậc thầy mà ông chịu ảnh hưởng sâu đậm: Élie Faure, Nietzsche, Dostoïevski, Spengler (Người sau chót là tác giả quyển Le Déclin de l'Occident).

Đề dung hòa hai cách diễn đạt tư tưởng « động » (của Tây Phương) và « tĩnh » (của Đông Phương), Henry Miller cho rằng Le Déclin de l'Occident và Đạo Đức Kinh của Lão Tử gặp gỡ nhau ở lý tưởng, như Âm gặp Dương. Le Déclin de l'Occident nặng như đá, hàng tấn, Đạo Đức Kinh thì nhẹ như chiếc lông hồng. Đời là bề khổ. Sự khổ vẫn có thể tiêu diệt được. Cuộc tận thế

còn phương cứu vãn, con người sẽ tái sinh, tự giải phóng. Hiện nay, nhiều người yếu đuối « tìm cách phủ nhận khả năng ấy. Họ tìm mọi phương kế để gieo rắc cho ta ý tưởng xa lìa cuộc sống: nào là cuộc sống không đáng kể, cuộc sống không có mục đích gì cả. Đồng thời, họ khuyên nhủ chúng ta nên sống theo lối hưởng thụ ích kỷ. Nhưng, đến giờ phút quyết liệt, ảnh hưởng của những người nói trên sẽ tiêu tan như những giọt mồ hôi » (tựa của Souvenir, Souvenirs).

Cứu vớt con người bằng cách nào ?

Henry Miller nói rõ : « Tôi không cần người nào hy sinh cho lý tưởng của tôi cả. Người nào theo tôi không cần phải trung thành, không cần đóng thuế, không cần tỏ lòng tôn kính. Tôi chỉ muốn mỗi người hãy lo tự giải thoát. Tìm được tự do cho bản thân mình, chính là gieo tự do cho tất cả loài người » « Con người được tự do không phải là nhờ mơ ước « thiên đường Nga-sô » nhưng nhờ sự mơ ước ở nền

tự do ngày càng rộng rãi nơi nội tâm » (Plexus — đoạn chót). Qua những câu thuyết giáo trên đây, Henry Miller tự nhận mình là tín đồ của Phật. Suốt các tác phẩm căn bản : Plexus ; Le Cauchemar climatisé ; Souvenirs, Souvenirs, ông tán thành vô điều kiện lý thuyết vô ngã, bản thể của con người hòa trong bản thể vũ trụ, diệt dục, tứ diệu đế, diệt khổ của Thích Già.

Nhưng người đã từng viết sách khiêu dâm, bị kiện về tội xúc phạm thuần phong mỹ tục (mặc dầu bị hiểu lầm) tại sao dám tự nhận mình là Phật tử, là tín đồ của Lão Tử ? Tuy thích ăn ngon, mặc đẹp, cưới vợ trẻ, tới lui các hộp đêm... nhưng Henry Miller xác minh thái độ nhập thế của ông, thái độ tu thân diệt dục bất cần tuân theo 5 điều cấm của Phật : « Điều quan trọng là giữ tâm hồn trong sạch. Những hình thức trong sạch khác đều sai lạc và là cạm bẫy ». Trong lịch sử các vị cao tăng Phật giáo, ta sức nhớ đến đời tu của pháp sư Cưu-Ma-La-Thập, phò mã nước Qui Tư

(nay là Tân Cương — Trung Hoa), người đã phá giới nhiều lần nhưng vẫn được sự tín nhiệm của hàng Phật tử đương thời và của thời nay nhờ công trình hoằng dương Phật Pháp, dịch kinh Phật từ chữ Phạn sang chữ Hán. Gặp kẻ chất vấn về đời tư, Pháp sư Cưu-Ma-La-Thập trả lời: « Hoa sen mọc dưới bùn, không cần bùn mà chỉ cần hoa sen ». Ở câu chốt của bài *L'Obscénité et la loi de réflexion*, Henry Miller đem thí dụ « hoa sen và bùn » để tự bào chữa về những đoạn văn gọi là khiêu dâm do ông cố ý viết ra. Bùn là sự sống. Xác thịt muốn sáng tạo thì phải trần truồng quần quai, rên siết đến tột độ. Cả nhân loại, cả vũ trụ đều theo quy luật ấy.

Nhứt thiết chúng sanh giai hữu Phật tính !

Tự giác nhi giác tha !

Những nghệ sĩ chân chánh, biết chống chọi lại các công thức của thời đại, biết phát triển bản sắc, cá tính, biết hòa mình vào càn khôn, vũ trụ — mặc dầu hiện nay không ăn khách, không nổi

danh như còn — đều được Henry Miller phong đến bậc Bồ-tát (xem bài *Un Bodhisattva artiste*). Người nghệ sĩ chân chánh phải mang sứ mạng cao cả: làm thức tỉnh những mầm mống chân, thiện, mỹ ở trong lòng mỗi người. Anh hề trong phòng xiếc cố gắng trèo lên thang để vói tìm trăng, tìm sao là hình ảnh tượng trưng cho kiếp tầm tơ của nghệ sĩ nói riêng và nhân sinh nói chung. Nhiệm vụ của anh ta nào phải tầm thường, làm công việc chọc cười thiên hạ để mua vui một vài trống canh. Chuyện *Le Sourire au pied de l'échelle* giới thiệu anh hề Auguste đang tìm cách cứu con người ra khỏi những công thức thô sơ, đưa họ đến hạnh phúc, đến giá trị thật sự, tìm lại bản chất thiêng liêng...



Lúc nghèo túng, Henry Miller thường ao ước đi du lịch và sống ở Tây Tạng để tu luyện về phần hồn. Ngày nay, trở thành nhà văn hữu danh, có nhiều tiền gởi trong

ngân hàng, ông tự tạo cho mình một khung cảnh Tây Tạng... tại Big Sur (Californie). Qua lời đề tựa cho quyển Big Sur (của Lilliam Bos Ross) ông giới thiệu đó là cảnh Thiên Đàng với bao nhiêu kỳ hoa dị thảo, điều thú lạ lùng, gió dịu trời trong, suối ngon, trái ngọt — tóm lại, một nơi chưa bị làn sóng văn minh phàm tục làm ô uest. Ông sống với cô vợ trẻ (cô vợ thứ tư — mấy cô trước đều ly dị), và hai con chó thật ngoan (nuôi bằng thực phẩm đặc biệt, đắt tiền). Trước viễn ảnh đáng lo ngại của loài người giờ đây ông đang suy nghĩ gì ?

Năm nay, khi trở qua Paris để cho ra mắt hai quyển sách, dịch ra Pháp văn (Aller-retour New York và một quyển nói về hội họa), Henry Miller tuyên bố: « Tôi lấy làm hài lòng về tôi và về cuộc đời nói chung. Tôi đã hòa thuận với tất cả. Trước kia, thái độ của tôi là chống đối tất cả mọi người, mọi việc ».

Và :

« Tôi tưởng rằng loài người hiện nay đang tiến bộ, tiến

tới trước và cũng tiến theo kiểu thụ lùi. Loài người đang day qua day lại, đi theo kiểu con cua bò. Tuy nhiên, tôi ý thức rằng mình đang sống trong giờ phút có lẽ quan trọng của lịch sử nhân loại. Chúng ta có thể bị tiêu diệt toàn diện và cũng rất hy vọng sẽ sống trong một tâm nở rộng hơn, vô cùng nở rộng hơn trước ».

Bàn về Henry Miller, trong quyển Văn Học của thế kỷ thứ XX, André Rousseaux nói đến một chủ nghĩa nhân bản mới... Đứng vào địa vị một người Á Đông, một người Việt Nam, chúng tôi muốn chào mừng ông một ngòi bút tài hoa, đầy sinh lực của Mỹ Quốc, đã chịu ảnh hưởng Phật giáo, hiểu Phật Giáo theo quan điểm độc đáo của mình. Chúng tôi không tán đồng vài quan điểm triết lý của ông vì ở những nước chậm tiến, việc phát triển kỹ nghệ, việc cơ giới hóa nông nghiệp rất cần thiết để thoát khỏi những ràng buộc của phong kiến. Tâm trạng của chúng tôi có khác.

HÀN PHONG

Kỹ nghệ xuất bản sách tại Hoa Kỳ

SONG song với sự tiến triển vượt bậc về đời sống vật chất, người dân Mỹ lại có được một cuộc sống vô cùng phong phú về mặt tinh thần. Nhiệt độ mền chuộng văn chương của nhân dân Hoa-kỳ lên đến cao độ, do đó mà ngành xuất bản sách ở đây phát triển mạnh và nhanh chóng hết sức. Mặc dù gặp phải nhiều trở ngại lớn lao như : giá in đắt, sự cạnh tranh trong ngành xuất bản, tổng số thu về sách bán được trong năm, lên đến 6, 7 triệu Mỹ kim.

Ba thế kỷ sau, khi nhà máy in đầu tiên được thiết lập ở Bắc-Mỹ kỹ nghệ xuất bản chiếm lấy một địa vị quan trọng trong

phương pháp phổ biến văn hóa trong đại chúng một cách sâu rộng. Ngoài ra còn có báo chí và vô tuyến truyền hình, những cơ sở này cũng góp một phần lớn vào việc phổ biến văn hóa. Ba đại nhật báo lớn nhất ở Hoa-kỳ như tờ : New York Times (Nữu-ước Thời Báo), New York Herald Tribune (Nữu-ước Diễn Đàn) và Chicago Tribune (Diễn Đàn Chicago), mỗi tuần xuất bản thêm phụ trương văn nghệ dành riêng cho việc phê bình và giới thiệu các sách. Sách mới xuất bản cũng được Đài vô tuyến truyền hình dành ra một vài buổi trong tuần để giới thiệu với độc giả. Đặc biệt nhất là Đài

Phát Thanh rất chú trọng đến vấn đề xuất bản sách, nên thường mở những cuộc phỏng vấn các tác giả, các soạn giả, các phê bình gia hoặc các cuộc đối chất giữa các nhà văn và nhà phê bình.

Lịch sử một nhà in đầu tiên

VÀO mùa hè năm 1638, mục sư Gosé Glover quyết định sang Hoa-kỳ với một cái máy in. Lúc ấy, nhà cầm quyền Anh-quốc cũng vừa mới thành lập xong một Đại học đường Cambridge thuộc miền Massachusetts và đang cần tới những sách in. Hơn nữa, với kế hoạch bành trướng nền tôn giáo ở Bắc-Mỹ, các giới tôn giáo ở Luân-đôn muốn rằng ở thuộc địa của họ tại Hoa-kỳ cần có những cơ sở ấn loát. Do đó, mục sư Glover và vợ được dịp rời Anh-quốc đem theo một cái máy in sang Hoa-kỳ. Đi theo ông bà có anh thợ chữa khóa Stephen Daye và anh này được giao cho nhiệm vụ của một anh thợ in. Rủi thay, mục sư Glover lại bỏ mình ở dọc đường; nhưng bà vợ không tuyệt vọng, tiếp tục công trình bỏ dỡ của chồng. Khi tới Tân Anh-cát-lợi, bà thành lập ngay nhà in.

Ngay năm sau, 1639, một cuốn niên lịch thông thư và bản mẫu những lời tuyên thệ trung thành với tổ quốc, ra đời, đánh dấu bước đầu của công cuộc ấn loát tại miền đất mới mẻ này. Tuy nhiên, trong thời gian này nhà in chỉ phục vụ cho những tay thực dân, họ chẳng có một khiếu thẩm mỹ nào đối với văn chương. Đến năm 1663, 30 năm sau, tác phẩm quan trọng nhất mới được ấn hành là cuốn Thánh Kinh, được dịch ra tiếng người da Đỏ.

Cho đến cuối thế kỷ thứ 17, kỹ nghệ ấn loát ở Tân Anh-cát-lợi mới được cải tiến và phát triển mạnh. Nhà in đầu tiên ở Cambridge lại do anh thợ chữa khóa Stephen Daye điều khiển rồi giao lại cho người kế nghiệp là ông Samuel Green. Suốt trong hai thế kỷ sau, con cháu của Samuel Green tiếp tục công nghiệp của ông cha, làm chủ những nhà in quan trọng ở Massachusetts, ở Connecticut, ở các tiểu bang Maryland và Virginie thuộc miền Nam Mỹ.

Xét qua lịch sử Hoa-kỳ, hay nói cho đúng hơn, sau khi đã khôi phục được nền độc lập, ngành ấn loát Mỹ buộc liền vào

những biến cố quan trọng của quốc gia. Nếu kể về sự phát triển đúng mức của ngành ấn loát thì người ta tính từ thế kỷ thứ 19. Trong lúc tạp chí, nhật báo bành trướng mạnh mẽ thì ngành in và xuất bản sách cũng chuyển mình chỗi dậy và nhờ có cuộc cách mạng lớn của nó mà sáng tác phẩm ở Hoa-kỳ mới chiếm giữ một địa vị xứng đáng như ngày nay.

Công cuộc khai khẩn đất đai ở phía Tây và phía Tây-Bắc càng lúc càng phát triển mạnh ; dân chúng đổ dồn vào các nơi đó để định cư và lập nghiệp. Các nhà tiên đạo đó, khi đi đến đâu cũng đều có mang theo máy in mặc dù công việc chuyên chở, xê dịch rất khó khăn nặng nhọc và thiếu mọi dụng cụ tu sửa hoặc phương tiện cần thiết để giữ gìn. Sự kiện này gần như là một truyền thống của nghề nghiệp ấn loát nên chỉ trong mọi cuộc di dân về miền Tây người ta đều thấy có những máy in, những thợ in thiết lập cơ sở ấn loát nơi mới khai khẩn. Đến năm 1860, chỉ còn ba tiểu bang ở phía Tây-Bắc là chưa có nhà in mà thôi. Tại các tiểu bang xa xôi nhất như tiểu bang Montana, Wyoming và ở phía bắc Dakota,

máy in bắt đầu hoạt động vào năm 1863. Tuy nhiên, kỹ thuật ấn loát lúc bấy giờ vẫn còn quá lạc hậu hoặc vẫn rập khuôn của nhà in Anh hay Âu-châu mà thôi. Mãi đến khi có cuộc cách mạng sâu rộng trong kỹ nghệ ấn loát hay nói cho đúng hơn, mãi đến giữa thế kỷ thứ 19, người Mỹ mới có nhiều sáng chế và phát minh mới lạ trong nghề in. Họ chế ra nhiều máy in tối tân, đồng thời canh tân mọi phương pháp ấn loát và bắt đầu từ đây nhà in của người Mỹ mới thoát ra khỏi kỹ thuật ấu trĩ và gây được ảnh hưởng sâu rộng trong ngành ấn loát trên thế giới.

Tuy nhiên đó mới chỉ là giai đoạn một của ngành in tại Hoa-kỳ, nó có một ảnh hưởng quyết định đối với nghề in sách, báo. Cho đến sau đệ nhị thế chiến, Hoa-kỳ mới thực sự làm một cuộc cách mạng lớn ở lĩnh vực bán sách, kết quả của một cuộc cải thiện to lớn, kỹ nghệ in sách tại Mỹ. Vai trò quan trọng của Hoa-kỳ trong thế chiến đó đã giúp một cách đặc lực cho việc bành trướng kỹ nghệ in sách của Hoa-kỳ và củng cố địa vị của nó trên thị trường chung của thế giới. Thế giới bị thôi thúc bởi một tính hiếu kỳ sôi bùng, người

ta muốn biết nước Mỹ, một quốc gia đã góp công to lớn trong thế chiến, cùng là nền văn hóa và kỹ thuật của nó.

Chiến tranh phát triển thủ độc sách



Mỹ, vào thời kỳ trước chiến tranh, tuy có Hội Đọc Sách và loại sách bỏ túi xuất hiện trên thị trường tiêu thụ ấn loát phẩm, số độc giả Hoa-kỳ cũng chưa có gì gọi là đông đảo cho lắm. Tỷ lệ độc giả trước chiến tranh và sau chiến tranh tỏ ra khá chênh lệch nhau. Do đó, người ta có thể kết luận rằng chiến tranh làm tăng gia con số độc giả một cách quan trọng.

Tại sao lại có hiện tượng đó ? Người ta có thể cắt nghĩa một cách đơn giản rằng :

Chiến tranh thảm khốc đã làm nảy sinh ra nhu cầu « giải thoát tư tưởng » của nạn nhân của nó. Sự tăng lương vượt mức trung bình, nhất là trong ngành kỹ nghệ chiến tranh và việc gửi số sách khổng lồ cho binh sĩ ở khắp các mặt trận trong thời chiến tranh, đã gây nên một nhu

cầu đọc sách không tiền khoáng hậu. Trong thời gian này, mặc dầu có sự khan giấy và sự thu hẹp của ngành kỹ nghệ ấn loát, nhiều phương pháp đặc biệt được triệt để khai thác để làm thế nào có thể in được sách càng nhiều cho quân đội càng hay. Trong bốn năm chiến tranh, 108 triệu 500 ngàn cuốn sách, với 1.004 đề tài khác nhau, đã được in ra và phân phối cho các binh sĩ Mỹ. Ngoài ra còn có 3 triệu 600 ngàn cuốn sách được dùng để tặng các quốc gia được giải phóng ở Âu-châu và Á-châu.

Vai trò của kỹ nghệ ấn loát đã đóng một vai trò vô cùng quan trọng suốt thời gian chiến tranh và đã gặt hái một thành công thật rực rỡ. Mỗi tháng in 40 quyền sách khác nhau và mỗi quyền in ra 155 ngàn bản ; một con số kỷ lục mà chưa có một quốc gia nào ở thời kỳ đó có thể phá hủy được. Ngành ấn loát Hoa-kỳ còn thành lập những ban xuất bản đặc biệt cho quân đội với giá rất hạ là hai đồng một quyền sách. Ban xuất bản đó cung cấp sách cho 2.000 thư viện quân nhân ở Hoa-kỳ và cho hàng trăm thị trường tiêu thụ khác ở các khu vực hành quân.

Nghề bán sách tại Hoa Kỳ

NGÀY nay tại Mỹ, kỹ nghệ in sách và nghề buôn sách được xem là một nghề tự do, trong đó có sự tự do cạnh tranh. Giá mỗi cuốn sách mới in ra, từ 7, 8 đồng tới 180 đồng, không kể loại sách được in đặc biệt và mỹ thuật. Người bán sách hôm nay không còn là người ham mê nghệ thuật hay là một nhà có thú say mê sưu tập sách quý nữa mà chính là một nhà buôn theo đúng nghĩa thực tế, thích sống chung quanh sách vở và khách hàng của mình.

Nhưng nghề bán sách ở Mỹ càng ngày càng gặp khó khăn vì nhiều nguyên nhân căn bản. Đầu tiên là số sách in ra càng lúc càng nhiều. Mỗi năm, người ta bán ra ba tỷ rưỡi sách báo đủ loại. Kể đó là, sự xuất hiện một loại sách mới gây nên ảnh hưởng nặng nề cho giới bán sách và nhà in cũ. Đó là loại « sách bỏ túi ». Nó được bày bán ở khắp các góc phố, ở sạp bán báo, ở quầy hàng bán thuốc lá và ở các hiệu bào chế danh tiếng. Loại « sách bỏ túi » này đã mở một đợt tấn công ráo riết vào ngành xuất bản « đối lập » và đã thắng

lợi khả quan. Lợi khí sắc bén của nó là giá bán rẻ khiến cho độc giả có thể tiêu thụ một cách dễ dàng.

Tuy nhiên, dù có sự cạnh tranh ráo riết giữa loại « sách bỏ túi » và loại sách mỹ thuật đắt tiền, nghề bán sách tại Hoa-kỳ trong vòng mấy năm nay vẫn phát đạt và thu vào một số tiền khổng lồ, vượt xa mức thu hoạch từ trước. Bảng thống kê dưới đây cho người ta biết sự phát triển mạnh của kỹ nghệ ấn loát và nghề buôn sách tại Mỹ từ năm 1947 đến nay.

Năm 1947, số sách bán ở Hoa-kỳ lên tới 248 triệu 500 ngàn cuốn với tổng số thu là 421 triệu mỹ kim.

Năm 1951, 407 triệu 500 ngàn cuốn và thu được 503 triệu 800 ngàn mỹ kim.

Năm 1953, 426 triệu 800 trăm ngàn cuốn, thu được 663 triệu 500 ngàn mỹ kim v.v...

Và cứ như thế số sách và số tiền bán được tăng gia mỗi năm. Tỷ lệ sách bán ra trên thị trường như vậy chứng tỏ rằng vô tuyến truyền hình không thể làm giảm bớt cái thú đọc sách của dân chúng Mỹ. Nhiều trò mới lạ

được thay đổi luôn trong chương trình của V.T.T.H. nhưng độc giả Hoa-kỳ vẫn không thể xao nhãng việc đọc sách và họ cho rằng đọc sách là cái thú tiêu khiển duy nhất có tác dụng bồi bổ tinh thần hơn cả.

Ở Hoa-kỳ, phần lớn các cửa hàng đều có bày bán sách vở, ngoài các cửa hàng bán sách chánh hiệu và quan trọng. Trong số trên 3 ngàn nhà sách, người ta nhận thấy có một nửa lại cho thuê sách. Do đó những người đại diện cho các nhà tổng phát hành lớn phải thân chinh đến thăm từng nhà sách một để kiểm soát sự bán sách. Chỉ có 50 nhà sách lớn là có một số sách tồn trữ từ 3.000 đến 25 ngàn loại sách cổ điển khác nhau và từ 3 đến 5 ngàn nhan đề sách mới.

Như trên đã trình bày, ở Hoa-kỳ ấn loát phẩm được bày bán ở khắp nơi từ ở hiệu sách lớn đến các sạp báo, cửa hàng, từ các đại lộ đến các ngõ ngách. Trong số các nơi bán sách rẻ tiền, người ta chú ý đến 6 ngàn hiệu bào chế. Những hiệu bào chế này ở Mỹ thật đặc biệt : ngoài công việc chính là bán được phẩm, người ta lại còn bán cả đồ tạp hóa, mỹ phẩm, sách,

báo và đồng thời cũng là một tiệm cà phê để khách hàng đến ăn điểm tâm ! Tính cách linh tinh, phức tạp đó đã đẻ ra nhiều giai thoại lý thú, về việc mua và bán sách tại Hoa-kỳ. Một ngày nọ, có một thiếu phụ vào một hiệu bán sách hỏi cô bán hàng mua một ống sáp môi. Cô bán hàng ngạc nhiên, tròn xoe mắt nhìn thiếu phụ. Biết là mình đã lầm, thiếu phụ nọ liền nói gở :

— Xin lỗi cô, tôi tưởng đây là một hiệu bào chế vì ở đó người ta thường bày bán sách ở ngoài tủ kính !

Đi tìm Tác Giả

Nếu kể những nhà xuất bản có từ 5 cuốn sách trở lên thì ở Hoa-kỳ có những 250 nhà xuất bản. Nhưng phần đông các nhà xuất bản ấn hành đủ các loại sách : sách chuyên môn, sách giáo khoa, sách nhi đồng, tiểu thuyết tiểu sử các danh nhân.

Mỗi nhà xuất bản, như Doubleday chẳng hạn, nhận được chừng 5.000 bản thảo các loại tiểu thuyết gửi đến. Cũng như ở các quốc gia lớn khác, nhà

xuất bản có thuê một số văn sĩ chuyên đọc các loại bản thảo và chọn lọc lấy những truyện có giá trị. Thường khi, tác giả gửi tác phẩm thẳng tới nhà xuất bản. Nhưng phần nhiều thì các bản thảo gửi đến qua sự trung gian của những nhà « kinh kỹ viên văn chương » với một số tiền hoa hồng là 10 phần trăm. Những « kinh kỹ viên văn chương » này hoạt động như các tay mại bán của ngành thương mại hay những kinh kỹ viên của các hãng bảo hiểm. Một điểm đáng lưu ý nhất là các văn sĩ được trả lương để đọc các bản thảo được nhà xuất bản nể trọng và có đầy đủ uy tín trong việc chọn lọc bản thảo để in bởi họ là những văn sĩ có tiếng cả. Các ông giám đốc nhà xuất bản chỉ làm công việc trừ định kế hoạch ấn hành và bán cho chạy tác phẩm mà thôi. Các ông này còn ủy quyền cho những hãng tư chuyên việc thăm dò và phân tích phản ứng của độc giả trước khi bỏ ra một số tiền không nhỏ để in tác phẩm và gây tên tuổi cho tác giả. Do đó mà sách in ra bán rất chạy và tên tuổi của tác giả chóng nổi vì tác phẩm trước khi ra đời đã được cân định giá trị của nó.

Thư viện và Hội Những Người Đọc Sách

VIỆC thành lập những thư viện công cộng được chính phủ đặc cách lưu tâm đến. Chính phủ quan niệm rằng phát triển con số thư viện trong toàn quốc là một phương cách bành trướng nền kỹ nghệ xuất bản sách và trực tiếp nâng cao trình độ dân trí trong quảng đại quần chúng. Ở khắp nước Mỹ có tất cả 7.500 thư viện công cộng, trong đó có 40 phần trăm các loại sách thích hợp với cảm quan của thế hệ thanh niên mới, nhờ đó mà nhu cầu hay thú say mê đọc sách càng ngày càng tăng gia mạnh mẽ. Mỗi thư viện là một địa điểm lợi ích vô cùng cho tất cả những ai muốn sưu tầm, học hỏi, giải trí, bồi bổ tinh thần.

Ngoài con số thư viện không lồ đó, tại Hoa-kỳ vào năm 1926, hai « Hội Của Người Đọc Sách » được thành lập, gọi tắt là « Thư Hội ». Nhờ các « Thư Hội » này mà số sách tiêu thụ trên thị trường càng ngày càng tăng gia gấp bội. Có chừng 80 nhà chuyên bán sách theo kiểu đặt tiền mua trước dài hạn, hay mua theo lối gửi trả tiền bằng bưu phiếu. Những nhà này chọn trước tác

phẩm hay, giá trị cho hàng triệu độc giả mua sách năm. Ngoài việc bán sách cho khách hàng, các nhà này còn tặng sách quý cho khách hàng mua năm của mình nữa.

Trong số « Hội của những người đọc sách » hay « Thư hội », có hai hội quan trọng nhất ở Hoa-kỳ là « *Literary Guild* » (Hội Hướng Dẫn Văn Chương) và « *Book-of-the-Month Club* » (Nguyệt tân thư hội) ; hội trước có chừng 900 ngàn hội viên và hội sau có chừng 770 ngàn hội viên ; con số hội viên của hai hội trên gần bằng phân nửa tổng số 3 triệu hội viên của các « Thư Hội » trong toàn quốc. Cũng nên nói rõ thêm là việc thu hút hội viên vào hội vô cùng khó khăn và viện giữ cho hội viên ở lâu năm trong hội lại càng khó khăn hơn nữa. Thường thường các hội viên bỏ hội của mình sang gia nhập một hội khác có quà tặng quý giá hơn dành cho hội viên mới. Chẳng hạn như « Nguyệt tân thư hội » cam kết tặng cho mỗi hội viên mới bộ sách « Hồi ký Chiến Tranh » của cựu Thủ tướng Anh *Winston Churchill* gồm có 6 cuốn cả thấy. Ngược lại hội viên mới cũng phải cam kết mua lại cho

Hội mỗi năm ít lắm là bốn cuốn sách của hội.

Công cuộc quảng cáo của các « Thư Hội » để thu hút hội viên mới cũng thật phiền phức và tốn kém. Mỗi năm, người ta chi tiền đến 3 triệu mỹ kim vào việc này. « Nguyệt tân thư hội » mỗi tháng lại in một triệu tờ nguyệt san phát không cho hội viên và nhận đỡ đầu cho các buổi phát thanh của các đài vô tuyến điện và vô tuyến truyền hình. Chi tiêu to tát như vậy, nhất định là Hội này phải nhắm vào một lợi ích không phải nhỏ. Hội tung ra một số tiền lớn để giới thiệu sách mới một cách đặc lực và nhờ đó mà số sách in ra cũng phải tương xứng để có thể đủ đáp ứng cho nhu cầu của độc giả ; trung bình mỗi tác phẩm in ra ít nhất cũng phải trên 250 ngàn cuốn.

Tại Hoa-kỳ, ngoài các nhà xuất bản có đặc quyền in sách để cung cấp cho quân đội, họ in ra rất nhiều sách, các « Hội Những Người Đọc Sách » hay « Thư Hội » với con số hội viên khổng lồ, đã và đang trực tiếp phát triển ngành xuất bản sách của nước Mỹ. Một nền văn nghệ của nước nào thịnh hay suy đều căn cứ vào sự hoạt động của ngành xuất bản sách trong nước.

Giới văn nghệ sĩ sống cao hay thấp, tài nghệ có phát triển đúng mức không ? v.v... cũng do công cuộc khuyến khích của kỹ nghệ xuất bản sách vở mà con số độc giả đông đảo là yếu tố quan trọng hơn cả. Chính độc giả là người có đủ thẩm quyền để nhận xét tác phẩm ; sự nhận xét của họ luôn luôn vô tư, khách quan, giúp cho người ta quyết định được vận mệnh sự nghiệp văn chương của tác giả. Ở Hoa-kỳ vấn đề này được phân minh và tiêu biểu nhất. Một tác giả mới, nhưng nếu tác phẩm của mình hay, vẫn được nhiệt liệt hoan nghênh và trong một sớm một chiều, có thể bước mau đến đỉnh

đài danh vọng. Ngược lại, một tác giả kỳ cựu có nhiều thành tích, nếu ra sách sút kém hoặc không thể sáng tác hay và giá trị nữa, vẫn bị chỉ trích và bị đời chóng bỏ rơi, quên lãng. Độc giả Mỹ có sẵn một định kiến là đánh giá tác phẩm qua tác phẩm chứ không bị chi phối bởi tên tuổi của tác giả.

Tóm lại, hiện nay kỹ nghệ xuất bản sách ở Hoa-kỳ đang trên đà phát triển mãnh liệt nhờ người dân Mỹ có cái thú say mê đọc sách và được thúc đẩy bởi các Thư Hội, Thư viện, đặc biệt nhất là được Chính phủ chú tâm nâng đỡ.

HÀN PHONG

« Ta chẳng dám khen chê ai tài cao, tri thiên. Kể nào làm tròn sứ mạng và nhiệm vụ của mình không kém sút gì ai ».

WALT WHITMAN

Sinh năm 1819, tại Long-Island (Nữu-Uớc), Walt Whitman đã sống một cuộc đời gian truân để tạo cho mình một sự nghiệp sau này. Trước khi trở nên một thi sĩ lừng danh, ông đã từng làm giáo viên, thợ sắp chữ và biên tập viên. Những năm tháng trôi qua nơi các học đường với đám học sinh thơ ngây và những ngày mệt nhọc nơi các nhà in và bàn giấy, làm cho tâm hồn ông đậm ra thêm khát khao trời mây cao rộng, đi đó đi đây để hòa mình với dân gian và mở rộng thêm tầm kiến thức.

Ở đâu và làm gì, ông cũng luôn luôn mang nặng trong lòng mối tình yêu đất nước sâu xa. Tình yêu quê hương, xứ sở bao giờ cũng thể hiện trong những áng văn thi phẩm của ông.

Tập thơ « Thảo Diệp » (Leaves of Grass), là tác phẩm vĩ đại nhất của ông đã nói lên tình yêu thương nhân loại và Tổ quốc thân yêu của ông. Ông mất vào năm 1892 để lại cho đời những bài thơ bất hủ đầy nhựa sống.



XUÂN PHỤNG

Mùa Thu trên đất tự do

Gió lạnh dạt dào vuốt lúa xanh
Thu về trên sóng mắt trong lành.
Đôi cô thiếu nữ môi hàm tiếu
Ca hát ven đường nắng xuống nhanh.

Ta đón mùa thu phía tự do
Mùa thu sao đã quá thơm tho !
Nhìn qua làn nắng cùng hơi gió :
Những mảnh trời trong sáng mở to.

Từ đây mới đến những mùa thơ,
Bát ngát đồng vui, lúa ngập bờ.
Mấy tiếng chim nào qua mái rạ
Qua cánh dương liễu hót như mơ.

PHẦN THỨ HAI

Phần thứ hai của Văn Hưu số 19 này được hoàn thành với sự cộng tác trợ bút của các bạn văn : Sơn Nam — Xuân Phụng — Bà Thiều Mai — Vương Đức Lệ — Hoài Khanh — Tường Linh — Nguyễn Đạt Thịnh — Doãn Quốc Sĩ.

Nguyên tác của **SOMERSET MAUGHAM**

Bản dịch của **THIỆU MAI**

Nhiệt tình của mẹ

I

NGHE tiếng cãi cọ lao xao ở ngoài sân, mấy người ở những căn phòng lân cận vội chạy ra nghe ngóng.

Một mẹ đàn bà nói :

— À, mẹ này mới thuê căn phòng cuối giấy kia đấy mà ! Chắc mẹ có chuyện gì rắc rối với lão phu dọn đồ rồi.

Đây là một tòa nhà hai tầng được dựng lên vòng quanh một khu sân rộng lát gạch trong một xóm bình dân tại tỉnh Sê-vin. Nhà này được chia ra làm nhiều phòng có đồ đạc sẵn để các gia đình thợ thuyền và tiểu công

nghề thuê ; ước chừng có tới hai chục gia đình sống trong cảnh chung chạ này.

Một căn cuối giấy bị bỏ trống từ nửa tháng nay, mãi tới hôm nay mới được mẹ này đến hỏi thuê. Và ngay một giờ sau, mẹ tự chuyển chỗ đồ đạc đến, theo sau là một gã phu vác tám nệm cho mẹ.

Cuộc đấu khẩu mỗi lúc một thêm kịch liệt. Hai thiếu phụ đứng tựa bao lon trên lầu cúi mãi xuống để lắng tai nghe họ đối đáp với nhau.

Mẹ kia cất giọng the thé nguyên rửa gã phu và gã này

cũng không chịu thua mà buông ra những lời thô tục.

Rồi, gã cương quyết tuyên bố:

— Nếu chị không trả đủ tiền thì tôi quyết không bước chân ra khỏi cái nhà này.

— Thì tôi đã trả rồi còn gì nữa. Anh đã chẳng thỏa thuận với cái giá hai đồng là gì ?

— Không đời nào có chuyện ấy cả. Chính miệng chị đã hứa trả tôi bốn đồng, vậy chị đừng có lật lọng.

— Hừ, bốn đồng công vác một tấm nệm ranh con ấy à ? Anh thực là một đồ điên.

Dứt lời mục lại quày quày xô đuôi gã phu. Đổ mặt tía tai, gã nghiêng rặng :

— Chị không trả đủ bốn đồng thì tôi quyết không đi đâu cả.

Tức thì mục kia nổi cơn thịnh nộ, trợn mắt tròn xoe, hai hàm răng nghiêng chặt rồi cất tiếng chửi rủa và hăm hăm xông lại giờ nắm tay lên trước mặt gã phu khốn nạn.

Kết cuộc, gã đàn ông phải đầu dụi :

— Thôi được rồi, chị đưa ba đồng đây để tôi đi cho rảnh

chuyện. Tôi không muốn mất thì giờ để cãi nhau với hạng người bần tiện như chị nữa.

Gã phu cầm tiền rồi quẳng tấm nệm xuống đất, vùng vằng đi ra. Mục kia không quên ném theo một câu nguyên rửa tục tằn nữa.

Một lát sau, mục ra sân để khuôn đồ đạc vào. Hai thiếu phụ đứng trên bao lơn liếc chăm chú nhìn vào mặt mục.

Một ả khế kêu lên :

— Trời ơi, cái mặt quỷ sứ ! Trông mục này có vẻ như một tên sát nhân ấy nhỉ ?

Vừa lúc đó, một thiếu nữ đi lên cầu thang, ả kia liền gọi lại và thì thầm hỏi :

— Hồng Liên, mày có trông thấy mục kia không ?

— Có, mẹ ạ... Con vừa hỏi tên phu thì gã nói rằng mục ta ở Tiên Na rồi đến đây. Mục đã hứa trả gã bốn đồng, rồi khi tới đây thì mục lại trở mặt.

— Gã có nói tên mục ta không ?

— Gã nói ở Tiên Na, người ta thường gọi mục là mục Cát Sỹ Lạc.

Mụ hàng xóm mới lật đật chạy ra nhặt nốt bọc hành lý bỏ quên ngoài sân. Lúc trở vào, mụ liếc nhìn hai người đàn bà trẻ tuổi đang làm bộ thần nhiên trò chuyện trên bao lơn.

Hồng Liên lẩm bẩm :

— Trời ơi ! Mụ làm con sợ quá, mẹ ạ.

..

Mụ Cát Sỷ Lạc trạc khoảng bốn mươi tuổi với một thân hình gầy gò ốm yếu. những bàn tay khô khan xương xẩu, những ngón tay gẻ lở lòng không. Mỗi khi mụ mở miệng nói đề lộ ra hai hàm răng nhọn hoắt như răng chó sói giữa cặp môi dày nhợt nhạt, người ta trông mà phát khiếp.

Tóc mụ được bện lại thành một búi to tướng ở phía sau gáy lúc nào cũng như sắp tuột xuống đôi vai gầy guộc. Cặp mắt ốc nhồi thỉnh thoảng lại long lanh một vẻ dữ tợn khiến ai cũng phải kiêng dè.

Nói tóm lại, bộ mặt đầy vẻ hung dữ của mụ đã khiến không ai dám đến gần.

Căn cứ vào những món vật dụng tồi tàn và bộ quần áo rách rưới tiêu tụy của mụ, người ta biết ngay rằng mụ chẳng lấy gì làm phong lưu.

Ngày nào mụ cũng ra đi từ sáu giờ sáng và không bao giờ trở về trước khi trời tối và chẳng ai biết mụ sinh nhai bằng nghề nghiệp gì cả.

Bọn người thóc mách này đã có lần yêu cầu viên cảnh sát, ở một căn phòng trong tòa nhà đó, mở một cuộc điều tra về mụ đàn bà kỳ dị ấy. Song, viên này lắc đầu đáp :

— Mụ ta có làm gì phương hại đến trật tự chung ở đây đâu mà tôi phải mất thì giờ can thiệp.

Tuy nhiên, ở cái tỉnh Sê-Vin bé nhỏ này, bất cứ một câu chuyện gì cũng có thể được phóng đại bằng một cách rất nhanh chóng. Chỉ vài ngày sau, một anh thợ nề ở tầng trên đã về kháo với mọi người một câu chuyện do bạn anh ta thuật lại :

— Mụ Cát Sỷ Lạc vừa ở khám đường ra được một tháng nay ; mụ đã phạm tội sát nhân và bị kết án bảy năm cấm cố. Thoạt tiên khi mới được phóng thích, mụ thuê nhà cư ngụ ở Tiên Na ;

nhưng sau lũ trẻ lối xóm dò biết lai lịch của mẹ liền xui nhau cứ mỗi lần gặp mẹ đâu là nhặt đá ném theo và không ngớt lời chửi rủa. Rồi một hôm, quá tức giận vì xấu hổ, mẹ lẩn sả vào đánh lũ trẻ túi bụi. Thế là người chủ nhà tống mẹ ra khỏi cửa và mẹ rời đến đây...

Hồng Liên vội ngắt lời :

— Vậy mẹ ta đã giết ai, hả bác ?

— Nghe nói mẹ giết gã nhân tình của mẹ thì phải.

— Ôi chao, xấu như ma thế mà cũng có nhân tình kia ư ? Chắc không phải đâu.

Mẹ Phi La cất giọng rên rỉ tiếp lời con gái :

— Đức mẹ ơi ! Con cầu nguyện cho mẹ đừng giết ai trong bọn chúng con ở đây.

Hồng Liên kính cẩn làm dấu thánh giá.

Mẹ Phi La quay lại nói với mọi người như phân vua :

— Đó tôi nói có sai đâu. Trông mẹ có vẻ sát nhân lắm mà... Ghê gớm thật !

Vừa lúc đó, mẹ Cát Sỷ Lạc ở ngoài phố về tới nơi. Một mối

lo âu tràn ngập bầu không khí nặng nề giữa đám người đang thì thào bàn tán. Họ liền im bặt và cùng đưa mắt nhìn mẹ đàn bà hung tợn kia.

Sự im lặng đột ngột đó khiến mẹ hoài nghi nên cũng đưa mắt nhìn họ. Để làm quen, viên cảnh sát liền rào bước tiến lại niềm nở chào mẹ. Sa sầm nét mặt, mẹ lạnh lùng gật đầu chào lại và rào bước về phòng mình rồi đóng cửa thật mạnh và khóa chặt lại.

Hồng Liên đưa mắt nhìn theo rồi thì thầm :

— Mẹ ta như quỷ ám ấy nhỉ ?

Hình như cũng đoán biết rằng họ đã rõ tung tích bí mật của mình rồi nên từ đó, mỗi lần gặp họ, nét mặt mẹ Cát Sỷ Lạc lại gân guốc thêm và cặp mắt mẹ như có vẻ man rợ thêm hơn lên.

Nhưng, rồi bọn người thóc mách kia cũng dần dần sao nhãng hẳn câu chuyện đó đi. Thậm chí mẹ Phi La là người nhiều chuyện nhất cũng không buồn đề ý đến người hàng xóm mới ấy nữa vì mẹ tự nhủ thầm : « chắc những ngày tù tội đã khiến mẹ ta trở nên điên dại rồi ! »

II

BÔNG một ngày kia, nguồn dư luận lại bắt đầu nổi lên ở cửa miệng mọi người vì một chuyện khác thường vừa xảy ra.

Buổi sáng hôm đó, một chàng thanh niên lạ mặt đến trước hàng rào sắt tòa nhà đó và hỏi thăm một người đàn bà tên gọi **Àng-Tô-Ni-À-Săng-Xê**.

Nghe hỏi, **mụ Phi La** đang ngồi vá áo ở ngoài sân liền đưa mắt nhìn con rồi ngẩng lên đáp :

— Ở đây, không ai có tên đó cả.

Ngập ngừng, chàng nói :

— Có đấy, bà ạ. Bà ta mới ở **Tiên-Na** rời đến đây được mấy bữa nay và người ta thường gọi là **mụ Cát-Sỹ-Lạc** ấy mà.

Hồng Liên liền đứng dậy mở cồng trong khi miệng nói :

— À, vậy thì **mụ ấy** ở căn phòng cuối giầy kia.

Chàng thanh niên mỉm cười ngỏ lời cảm ơn rồi tiến thẳng vào gõ cửa căn phòng theo tay nàng trở.

Hai người đàn bà tò mò nhìn theo. **Mụ Phi-La** lẩm bẩm :

— Không biết anh chàng đó là ai nhỉ ? Từ ngày đến đây, **mụ** có tiếp ai bao giờ đâu.

Nghe tiếng gõ cửa, **mụ Cát-Sỹ-Lạc** cất giọng khàn khàn hỏi vọng ra :

— Ai hỏi gì đó ?

— Mẹ ơi, con đây !

Tức thì cửa phòng bật mở, tiếp theo là một tiếng kêu náo nùng :

— Trời ơi, **Kiên-Tổ** con đấy ư ?

Mụ ôm choàng lấy chàng thanh niên mà hôn lấy hôn để. Và như say sưa, **mụ** luôn tay vuốt ve chàng với một cử chỉ âu yếm dịu dàng ; **mụ** giơ tay nâng cằm chàng lên và đắm đuối nhìn vào cặp mắt chàng một hồi lâu.

Trước cảnh êm đềm đầy cảm động đó, hai mẹ con **Hồng Liên** băng khuâng ngơ ngẩn vì không ngờ rằng trong con người hung tợn kia lại còn có một nguồn tình cảm rồi rào đến mực ấy.

Run lên vì sung sướng, **mụ Cát-Sỹ-Lạc** hơn hờ nắm tay con kéo vào phòng.

Ngạc nhiên, **Hồng Liên** bảo mẹ :

— Gã đẹp trai ấy mà lại là con của mẹ sát nhân kia ư ?

Một lát sau, cửa phòng rộng mở, mẹ Cát-Sỹ-Lạc vui vẻ khoác tay con bước ra và âu yếm hỏi :

— Chủ nhật sau, con có về với mẹ không ?

— Nếu không có việc gì ngăn trở, mẹ ạ.

Chàng từ biệt mẹ rồi đưa mắt gật đầu chào Hồng-Liên. Nàng mỉm cười đáp lễ. Thấy cặp trai gái chào nhau, nét mặt đang tươi tỉnh của mẹ bỗng sa sầm hẳn lại. Và mẹ nghiêm nghị nhìn người thiếu nữ.

Khi Kiên-Tổ đi khuất dạng, mẹ Phi-La cất tiếng hỏi :

— Con bà đấy ư ?

— Phải, con tôi đấy.

Mẹ miễn cưỡng sảng giọng trả lời rồi rảo bước về phòng mình. Rồi từ phút đó, mẹ triền miên nghĩ ngợi về thái độ khác thường ấy của con mẹ. Đối với đứa con duy nhất đó, mẹ đã có cả một tình yêu thương rộng rãi vô biên. Trong vũ trụ, nó là tất cả cái gì cao quý thiêng liêng nhất của đời mẹ. Mẹ đã yêu quý tôn thờ đứa con ấy với cả

một mối tình đắm say tuyệt đối. Mẹ tha thiết ước mong nó cũng yêu quý mình như mình đã yêu quý nó.

Vì sinh kế, Kiên-Tổ không thể sống luôn bên mẹ. Mỗi khi nghỉ tới nông nỗi mẹ con xa cách, mẹ thấy chua xót tắc lòng.

Rồi, tình yêu con đã khiến mẹ trở nên con người ích kỷ : mẹ muốn, ngoài mẹ ra, Kiên-Tổ không được để ý đến ai, không được tưởng nhớ đến ai khác nữa.

Bởi vậy ngày nay, mẹ không thể chịu đựng được nỗi đau khổ tâm hồn khi thấy đứa con trai yêu dấu ấy đã lưu ý đến người thiếu nữ chưa quen biết kia.

Đã hơn một lần, mẹ băn khoăn tự hỏi : « chẳng biết có phải con ta đã có nhân tình rồi hay không ? ».

Khi thoáng nhìn thấy khoe mắt đứa tình của ả Hồng-Liên và nụ cười thân thiện của Kiên-Tổ, mẹ hầu như ghen thối vì căm giận và muốn phát điên lên.

Đối với bọn láng giềng, mẹ đã sẵn lòng thù ghét sâu cay bởi họ đã sung sướng hơn mẹ và bởi họ đã rõ cái quá khứ xấu xa

của mẹ rồi. Giờ đây, mẹ lại cảm hơn họ đến cực điểm bởi cái ấn tượng là họ sẽ rất có thể cướp mất đứa con yêu dấu duy nhất của mẹ đi.



BUỔI trưa chủ nhật tuần sau, người ta đã ngạc nhiên khi thấy mẹ Cát-Sỹ-Lạc lững thững qua sân và nghiêm nhiên đến đứng tựa bên hàng rào sắt ; thật là một việc khác thường mà họ chưa hề thấy bao giờ.

Hồng-Liên khúc khích cười và khẽ nói :

— Ô, các ông các bà có biết tại sao mẹ ta đứng đấy hay không ?... Chẳng là hôm nay con trai mẹ sắp về thăm mẹ mà. Bởi vậy, mẹ phải ra đứng sẵn đây để che chở cho con mẹ kéo chúng ta nhìn thấy hấn mắt.

Một người bật cười chế diễu :

— Bộ mẹ sợ bọn mình ăn thịt con mẹ hay sao ?

Một lát sau, Kiên-Tổ đến và mẹ chàng vội vã kéo chàng đi thẳng về phòng.

Mẹ Phi-La nhìn theo lắc đầu chép miệng :

— Ôi chào ! Mẹ này cả ghen quá, làm như anh chàng kia là nhân tình của mình không bằng ấy.

Vẫn với nụ cười trên môi, Hồng-Liên nhìn cánh cửa phòng đóng chặt với cặp mắt đầy tinh quái. Nàng tự nghĩ lấy làm thú vị một khi được chuyện trò với chàng thanh niên duyên dáng kia và nàng cười thầm khi trông tượng đến cơn phong ba thịnh nộ của mẹ chàng.

Khi đám người giải tán, nàng còn nán lại bên hàng rào tại một chỗ gần cổng nhất và kiên nhẫn đợi chờ.

Nhưng khi trở ra, mẹ Cát-Sỹ-Lạc đã đi chẵn ngay trước mặt người thiếu nữ khiến nàng và Kiên-Tổ không thể nhìn thấy nhau được.

Thấy vậy, Hồng-Liên nhún vai bêu môi rồi lầm bầm :

— Mẹ không thể thắng ta bằng một cách quá dễ dàng như vậy được đâu, mẹ ơi.



MỘT ngày chủ nhật nữa đã đến !

Khi thấy mẹ Cát-Sỹ-Lạc đã đứng chờ con bên hàng rào,

Hồng-Liên bèn ra ngoài phố, lững thững đi về phía mà Kiên-Tố thường lại.



Thấy chàng đến, nàng làm bộ như không lưu ý và thản nhiên tiến bước. Chàng liền đứng lại cất tiếng chào :

— Kia, chào cô.

— Ồ, anh đấy ư ? Tôi tưởng anh sợ mà không dám nói chuyện với tôi thì phải.

— Sao cô nói thế ? Tôi không sợ ai cả...

— Phải, nhưng trừ bà mẹ anh chứ gì.

Miệng nói mà chân vẫn bước, Hồng-Liên tỏ vẻ muốn tránh xa chàng. Song, nàng cũng thừa hiểu rằng Kiên-Tố không muốn rời nàng chút nào nữa.

Kiên-Tố hỏi :

— Cô đi đâu bây giờ ?

— Anh hỏi để làm gì ? Thôi, anh nên vào thăm mẹ anh đi kẻo bà ấy mà tóm được thì bà ấy đánh chúng ta đến chết cả bây giờ đây. Tôi biết lắm... khi gần bà cụ, anh chẳng có can đảm nhìn đến tôi đâu... Kia, anh vào đi ! Tôi còn có chút việc riêng cần phải đi ngay bây giờ, anh ạ.

Kiên-Tố đi vào với một vẻ miễn cưỡng khiến Hồng-Liên cười thầm khoái trá.

Khi mẹ con chàng đi ra thì Hồng-Liên đã đứng ở giữa sân. Thấy nàng, Kiên-Tố liền đứng lại toan cất tiếng chào thì mẹ chàng liền chau mày gắt gỏng :

— Kiên-Tố, đi chứ con. Mày còn chờ gì ở đó ?

Khi chàng đi khỏi, mẹ liền đứng sững trước mặt Hồng-Liên với một thái độ khiêu khích. Nhưng chỉ trong giây phút, mẹ lại trấn tĩnh được ngay mà buồn bã trở về căn phòng tối tăm hiu quạnh.

III

N NGÀY lễ Thánh I-Zi-Do là vị thánh đỡ đầu cho dân tỉnh. Sê-Vin đã được dân chúng tổ chức rất trọng thể. Gã thợ mộc

cùng hai bạn láng giềng đã trang hoàng khắp sân bằng những chiếc đèn lồng xanh đỏ, tỏa ra những ánh sáng rực rỡ tung bừng khắp một góc trời mùa hạ.

Bầu trời êm dịu, muôn sao lấp lánh trên không ; thỉnh thoảng một làn gió nhẹ đưa đờ giải cơn nồng nực cho đám người đang tụ họp ngoài sân. Họ ngồi trên những chiếc ghế cao cùng nhau trò chuyện rất vui vẻ. Bọn đàn bà luôn tay phe phẩy những chiếc quạt bằng giấy tô màu lòe loẹt.

Mụ Cát-Sỹ-Lạc vắng mặt trong cuộc hội họp long trọng này. Người ta thấy ánh sáng hắt hiu của cây nến độc nhất trong phòng mụ.

Một người cất tiếng hỏi :

— Thế con trai mụ ta đâu nhỉ ?

Mụ Phi-La đáp :

— Hắn ở trong ấy. Tôi thấy hắn đến từ một tiếng đồng hồ rồi.

Hồng-Liên mỉm cười :

— Chắc hắn vui vẻ lắm đấy nhỉ ?

Một gã đàn ông chau mày ngắt chuyện :

— Ồ thôi, các bà đừng bận tâm đến cái mụ ấy làm gì nữa. Ta bắt đầu cuộc khiêu vũ đi, cô Hồng-Liên !

Ở Tây-ban-nha người ta rất thích khiêu vũ, họ không bỏ qua một cơ hội nào để được cùng nhau nhảy nhót.

Cuộc khiêu vũ bắt đầu. Tức thì các ghế được quây tròn vòng quanh sân. Gã thợ mộc và một gã tài xế chạy đi tìm đàn.

Hồng-Liên với cặp sênh trong tay (ở đây, người ta vừa nhảy vừa gõ cặp sênh bằng gỗ theo nhạc điệu) liền cùng một thiếu nữ khác tiến ra giữa sân mà nhảy múa.

Ngồi trong căn phòng nhỏ hẹp tối tăm, Kiên-Tổ vắng nghe tiếng nhạc du dương, chàng tự nhủ « à, ra họ đang khiêu vũ ».

Toàn thân bỗng nóng ran vì khát khao thèm muốn, chàng liền đứng lên đi ra phía cửa sổ. Qua tấm màn cửa, chàng thấy đám đông tụ họp dưới ánh đèn lồng rực rỡ, thấy Hồng-Liên uyển chuyển trong bộ lễ phục huy hoàng và gương mặt nàng tươi rạng rỡ dưới làn phấn mỏng. Một bông cài chướng nổi bật trên mái tóc phát phơ

của người thiếu nữ khiến tâm hồn chàng xao xuyến mà gần mặt ngắm nghía say sưa.

Trái tim • Kiên-Tổ mỗi phút đập mạnh thêm ; chàng vẫn hằng mơ tưởng tới người thiếu nữ yêu kiều ngay từ buổi đầu gặp gỡ.

Không thể cầm lòng được, chàng lững thững tiến ra phía cửa. Mụ Cát-Sỹ-Lạc sẵng giọng gọi giật lại :

— Mày đi đâu đấy, hả Kiên-Tổ ?

— Con đi xem khiêu vũ một lát, mẹ ạ... Ô kìa, sao mẹ lại có ý không muốn cho con được vui chơi một chút nhỉ ?

Nắm chặt tay con, mụ dẫn giọng :

— Có phải mày muốn gặp con Hồng Liên không ?

Kiên-Tổ vội giật tay mẹ ra rồi hấp tấp đi ra sân bước về phía đám đông đang vui chơi nhộn nhịp. Mụ định chạy theo con nhưng lại ngừng bước, toàn thân run lên vì giận hờn chua xót.

Thấy Kiên-Tổ đến, Hồng-Liên mỉm cười lại gần thỏ thẻ :

— Kìa, anh không sợ hay sao mà dám nhìn tôi vậy ?

Tuy nhiên, cuộc khiêu vũ đang hào hứng khiến nàng không còn ý tưởng e sợ mụ Cát-Sỹ-Lạc như thường nhật nữa.

Khi nhảy hết bài, Hồng-Liên bèn đến thẳng với Kiên-Tổ. Nàng đứng trước mặt chàng, đầu ngả ra phía sau, cặp mắt lim dim tình tứ và bộ ngực phập phồng vì hơi thở gấp rút.

Rồi nàng cất tiếng khẽ hỏi :

— Anh có biết nhảy không ?

— Có chứ.

— Vậy thì anh ra đây, ta cùng nhảy đi.

Dứt lời, với nụ cười tươi thắm trên môi, nàng khoác tay Kiên-Tổ bước ra. Song, chàng ngập ngừng e ngại vì nhìn qua vai nàng, chàng thấy dáng mẹ chàng thấp thoáng trong bóng tối.

Hồng-Liên nói khích :

— Anh sợ đấy ư ?

Chạm lòng tự ái, chàng cất cao giọng đáp :

— Sợ gì cơ chứ ?

Miệng nói, chân chàng bước ra sân nhảy : danh dự không cho chàng được phép dụt dè nữa.

Âm nhạc bắt đầu trỗi lên những khúc du dương trầm bổng, các khán giả vỗ tay làm nhịp và thỉnh thoảng đồng thanh cất tiếng reo hò náo nhiệt.

Hồng-Liên say sưa trong cánh tay chàng tuổi trẻ, cất bước uyển chuyển theo nhạc điệu êm đềm. Bỗng nhiên, nàng mỉm cười thích thú khi chợt thấy một khuôn mặt trắng bệch khi ẩn khi hiện trong bóng tối : đó là mẹ Cát-Sỹ-Lạc đang đứng rình con vậy.

Mẹ đắm chiều theo rồi từng bước chân của con ; lòng mẹ tràn ngập bao nỗi căm hờn khi thấy Hồng-Liên ôm chặt đứa con trai yêu dấu của mình trong cánh tay với một dáng điệu quyến rũ lẳng lơ.

Tiếng đàn vừa dứt, Hồng-Liên mỉm cười ngừng bước và cất tiếng tán dương tài khiêu vũ của chàng tuổi trẻ.

Thấy cuộc vui sắp tàn, mẹ Cát-Sỹ-Lạc vội chạy về phòng khóa chặt cửa lại. Nghe tiếng con gọi, mẹ lặng thinh.

Bực tức, chàng nói :

— Vậy thì con về đây, mẹ ạ,

Trái tim người mẹ dường như tan nát vì niềm uất hận, song

mẹ không muốn nói gì nữa. Kiên-Tổ là người yêu dấu độc nhất vô song trong đời mẹ, vậy mà ngày nay mẹ ghét cay ghét đắng thậm chí không muốn nhìn mặt nữa.

Suốt đêm hôm ấy, mẹ không tài nào chợp mắt được. Mẹ đã như điên như cuồng với cái ý nghĩ đen tối rằng người ta sẽ cướp mất con của mẹ đi.

Sáng hôm sau, mẹ nghỉ ở nhà để đợi Hồng-Liên. Tới khi thấy người thiếu nữ ra sân với dáng điệu mệt mỏi bơ phờ, sau một đêm vui, mẹ cương quyết tiến ra cản đường.

Rồi với một giọng nghẹn ngào hằn học, mẹ trừng mắt hỏi :

— Cô muốn làm gì con tôi ?

Làm bộ ngờ ngát, nàng đáp :

— Ô hay, tôi không hiểu bà định nói gì ?

— Ôi, tất cô đã thừa hiểu tôi muốn nói gì rồi thì phải. Cô hãy trả lời tôi đi : có phải cô định quyến rũ con tôi hay không ?

Cất giọng mỉa mai, nàng thản nhiên đáp :

— Bà tưởng tôi mê con bà lắm ư ? Vậy thì bà hãy giữ lấy hấn, đừng cho hấn đến gần tôi

nữa thì hơn. Tôi không có đủ tài ngăn cấm hắn chạy theo tôi ở khắp mọi nơi như vậy được.

— Cô không nói dối đấy chứ ?

— Bà cứ hỏi lại con bà mà xem. Hắn chờ hàng giờ ở ngoài phố để mong được gặp mặt tôi... Nhưng, tại sao bà không giữ lấy hắn có hơn không ?

— Không, cô nói dối..., tôi biết lắm. Chính cô đã quyến rũ con tôi trước..., tôi biết đích xác như vậy.

Hồng-Liên cất giọng khinh bỉ :

— Nếu tôi muốn có một người ý trung nhân thì chẳng phải là một chuyện khó khăn đâu, bà ạ. Không thiếu gì chàng trai trẻ đang cầu xin tôi một chút tình yêu. Vậy thì có sao tôi lại có thể tự hạ mình xuống để yêu đứa con của một kẻ sát nhân nhỉ ?

Tức thì một tấm màn đen tối phủ kín ngay cặp mắt đau thương của người đàn bà khốn nạn. Cả một bầu trời dường như sụp đổ hẳn, máu nóng bốc lên đầu ngùn ngụt, mọi gầm lên một tiếng lớn rồi lẫn sả vào mình người thiếu nữ mà túm chặt lấy tóc nàng.

Kinh hoàng, Hồng-Liên kêu thất thanh và cố sức chống cự. May thay, một người chợt đi qua thấy thế liền chạy lại can thiệp và gỡ được tay mẹ ra.

Mẹ rít lên :

— Nếu mày không buông tha thằng Kiên-Tổ ra thì tao nguyện sẽ giết mày.

Dứt lời, với một trạng thái điên cuồng như con thú dữ mất mồi, mẹ vùng chạy ra ngoài phố.



Cuộc khiêu vũ vừa qua đã khiến Kiên-Tổ càng mê man say đắm vì yêu Hồng Liên. Suốt ngày hôm sau, lúc nào chàng cũng mơ tưởng tới cặp môi tươi thắm và đôi mắt sáng ngời của nàng.

Chiều hôm ấy khi mặt trời vừa lặn, chàng lần đến trước cửa nhà Hồng-Liên và chờ đợi mãi cho đến khi thấy bóng nàng thấp thoáng ngoài sân.

Chàng khẽ cất tiếng gọi :

— Hồng-Liên !

Giật mình quay lại, thiếu nữ ngạc nhiên khẽ nói :

— Kìa, sao hôm nay anh lại tới đây ?

— Tôi không thể xa cô được.

— Tại sao vậy ?

— Tại tôi đã yêu cô.

Sa sầm nét mặt, nàng thở dài đáp :

— Nhưng, anh không biết rằng sáng nay mẹ anh đã toan giết tôi ư ?

Nàng thuật lại tấn kịch đã xảy ra cho nàng. Trong câu chuyện, nàng cố ý thêm thắt rất nhiều khiến chàng phải khó chịu với mẹ. Rồi, chàng thở dài lẩm bẩm :

— Tính mẹ tôi vốn dữ như quỷ sứ. Nhưng, tôi sẽ nói để bà biết rằng cô đã là vị hôn thê của tôi...

Nàng cười chua chát ngắt lời :

— Để thường bà ấy vui mừng khi nghe tin ấy đấy nhỉ ?

— Mai cô có ra hàng rào với tôi không ?

— Có lẽ.

Chàng mừng thầm vì biết rằng thế nào nàng cũng đến nơi hẹn.

Hôm sau, Hồng-Liên sẵn sàng chờ đợi người yêu. Và theo

phong tục ở Sê-Vin, họ đã đứng nói chuyện với nhau hằng giờ, mặt đối mặt, tay cầm tay, nhưng vẫn bị ngăn cách bởi một bức rào kiên cố.

Rồi từ đó, chiều nào họ cũng gặp nhau để chuyện trò tình tự. Và cũng từ đó, Kiên-Tổ không về thăm mẹ lần nào nữa.

Người mẹ khốn nạn, tim như thắt lại vì đau đớn, đếm từng ngày để mong đợi con về. Mụ đã sẵn sàng mong đợi để khi gặp mặt con, mụ sẽ quỳ dưới chân nó mà van xin nó tha thứ cho mình.

Nhưng ngày tháng dần trôi, đứa con yêu dấu vẫn không về.

Lần lần, lòng nhớ mong quá độ đã đổi thành lòng oán giận căm hờn, bây giờ thì mụ chỉ muốn trông thấy nó chết ngay dưới chân mụ mà thôi.

Mỗi lần chủ nhật đến, mong con mà chẳng thấy, mụ lại ngơ ngẩn như kẻ mất hồn. Rồi không chịu đựng nổi đau khổ ngấm ngấm ấy nữa, mụ quy tội cho Hồng-Liên là người đã căm dỗ con mình. Ý nghĩ ấy khiến mụ điên cuồng và bắt đầu tính kế trả thù cho hả giận.



BỔNG một hôm Kiên-Tổ lại về thăm mẹ. Nhưng, sau bao ngày uổng công mong đợi, lòng người mẹ đã chết hẳn. Khi Kiên-Tổ giơ tay ra, mẹ liền gạt phắt đi và chất vấn với một giọng đầy nước mắt :

— Tại sao mấy tuần nay mày không về đây ?

— Thì tại mẹ đã cấm cửa con chứ tại sao... Con có ý nghĩ rằng mẹ không muốn nhìn mặt con nữa... Vậy có đúng hay không, hả mẹ ?

— Chỉ tại có thể thôi ư ? Có còn gì khác nữa không ?

— Cũng tại con bận việc nữa .

— Bận ư ? Hừ, hạng người như mày mà cũng có việc bận à ? Mày bận những việc gì ? Có phải mày bận đi tình tự với con Hồng-Liên không ?

Tới phút ấy, Kiên-Tổ không tự chủ được nữa liền sẵn giọng hỏi :

— Tại sao mẹ lại đánh Hồng-Liên ?

— Sao mày biết tao đánh nó ? Mày đã gặp nó phải không ? À, ra vì việc đó nên mày mới về

đây để chất vấn tao có phải không ?

— Nhưng, tại sao mẹ lại đánh nó ?

— Tại nó nhiech tao là đồ sát nhân thì tao đánh nó đấy.

— Thế rồi sao nữa ?

— Rồi sao nữa à ?... Ôi, sớ dĩ tao đã phạm tội sát nhân cũng là vì mày. Phải, chỉ vì mày mà thân tao phải chịu như nhục thể này đây. Chỉ vì lão Bạch Bá đánh đập mày mà tao đã giết hẳn đi... Chỉ vì mẫu tử tình thâm, chỉ vì bệnh vực mày mà tao đã bị giam cầm tù tội trong bảy năm trời đằng đằng ấy...

Nghẹn ngào vì tủi nhục đắng cay, mẹ đưa tay lên ôm ngực rồi nức nở :

— Ôi, con ơi ! Sao mày nở tàn nhẫn với mẹ mày quá lắm vậy ? Vì mày mà tao đã dám làm tất cả những việc mà kẻ khác không dám làm... Mày tưởng trước kia tao yêu thằng cha Bạch-Bá đấy ư ?... Thế thì mày làm to, con ạ. Chỉ vì muốn cho mày được no ấm nên tao phải ưng kết duyên với lão để cam chịu cái nhục nay đòn mai vọt... Nhưng, đến khi lão đánh mày thì tao không thể tha thứ được. Vì yêu thương mày, tao

không muốn cho ai xúc phạm đến mày cả... Rồi để bệnh vực mày tao đã đang tay hạ sát lão đi... Vì mày mà tao phải chịu trăm cay ngàn đắng ở chốn lao tù trong bảy năm trời và ngày nay tao bị thiên hạ dễ khinh ghê tởm... Ôi, tao sống vì mày và rồi đây, tao chết cũng vì mày đấy, Kiên-Tổ ạ... Vậy mà bây giờ, mày đã đại dốt tin rằng con Hồng-Liên nó yêu mày mà mày đã nở không thèm nhìn đến mẹ mày nữa...

Sốt ruột, Kiên-Tổ bĩu môi tàn nhẫn ngắt lời mẹ :

— Thôi, bà im mồm đi đừng nói nhiều nữa. Bây giờ, tôi đã hai mươi tuổi rồi chứ còn bé bỏng gì nữa mà bà cứ muốn kiểm thúc tôi mãi. Nếu không yêu Hồng-Liên thì tôi cũng yêu người khác cơ mà.

Mặt mày xanh xám, thốt nhiên, mẹ Cát-Sỹ-Lạc gầm lên :

— Mày đồ quý sú ! Đồ bất hiếu ! Tao thù ghét mày đến cực điểm rồi. Thôi, bước ra khỏi nhà tao đi ! Bước ngay đi, thằng con bất hiếu bất mục kia !... Trời ơi, sao mà thân tôi khổ thế này ?

Kiên-Tổ vênh mặt nói :

— Hừ, bà tưởng tôi thiết ở đây lắm ư ?

Dứt lời, chàng ráo bước ra ngay khỏi nhà với vẻ mặt hăm hăm tức giận.

Nhìn bóng con đã khuất, mẹ thở dài nảo nuốt rồi cất bước nặng nề đi lại trong phòng như một người điên.

Thì giờ lặng lẽ trôi qua. Nỗi đau khổ cắn hờn mỗi phút thêm tràn ngập cõi lòng tan nát của mẹ. Một lát sau, mẹ ngừng bước bên khung cửa sổ với dáng điệu một con thú dữ rình mồi.

Bỗng mẹ nín hơi đứng thẳng người lên lắng tai nghe ngóng. Một tiếng vỗ tay nổi lên phía ngoài rào sắt khiến mẹ chăm chú nhìn ra : nhưng, đó chỉ là gã thợ mộc. Một lát sau, mẹ Phi-La, mẹ của Hồng-Liên, rón rén đi về phía gã đứng.

Mẹ Cát-Sỹ-Lạc vẫn kiên nhẫn đứng chờ.

Lại một tiếng vỗ tay mé ngoài rào sắt và một tiếng khế :

— **Quyết !**

Mẹ hồi hộp khi nhận được tiếng Hồng-Liên ; nàng hớn hở qua sân với một thái độ sung sướng yêu đời.

Vừa đặt chân lên bậc thang thứ nhất, nàng bỗng giật mình kinh hoảng khi thấy mẹ Cát-Sỹ-

Lạc tiến đến trước mặt. Mẹ nắm chặt lấy tay nàng khiến nàng không thể vẫy vùng chống cự được.

Thất kinh, Hồng-Liên líu lưỡi:

— Ô hay, mẹ định làm gì tôi thế này ?... Buông tôi ra.

Mày định làm gì với con trai tao ?

— Có buông tôi ra không ? Hay tôi kêu lên bây giờ...

— Hãy trả lời tao đã : có phải chiều nào mày cũng nói chuyện với con tao ở ngoài rào sắt hay không ?

Hồng-Liên kêu thất thanh :

— Mẹ ơi, cứu con với !... Ân-Tôn, cứu tôi với !

— Mày hãy trả lời tao đi... Đừng kêu, vô ích lắm.

Một ý nghĩ thoáng qua khiến Hồng-Liên định thần ngay lại và nói thẳng một hơi :

— Nếu mẹ muốn biết thì đây là tất cả sự thực : Kiên-Tổ và tôi đã rất yêu nhau, chúng tôi sẽ cùng nhau chung sống ! Mẹ đừng tưởng rằng mẹ có thể ngăn cản được chúng tôi đâu. Mẹ tưởng anh ấy sợ mẹ lắm đấy phỏng ? Không, sự thực thì anh ấy ghét

mụ lắm..., anh ấy bảo tôi thế. Anh ấy chỉ muốn mụ ở tù suốt đời hoặc hơn nữa, chỉ muốn mụ chết đi cho rảnh nợ.

Mụ nhếch mép cười gằn :

— Hừ..., nó bảo mày thế ư ?

— Phải, anh ấy bảo tôi thế. Anh ấy bảo mụ là quân khát máu, mụ đã cả gan giết lão Bạch Bá và bị bảy năm cấm cố...

Hồng-Liên hết sức phun nọc rân và nàng đã cất tiếng cười ròn rã khi thấy người đàn bà khốn nạn hầu như muốn ngã gục xuống vì tủi hổ, vì đắng cay..., vì căm hờn đứa con bất hiếu.

Rồi nàng nói tiếp :

— Bây giờ thì hẳn mụ nên lấy làm kiêu hãnh khi thấy tôi không từ chối việc kết duyên với con trai mụ ?

Dứt lời, nàng đẩy mụ ra và thoăn thoắt bước lên cầu thang.

Nhưng, niềm đau khổ bỗng tiêu tan để nhường chỗ cho lòng tự ái, mụ Cát-Sỹ-Lạc bỗng tỉnh hẳn người như vừa ra khỏi một cơn ác mộng. Cất tiếng gầm man dại, mụ lao mình đuổi theo Hồng Liên, nắm chặt hai vai nàng mà lôi xuống.

Do bản năng tự vệ sai khiến, Hồng-Liên quay lại đánh tát túi bụi vào mặt mụ.



Tức thì, mụ rút ngay con dao nhọn dấu trong ngực áo ra rồi... tiếp theo một câu nguyên rửa, đâm thẳng vào họng nàng.

Hồng-Liên gào lên :

— Mẹ ơi !... nó giết con !

Đoạn nàng ngã lăn dưới cầu thang và rẩy rửa trên vũng máu đào lênh láng.

Nghे tiếng kêu cứu đầy tuyệt vọng, các cửa phòng đều bật mở. Mọi người chạy xô cả ra và khi thấy tấn thảm kịch diễn ra liền hò nhau đuổi bắt hung thủ. Nhưng, mụ thản nhiên đứng tựa lưng vào tường, gươm dao giữ thế thủ với một bộ điệu hung dữ khiến không ai dám đến gần.

Trong giây lát, ngoài sân đã chật ních những người. Chợt mụ Phi-La chạy ra phía bao lơn kêu la rầm rĩ khiến mọi người ngẩng nhìn lên. Nhân cơ hội ấy, mụ Cát-Sỹ-Lạc liền cầm cổ chạy thẳng một mạch về phòng mình và khóa chặt cửa lại.

Mụ Phi-La nhào xuống ôm xác con khóc thảm thiết : không một ai có thể lôi mụ ra được.

Một cảnh vô cùng huyền ảo hiện ra : người đi gọi thầy thuốc, kẻ đi báo nhà chức trách và đám người tò mò kéo đến đông nghịt cả ngoài cổng.

Khi cảnh sát tới, họ xúm vào thuật lại tấn thảm kịch vừa qua và chỉ chỗ hung phạm ẩn náu.

Sau một hồi phá cửa, họ đã vào được phòng và trở ra với mụ Cát-Sỹ-Lạc hai tay bị khóa chặt.

Bọn người ở ngoài sân lăn sả vào mụ ; họ không ngớt lời nguyên rửa và chỉ hăm hè muốn túm lấy mụ mà đánh cho hả giận. Nhưng, cảnh sát đã dùng uy lực cản họ lại để giải vây cho mụ.

Mụ Cát-Sỹ-Lạc ngang nhiên nhìn họ bằng cặp mắt đầy khinh bỉ và chẳng buồn đáp lại những lời nguyên rửa của mọi người.

Cặp mắt mụ ánh ngời vẻ kiêu căng vì đắc thắng.

Khi bị dắt ra sân qua chỗ thì hài của người xấu số, mụ lễ phép hỏi viên thầy thuốc :

— Nó đã chết rồi ư, thưa bác sĩ ?

— Phải, nó chết rồi.

Nở một nụ cười thỏa mãn trên đôi môi khô héo, mụ kính cẩn làm dấu thánh giá, miệng lầm nhảm :

— Tôi xin đội ơn Thượng Đế ! Và xin Người che chở cho đứa con yêu dấu của tôi.

TƯỜNG LINH

Không lời



*V*ì ngại em sầu biệt ly
Nên giờ ra đi tôi không từ giả
Mai về xứ lạ
Hoa bướm ngày xưa gửi lại hay mang theo ?

Nên khóc hay cười đây em
Khi lòng sầu chảy ngang đôi tim
Khi chuyện-hôm-qua trở thành kỷ niệm
Ngang trái đời hoa lạc hướng trông tìm.

Tôi buồn hay vui
Đêm nay mới biết
Trên con tàu xuyên sương
Nghìn người đi có một người đơn chiếc.

Không nói cùng ai vì không muốn nói
 Tôi là giong sông vạn thuở căm lời
 Tôi chỉ xin một bàn tay vẫy
 Để có lần tôi được khóc : em ơi !

Hãy cho tôi
 — dù chỉ là giả tạo
 Như lời kinh thổ thê với linh hồn :
 Sẽ lên thiên đường, sẽ về cõi phúc —
 Tôi chưa cần, cho tôi chiếc hoa hôn.

Hãy cho tôi những gì tôi đòi hỏi
 Từ thuở biết yêu nhưng chưa dám nói
 Lát nữa ra đi
 Còn chút thời gian, năn nỉ được gì !

Người ta sợ khơi tro tàn quá khứ
 Vì người ta đã « đốt » quá nhiều
 Còn tôi : cũng nhận phần tro lạnh
 Mà lửa tình đâu được « cháy » bao nhiêu ?

Mai về xứ lạ
 Chẳng biết rồi tôi sẽ nhớ sao đây
 Nhưng chắc lòng đau khi mùa thu trút lá,
 Khi lưng trời cánh nhạn khuất trong mây.

SƠN NAM

Nụ cười nàng Công Chúa

SÁNG nay, Sĩ mặc bộ quần áo sạch sẽ do Hảo cho mượn. Hảo còn rủ anh vào quán cà phê ở ngã tư, thết một tiệc chiều tâm khá đầy đủ rồi căn dặn :

— Sĩ à... ráng mà dạy học. Đạo này, tìm chỗ dạy kèm trẻ tư gia nào phải chuyện dễ. Nhập gia tùy tục ; ông đốc phủ Tạc đã hồi hưu khó tánh vì sống cô độc với mớ đồ cổ tích và đám con niêng của bà vợ nhỏ mà ông đã ly dị. Mấy đứa đó rần mắt lắm, vì vậy nhiều thầy giáo đã chịu thua...

Sĩ bước ra khỏi quán cà phê, mặt dầu dàu. Hôm qua, anh đã lên trình diện với ông đốc phủ, ra mắt hai cậu học trò : bé Hai và bé Ba. Hai cậu ấy gọi anh bằng ông đốc học — theo kiểu thân mật, hài hước — trình cho anh xem mấy tập vở đã sút chỉ, rách bìa. Ông đốc phủ bắt tay anh rồi lật đặt lên xe xích lô để giải quyết việc riêng. Suốt buổi, hai đứa bé cứ chạy đằng xóm đùa giỡn ; đến trưa, anh từ giã bà nấu bếp rồi lui thủi về nhà.

Vì là bạn đồng hương, Sĩ nói thành thật với Hảo :

— Cám ơn anh giúp tôi, nhưng tôi ngại... làm ăn không bền.

Hảo trấn an người bạn :

— Đỡ tháng nào hay tháng nấy, còn hơn nằm nhà. Về tiền dạy, thủng thẳng tôi lo liệu nói với ông, không nên nói sớm quá vì ông chưa hiểu khả năng của anh. Ông là bác ruột của tôi mà.

— Nhưng tại sao anh không tiếp tục dạy chúng nó ?

— Tôi nhường cho anh vì hiện nay tôi sắp đi tìm việc ở đồn điền cao su. Dạy học nhàm lắm, nhứt là chỗ bà con thân... Kia, dường như « ô-tô buýt » đã tới, chậ quá. Đây, cầm vài đồng để làm lộ phí trong tuần này.

Sĩ nhận số tiền mọn của bạn một cách tự nhiên ; mắt anh hướng về chiếc xe đang chạy rề rề đến. Hảo trao thêm cho bạn hai điều thuốc rồi mỉm cười :

— Xe chậ vì đang giờ làm việc của các sở. Ráng mà đeo theo người lên xe trước, họ có chỗ ngồi lót nệm ; mình đến sau, đeo trên bàn đạp cũng được vì ta sẽ... tới bờ tới bến như thiên hạ. Đời là vậy, khổ cho thân phận của những ai đeo huyệt bàn

đạp, tới ngày lúi thủi... Sĩ chạ vào đám đông, nín cánh cửa ra, nói với lại :

— Thôi, anh về đi.

— Được rồi, gởi lời thăm tất cả. Có dì Năm nấu bếp trên ấy, tôi nhắc tới bà. Bà tử tế lắm...

Chiếc xe « buýt vàng » mở máy tiến thẳng lại cửa Bắc chợ Bến Thành, đảo ' một vòng rồi chỉ mũi ngay về đường Huyền Trân Công Chúa. Sĩ rút điều thuốc, ngậm vào miệng để lấy hơi cho đỡ ghiền chớ anh không dốt, e gây bức bối người bên cạnh. Có người ở Saigon cả chục năm nhưng chưa từng ngồi thử trên chiếc xe này : kiểu xe « Đờ La Hây » ngày xưa o bế lại, máy nổ rầm rầm, mùi khói của xăng nhớt bốc lên làm nhưc đầu kẻ đi xe. Xe chở chừng hơn hai chục người ; ai muốn xuống cứ la lớn cho tài xế nghe, ai muốn lên cứ đưa tay ra dấu vì xe ngừng bất cứ đâu, chẳng cần trạm. Nó gọt hình ảnh mấy chiếc xe dò đi từ tỉnh đến mấy chợ quận, hồi năm xưa. Sĩ nao nao tắc dạ : ở đây, anh vẫn lướt tiếc những ngày trầm lặng nơi đồng quê. Hồi đó, thỉnh thoảng anh ra ruộng bắt cá, đời sống thiếu tiện nghi nhưng tâm trí

thảnh thơi. Bây giờ tùy thênh thang đường cái, đi giày trên đất khô nhưng bộ óc của anh phải làm việc không ngừng lo đối phó với những vấn đề dầu lớn dầu nhỏ, dầu hữu lý hoặc vô lý xảy ra trong đôi phút sắp tới... Qua những biệt thự đồ sộ đang trụ hình giữa vùng cây to bóng mát, xe bỗng mở máy chạy nhanh. Chân trời hé ra trông trải quá. Cầu « Ây-Dô-Đờ-Quet » nước lấp lánh, uốn quanh. Rau muống xanh tươi bò lan, phủ quá bãi sông ; người hái rau ngồi trên chiến tam bản cũ kỹ. Ở đây, màu nước mát lạnh, giống như sông rạch đồng quê. Không dám quan sát kỹ sợ gợi nỗi nhớ nhà, Sĩ vẫn chú ý : lộ lộ sát chân cầu, một cây bần, một cây bình bát tuy èo uột nhưng đơm bông trái. Trên mồm đất bồi, giây ô rô, giây cóc kèn, lá mái dầm bao phủ xung quanh một bụi rậm, giống như cảnh trước mặt và sau hè của nhà anh, ở miền duyên hải vịnh Xiêm-la, tuy gần gũi nhưng xa vời...



HAI lần một là hai. Hai lần hai là bốn. Hai lần ba là sáu...

Bé Hai và bé Ba đọc chưa dứt bài cửu chương bỗng nhiên trở mắt nhìn Sĩ :

— Ông đốc ời ! Ba tôi kêu ông kia !

Sĩ giật mình day lại. Ông đốc phủ Tạc nghiêng mình ra cửa sổ, từ phòng khách, gờ cặp mục kính, rồi vẫy tay :

— Chú giáo lên đây nói chuyện chơi.

Sĩ sắp xếp mớ tập vở, đặt cây thước cho ngay ngắn, dạ phập phồng đoán chừng ông đốc phủ đã chú ý cách dạy học của anh tự nấy giờ. Nhưng ông đốc phủ nói nhanh :

— Mặc kệ... chú cứ đề đề tựa nó giỡn chơi một hồi. Mình nói với nhau chơi.

Vào phòng khách, Sĩ rón rén chấp tay :

— Thưa ông...

— Em ngồi ghế, tự nhiên, như người trong gia đình.

Niềm thân mật quá trớn ấy khiến Sĩ ngơ ngác. Ngày hôm qua, ông đốc phủ xem anh như kẻ sa cơ thất thế cần an ủi : « Ở đây nào thiếu người dạy trẻ tư gia nhưng nề tình thẳng Hảo

giới thiệu, tôi đề chú dạy thử, nếu vừa ý tôi thì tôi sẽ... bằng không thì... »

Ông đốc phủ cầm cây bút chì đỏ, tiến đến tấm bản đồ trên vách :

— Em lại đây... Theo lời của bà Năm nấu bếp, theo lời của thằng Hảo thì em đã từng sống nhiều năm ở làng Sóc Sơn. Bác quên lửng... Tình cớ xem bản đồ thì rõ ràng em ở gần núi Ba-thê, đúng vậy chăng ?

Nghĩ mình là người lương thiện, Sĩ đáp thành thật :

— Dạ, nhà cha mẹ cháu xưa kia ở làng Sóc Sơn tỉnh Rạch-giá, ngặt làng đó quá rộng nên cháu chưa rành núi Ba-thê, cách nhà cháu chừng 15 cây số.

— Được lắm. Em hãy an lòng, tới lui bàn bạc với bác để góp công vào việc tìm hiểu... lịch sử tiến hóa nhân loại, bao quát cả phương Đông và phương Tây.

— Dạ, cháu nghĩ mình kém cỏi, văn chương chữ nghĩa không bao nhiêu, chuyện trong làng xóm còn chưa rành...

— Em chưa hiểu rõ ý của bác. Vào đây, em đi theo bác, xem nơi làm việc...

Cửa phòng mở nhẹ, bên trong bóng tối bao trùm. Chân của Sĩ thấm lạnh, anh từ từ cởi giày, làm ô-uế và gây tiếng động trong một thế giới dường như kín mít, bí hiểm.

Đèn điện bật sáng. Bên ngoài, bé Hai, bé Ba reo to :

— Ba ở trong đó hả ba ? Cho con vô chơi với...

Ông phủ quát :

— Đứng lại gần. Đứng đá banh, làm bẽ cửa kiếng.

Một đứa trả lời :

— Sáng nay con nghỉ học luôn nghe ba ?

— Ba cho phép rồi đó. Nhưng các con nên đi chơi xa, thật xa.

Dứt lời, ông đốc phủ từ từ hé cánh cửa sỏ, mở toang hẳn, rồi trở lại vặn đèn tắt. Hàng chục kiêu lục bình, tô chén tử căn choán bốn góc phòng. Ông nói như đề tự giải thích :

— Các món đồ ngoạn này chỉ đẹp dưới ánh sáng mặt trời hoặc ngọn đèn sáp. Khi người thợ từ bao thế kỷ sờ tay vào đất sét, nắn nót, vẽ tranh, tô màu, đưa tác phẩm vào lò nung, họ dùng đôi mắt và ánh sáng mặt trời. Tác phẩm hoàn thành lại chừng

bày trong dinh cửa quan, phủ chúa hoặc hoàng cung, những tòa nhà luôn luôn có đốt nến vì ánh sáng từ bề bị chặn lại bởi bao lớp cửa, hoành phi, tối om đầu là khi trời quang đãng... Tuy nhiên, ở nước mình, bao cổ vật này chưa quý giá bằng vài di tích ở miền Hậu Giang của em...



Bao nhiêu vui thú lằng lằng trong lòng Sĩ như ghen tât... Anh nghi ngờ : ông đốc phủ đã tăng bốc anh đến quá mức, với một dụng ý. Miền Hậu Giang đã sản xuất những gì quý giá hơn các loại lục bình muôn màu sắc này ? Phần đất ấy là của tổ quốc chứ nào phải của riêng Sĩ.

Anh ngập ngừng :

— Dạ thưa bác, xứ nước mặn đồng chua, dân ở đó chỉ biết nhổ bàng, dệt chiếu, nắn nôi

đất... Từ hồi nào đến giờ, cháu chưa thấy ai nắn chén kiêu hoặc dệt tơ lụa.

— Em lại đây xem, và nhớ đừng thuật lại với một người thứ hai. Chiếc cà-rá vàng, nhận hột chai màu xanh, chứa ẩn nhiều bí mật về cổ sử. Cháu sẽ thấy.

Sau khi đóng cửa sổ, ông đốc phủ vặn đèn điện rồi khép luôn cánh cửa ăn thông qua phòng khách. Xem xong chiếc cà-rá bằng vàng, Sĩ trả lời, bình thân :

— Dạ, cháu hiểu rồi. Dưới hột chai màu xanh có hình một cô vũ nữ ăn mặc kiểu Ấn-độ đang múa tay...

Gật đầu đắc ý, ông hỏi :

— Em trị giá nó chừng bao nhiêu ?

— Dạ, hơn một chỉ vàng.

Ông cười giòn, lập tức đưa tay tới giựt lại chiếc cà rá từ tay Sĩ :

— Vô giá. Từ một ngàn rưởi năm rồi. Trước khi Cao Biền qua xây thành Đại-la, dẹp quân Nam Chiếu...

— Bác tìm ở đâu ?

— Ở gò Ốc-Eo, tại chân núi Ba Thê. Hồi đó, bác nghe tin họ bòn được vàng của vua chúa

nhưng bác nào dè các đồ trang sức ấy quá xưa, khiến các nhà khảo cổ ngạc nhiên ! Chiếc cà rá này đánh dấu sự gặp gỡ giữa văn hóa Ấn-độ và văn hóa của thổ dân thời ấy. Bây giờ, với tư cách là người ở gần núi Ba Thê, cháu nên ôn trí nhớ, tìm cách cứu vớt tài liệu văn hóa.

Lại chuyện đi săn vàng chăng ? Sĩ lâm bẩm : Nếu mình cương quyết từ chối, biết đâu ông bất mãn, tìm người khác để dạy hai đứa trẻ. Vùng núi Ba Thê, anh chỉ nhớ mang máng : khi tạnh mưa từ xóm Sóc Xoài, làng Sóc Sơn dãy đồi ấy hiện rõ rệt tận chân trời phía Đông, giữa vùng đất thấp, một miền biển tuy đã bồi nhưng chắc còn dơi nhiều thế kỷ lắm mới hóa hẳn thành ruộng dâu. Mùa nắng, chân núi Ba Thê khô ráo, từng đoàn người từ xóm Sóc Xoài đến để bắt cá, lủ cá mất kẹt lại trong vô số vũng bèo lầy lội, đầy lau sậy, cây mốp. Kho tàng của vua chúa chắc đã bị đào xới từ lâu... Đạo nọ, đầu vào năm 1940, người em chú bác của anh đến đó tranh giành, nghe đâu tìm gặp một cái mào bằng vàng ròng, cân nặng hơn kí-lô. Kỳ dư, đại đa số những người trong xóm đều thất vọng, trở về với mớ chuồng

bằng hồ phách hoặc mớ tô chầu bằng đất quá xấu xí...

— Em nhớ kỹ lại ~~lưu~~ bác, đây là vấn đề lịch sử quan trọng, mình cần nhiều tài liệu. Bác nào nài tốn kém, bắt tay vào việc.

Giật mình, Sĩ liên tưởng đến việc mà ông đốc phủ dám thực hiện lập tức : trao một số tiền lộ phí để anh về núi Ba Thê dò xét hòng mua lại với giá thật đắt các đồ nữ trang còn sót lại, của số người bà con quen thuộc đã từng săn vàng. Chấn chấn, anh sẽ làm phụ lòng ông vì chuyện xảy ra từ hai mươi năm rồi, vùng Ba Thê đâu thấy mọc lên nhà triệu phú nào, đa số thợ săn vàng đã tản cư ra tỉnh thành từ hồi 1945, anh biết chắc một người hiện đang chạy xe lôi trên đường Núi Sam - Châu Đốc, bữa rau bữa cháo.

— Dạ thưa bác, cháu còn nhỏ tuổi...

Ông đốc phủ ngạc nhiên :

— Em như người trong gia đình. Việc mua bán, tiền bạc do bác đảm nhiệm, em chỉ đóng vai trò người dẫn đường vậy thôi.

— Năm đó, cháu mới 15 tuổi thưa bác. Từ Saigon đến núi Ba

Thê, xa xuôi quá, sợ khó khâu kết quả như bác mong ước. Để cháu nhớ lại... Ở gò Ốc-Eo, chân núi Ba Thê, mãi 3, 4 năm sau, 1944-45 thì phải, người Pháp mới hay biết việc đào xới kho tàng. Họ tới đó, tuyên bố rằng kho tàng Ốc-Eo thuộc về nhà nước Pháp. Bao nhiêu dân địa phương chỉ làm cu-li, số vàng bòn được phải nộp cho ông Tây chỉ huy, bằng không thì ở tù. Nhưng trời bất dung gian đảng, vài tháng sau, Nhựt Bồn kéo

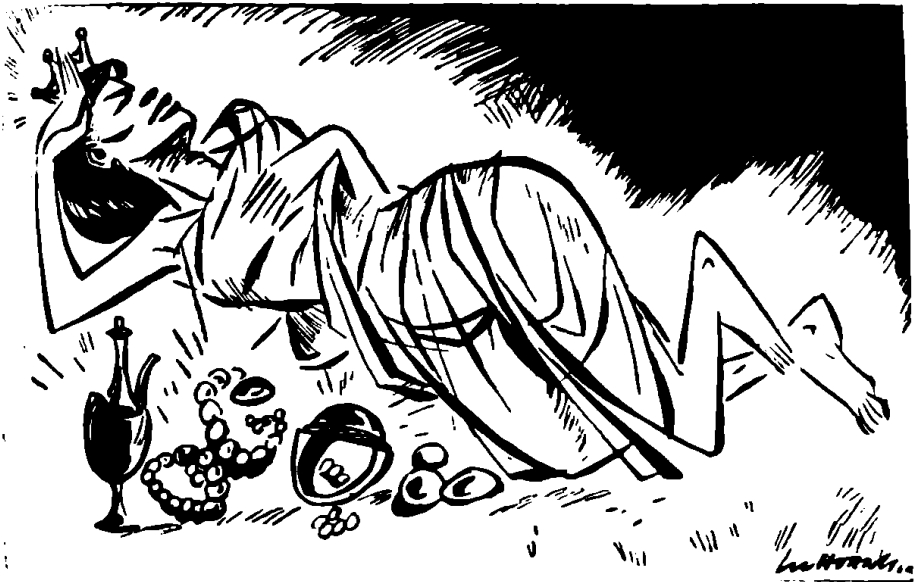
chấn Sĩ còn tiết lộ thêm, nếu ông khéo gợi hứng.

Cả hai người trở ra phòng khách. Ông mở tủ lạnh, đích thân đem ra hai ly nước mát, mời Sĩ :

— Em uống cho thấm giọng.

Sĩ ái ngại, liếc lên vách, xem giờ...

— Ờm vững bụng. Trưa nay, em ăn cơm ở đây luôn thê. Bây giờ, em hãy quan sát tấm bản đồ với bác.



bình chưa tới, ông Tây rút lui trước.

Nghe câu chuyện của Sĩ, ông đốc phủ hài lòng. Rõ ràng Sĩ biết khá nhiều chi tiết về chuyện bòn vàng ở Hậu Giang và chắc

— Dạ, bản đồ thiếu nhiều chi tiết.

Ông đốc phủ đứng dậy, mở ngăn tủ, đem ra một quyển sách khổ lớn, lật ra.

— Đây, gò Cây Thị và các gò lân cận. Chắc hẳn còn vài gò nong mà người Pháp chưa khám phá kịp như lời em thuật khi nãy... Em nhìn kỹ : phía Tây Nam, cách gò Cây Thị chừng vài trăm thước có ngôi mộ huyền bí của nàng công chúa, đã bị đào xới.

Rồi ông nói khẽ :

— Chiếc cà rá của bác ở ngôi mộ đó, vì vậy người ta đồn nó có ma quỉ đi theo...

Sĩ sực nhớ tới giai thoại về ngôi mộ nàng công chúa do đồng bào ở xóm Sóc Xoài thuật lại.

— Thừa bác, một đứa bé tìm ra ngôi mộ ấy. Đứa bé đi theo cha mẹ tìm vàng. Đến quá trưa, nó nhảy xuống lung mà tắm rồi phát nóng lạnh, sãng sốt như lên đồng. Cha mẹ biết rằng đó là điềm thần linh mách bảo nên lật đặt mua nhang, mua đèn về cầu khấn... Đồng nhi bèn thết to, chạy một mạch đến gò nong, hai tay cào cẩu đến sút móng, chày máu xối xả. Thế là ngôi cổ mộ bị phát giác...

Đôi mắt của ông đốc phủ sáng quắc lên vì Sĩ đã kể đúng những điều mà ông nghe bà Năm nấu bếp thuật lại, chắc hẳn Sĩ và

bà Năm mới gặp nhau lần đầu, tại đây, bằng cớ là hồi sáng hôm qua họ nhìn nhau quá ngỡ ngàng. Tự nhiên, ông đốc phủ thay đổi cách xưng hô, gọi Sĩ bằng cháu thay vì gọi bằng em như nãy giờ.

— Cháu biết trong ngôi mộ ấy còn gì lạ không ?

— Dạ, cháu nghe nói sơ qua nhưng chắc là chuyện huyền hoặc...

— Khoa học ngày nay đã nhìn nhận và đã giải thích những điều gọi là huyền hoặc, thần bí...

— Dạ... nghe đâu hồi mới quật mộ, người đứng chung quanh rú lên, run cầm cập... Bà công chúa mặc áo nhung xanh, đầu đội kim khôi, còn hiển hiện, mắt nhắm lại nhưng miệng hé cười tươi, trong phút giây, trước khi tan rã. Đường như bà công chúa đeo cà rá và trong miệng ngậm một hột ngọc lớn cỡ trái chùm ruột. Hột ngọc và mấy bộ cà rá bị cướp giật, luôn cả cái kim khôi. Mấy người săn vàng bất chấp oai lực báo oán của thần thánh, họ tiếp tục đào xới vùng chung quanh mộ nhưng đành thất vọng...

— Tại sao vậy ?

— Vì họ chỉ gặp một chiếc thuyền mục nát, giống kiệu ghe đua...

Ông đốc phủ gài hai vai của Sĩ :

— Thật vậy không ? Từ ba năm qua, tuy ngồi tại đây nhưng bác đặt giả thuyết đúng như lời cháu thuật lại. Xưa kia, hồi 15 thế kỷ trước, vịnh Xiêm-la ăn liền đến sông Hậu Giang. Chiếc kim khôi của nàng công chúa đã được người Pháp mua, hình dáng kiệu mào thần thánh bên Ba-tư. Nụ cười của nàng công chúa là có thật, hiền hiện chớ nào phải ảo tưởng. Người Ba-tư từng thông hiểu với Ai-cập nên rành về thuật ướp xác... Và chiếc ghe mục nát chứng minh rất hùng biện một cỗ tục về đảo vô cầu phong.

Sĩ há mồm, ngờ ngác trong chuyến du lịch quá xa xuôi, ngược không gian mà anh là người đồng hành bất đắc dĩ với ông đốc phủ.

Ông vỗ về để trấn tĩnh :

— Cháu hồ nghi lời của bác sao ? Thời xưa, các thương gia Ả-rập, Ba-tư, Ấn-độ đến tấp nập tại chân núi Ba Thê để mua bán với vua chúa. Nàng công chúa

nọ từ ngoại quốc đến định cư, hoặc nàng là người bản xứ nhưng chịu ảnh hưởng phong tục nước ngoài. Người ta chôn ở đây để nàng trở thành nữ thần chứng giám các buổi lễ đua ghe, cầu mưa thuận gió hòa... Và chiếc cà rá của bác cho cháu xem hồi nãy đã thốt lên ý nghĩa đó với người đời sau, với những ai biết lắng nghe tiếng nói của sự tĩnh mịch...

Đầu óc của Sĩ đã bấn loạn càng bấn loạn thêm. Anh nghĩ đến sanh kế. Sáng nay, ngồi đây nghe ông đốc phủ bàn tán về núi Ba Thê, tuy ở không, miễn dạy học nhưng anh vẫn được trả tiền ! Điều quan trọng là viễn ảnh của việc dạy kèm trẻ tư gia : ông sẽ thu dụng anh bao lâu nữa ? Mỗi tháng trả dứt khoát bao nhiêu bạc ? Một cử chỉ hơi hên, một lời nói bất cẩn của anh rất có thể gây bất mãn cho ông trong lúc này. Anh tự nhủ : « Lời nói là bạc, im lặng là vàng... Nãy giờ mình nói hơi nhiều... »

Ông đốc phủ đi tới lui, gật đầu rồi nghiêm mặt :

— Cháu cư ngụ tại vùng Sóc Sơn từ hồi mấy tuổi đến mấy tuổi ? Cháu viếng núi Ba Thê

bao nhiêu lần ? Sông rạch, tên các xóm làng lân cận có gì đáng chú ý chẳng ? Nhứt định ngày nay còn nhiều bằng cứ xác nhận rằng chung quanh năm mồ nàng công chúa. gần chiếc cà rá cổ kính của bác, xưa kia người địa phương thường bày cuộc lễ đua ghe, đảo võ cầu phong...

Cảm thấy mình khó bề giữ thái độ im lặng, Sĩ cau mày, vận dụng tất cả trí thông minh toan bịa ra một bằng cứ hữu lý để làm hài lòng ông đốc phủ và cũng là để bảo vệ nỗi cợn của mình. Anh lẩm bẫm :

— Dạ thưa bác, thí dụ xác chiếc ghe đã mục nát, như bao nhiêu lung, bào, rạch nhỏ ẩn hiện ở giữa ruộng, đầy cá tôm, lau sậy, cây tràm...

Về mặt ông đốc phủ chưa hẳn vui. Tuy nhiên, ông vỗ nhẹ vào vai Sĩ :

— Cám ơn cháu. Ta còn gặp nhau bàn bạc nhiều lần, hằng ngày ý nghĩa chiếc cà rá và nụ cười trên xác ướp nàng công chúa đã gây phấn khởi cho cuộc đời cô độc của bác, lúc hồi hưu. Thôi, bây giờ bác đọc sách. Cháu xem qua tập vở của bé Hai, bé Ba rồi cả thầy trò cùng

nghĩ giải trí, hoặc nghĩ luôn vì đường như đã mười giờ trưa rồi. Cháu hãy tự tiện...



Sĩ nhìn đồng hồ : 9 giờ 45 phút. Tuy hơi mệt vì cuộc điều tra thân ái nọ, anh thấy chưa đủ lý do để về nhà.

Gặp Sĩ trở xuống hành lang nhà, bé Hai, bé Ba chạy lại, reo to :

— Tụi tôi nghĩ học luôn nghe ông đốc ?

Sĩ trừng mắt, nói gắt với đứa lớn nhứt :

— Còn vài phút nữa. Học ôn cũ chương bài 2 cho xong đi cháu.

Nó day qua bé Ba :

— Ông kêu tao bằng cháu, mày ời !

Bé Ba gãi đầu :

— Phải đa ! Ông nói tụi mình là « cháo », cháo gà cháo vịt nấu cho ông ăn.

Sĩ nhíp thước lên bàn :

— Đừng nói bậy... Học đi, mấy cháu đừng giỡn, đừng gãi đầu...

Bé Hai lập tức đưa tay lên gãi đầu, gãi tai như con khỉ :

— Gãi đầu, gãi tai, xỏ bông liền, không ăn tiền.

Bé Ba nắm tay Sĩ :

— Ông đốc biết nó nói gì không ? Nó nhái giọng bà xầm mỗi bữa đi ngang qua đây xỏ lỗ tai, đeo bông cho mấy đứa con gái... Đánh nó đi ông !

Mãi phân vân chưa biết lập lại trật tự bằng cách nào, Sĩ chợt nghe đồng hồ điểm 10 tiếng

Bà cúi đầu chào trước :

— Thưa thầy, hồi hôm qua nghe nói thầy tới đây dạy. Chú Hảo là bạn của tôi...

Sĩ đáp :

— Dạ, mới bắt đầu bữa nay, anh Hảo gọi lời thăm di.

— Có thầy, thêm vui cho tôi. Mấy đứa nhỏ rần mắt quá đỗi. Đâu... bé Hai, bé Ba ráng học nghe. Ủa ! Coi kia...

Bé Hai đã lanh tay chụp lấy chùm nho tươi trong rổ rồi ngựa



thong thả. Hai đứa bé bỗng đập ghế, chạy đồ xô ra cổng :

— Bà Năm về, đi chợ mua đồ ăn về, về thì về...

mặt, há miệng đón từng trái :

— Bà Năm coi tôi ăn như vậy vui không ?

Bà lắc đầu :

— Vui... mà đừng giống hớt.

— Giống mới bỏ khỏe chứ !

Bé Ba giựt chùm nho :

— Giống mới tốt chứ.

Day qua Sĩ, bà phân trần :

— Mấy đứa này thiệt, sao không xin phép thầy giáo rồi hầy ăn. Người ta nói : Muốn sang thì bắt cầu kiều, muốn cho hay chữ phải yêu mến thầy...

Hai đứa đồng thanh là lên :

— Tôi không thèm bắt cầu kiều đó ! Tôi không thèm yêu mến thầy đó !...

Trong khi chờ đợi chúng ăn xong chùm nho, Sĩ ngồi hút thuốc, nhìn lơ đãng các thức ăn trong rổ. Sau khi đặt thịt bò, rau cải lên bộ ván, bà Năm cẩn thận nâng lên một gói nhỏ, dường như bên trong đầy nước :

— Nè thầy giáo, đưa bông diên điển, món ăn ngon nhưt miệt tôi, gói bằng lá sen tươi. Tôi mua riêng để chấm mắm chó ông chủ nhà thì chưa biết ăn...

Sĩ hỏi nhanh :

— Dì quê quán ở đâu ?

— Ở núi Ba Thê. Nhờ vậy mà tôi nấu ăn ở đây thiệt là bền, từ 4 năm rồi.

Rồi bà nói khẽ :

— Tài nấu ăn của tôi thua thiên hạ, chưa rành « bít tết », « la gu » gì ráo. Từ lúc tỉnh lên, tôi đi thơ thẩn kiếm chỗ ở mướn. Tới đây, ông hỏi han quê quán rồi đồng ý mướn tôi liền. Buổi ban đầu, tôi khỏi nấu ăn, suốt mấy ngày liên tiếp, ông hỏi tôi nào là gò Óc-Eo, núi Ba Thê, chuyện ma quỷ giữ kho vàng rồi khoe chiếc cà rá của bà công chúa — ở bên Tây bên U gì đó — xiêu lạc tới xứ tôi hồi cả ngàn năm nay.

Bấy giờ Sĩ mới hiểu cái tâm bệnh của ông đốc phủ hưu trí. Anh nói nhanh, đề gợi ý bà Năm, hy vọng bà sẽ truyền cho anh vài kinh nghiệm về mặt xử thế để khỏi làm mất lòng gia chủ :

— Dạ, từ hồi sáng tới giờ, ông hỏi tôi về núi Ba Thê, tôi nói sơ sài...

— Coi bộ ông vừa ý không ?

— Dạ, ông mừng gì gặp tôi... Tôi ráng hết sức nhưng chưa biết về lâu về dài tánh ý của ông như thế nào.

— Cậu Hảo là chỗ bà con, vậy mà rốt cuộc chịu ông không nổi nên xin thôi. Còn phận tôi,

tội nghiệp, ông đuổi người nấu ăn trước để tôi thay thế ; Người trước chỉ mang tội ít ăn ít nói, đốt chuyen núi Ba Thê.

— Tôi ngại quá, dì à. Ông hỏi tôi về cảnh vật xung quanh mà bà công chúa, tôi nói phổng chừng... Mai chiều, nhứt định ông hỏi tôi ít nhứt là vài lần nữa...

— Hơi đâu thầy lo ! gần núi có ruộng, xa xa có lung đầy lau sậy, cây mốp, cây trầm.

— Dạ, tôi kể cho ông nghe như vậy rồi.

— Thì còn cây điên điên, bông điên điên màu vàng để làm dưa chua. Dưa điên điên hơi nẩy đó.

— Dạ... để làm than, trộn với diêm, với sanh thành ra thuốc súng, ủa, thuốc pháo. Hình dáng cây điên điên tôi biết sơ qua rồi...

Bà Năm như sức nhớ điều gì.

— Để coi... người ở vùng đó dùng bông điên điên xào mỡ heo, trứng vịt, nhậu với rượu ngon lắm. Đó là lời bợm nhậu thuật lại chớ tôi nào biết nhậu...

Lưng quần của Sĩ như bị ai giật ngược ; anh day lại thấy bé

Hai và bé Ba đang rình buộc vào giây nịt anh một sợi giây dài lòng thòng...

— Ông đốc ơi ! Ba tôi kêu ông kia.

Chúng nói đúng sự thật. Cửa sổ phòng khách hé mở, ông đốc phủ đưa tay làm dấu hiệu.

Anh đứng dậy, phập phồng. Biết đâu ông muốn cảnh cáo anh về tội đề lớp học hỗn loạn, tự tiện giao thiệp với bà Năm, nói xấu chủ nhà. Nhưng ông gật đầu :

— À, cháu ngồi đây. Nãy giờ, cháu tìm thêm tài liệu nào chưa ? Bà nấu bếp tuy ở tại chân núi Ba Thê nhưng chỉ lo bếp núc, hời thuở bòn vàng. Với trình độ khoa học hấp thụ tại trường, dầu sao đi nữa cháu cũng biết phương pháp làm việc tối thiểu của người khảo cứu. Vấn đề đặt ra, cháu còn nhớ ?

Lần này, Sĩ giữ được trầm tĩnh. Anh ung dung đi tới đi lui. Gợi đưa bông điên điên của dì Năm sẽ giúp anh rất nhiều uy thế trong cuộc đối thoại sắp tới.

— Thưa bác, cháu đang suy nghĩ về những cuộc đua ghe sôi nổi, từ ngàn xưa diễn ra chung quanh núi Ba Thê. Người ở địa

phương bây giờ còn một thực đơn đặc biệt, dành riêng cho gia đình khi cúng tế. Ấy là món bông điên điển xào trứng vịt, xào mỡ, nhậu rượu.

— À, bác thấy hình dáng cây điên điển rồi, loại cây tạp, cao chừng 3 thước, lớn bằng cườm tay, trồng rất dễ theo lối cắm nhánh, thường thường là mọc hoang... Qua mùa nước lụt, nhánh điên điển nhô khỏi mặt nước, lá xanh mỏng mịn như lá me, bông vàng tươi kết từng chùm buông thõng xuống... đẹp lắm. Qua các tiểu thuyết, thi ca của người Âu-châu ca ngợi vẻ đẹp miền nhiệt đới, bác lấy làm tiếc vì chưa từng thưởng thức đoạn văn, câu thơ nào bàn tới loài cây nên thơ ấy. Phải gặp thi sĩ Trung-hoa đời Đường, giống cây điên điển nhứt định đã bắt hủ qua tài nhả ngọc phun châu của Lý Đỗ, như cảnh liễu ở Vị Thành, ở bờ sông Dương-tử, phải không cháu ?

Nguồn cảm hứng mông lung của Sĩ gặp cơ hội thuận tiện để khơi lên. Anh quên mình là thầy giáo kèm trẻ tư gia... Muốn tô điểm cuộc đời quá nhàm, phải chăng con người cần thỉnh thoảng vượt khỏi khuôn khổ

ràng buộc thấp lè tè của thực tế khô khan, bịa ra những thế giới mới, đầy ảo ảnh... có thật. Ai dám bảo rằng giữa xế trưa mặt trời chẳng mát mẻ, dịu hiền như mặt trăng nếu không gian đầy gió lạnh, mưa phùn rơi lất phất? Tinh thần khoa học, những lời khuyên « đừng bao giờ nói dối », đều biến mất, bị đánh tạt ra khỏi phòng khách. Sĩ chống hai tay lên bàn, nói khi trầm khi bổng :

— Vùng lưu vực sông Mê-Nam, sông Cửu-Long khi nước dâng cao, cây điên điển vươn lên, giăng hàng triệu xâu chuỗi vàng lấp lánh. Ban đầu, thiên hạ hái bông về, xào chiên với trứng vịt nhưng lần lần họ thấy bông nọ mất vị ngọt, của đất trời, chỉ bằng lúc bình minh vừa xuất hiện mỗi người đem một cái hỏa lò, một cái chảo xuống chiếc thuyền độc mộc.

Đến lúc ông đốc phủ dừng bước đứng đối diện với Sĩ :

— Hữu lý ! Hữu lý ! Bơi xuống ra giữa cảnh biển hồ đầy bông điên điển, mấy cô thôn nữ đốt lửa, đồ mỡ, đập trứng vịt bỏ vào chảo... Mỡ sôi « xèo xèo », lòng đỏ và lòng trắng trứng vịt chảy loang, sắp quên lại. Tức thì những nàng tiên với tay, uốn

nhánh diên diên cho gục xuống như vòng cung ; chùm bông vàng tươi nghiêng yếu điệu vào chảo để tắm thêm chất béo bở. Rồi nàng bơi xuống lướt tới, nhúng tất cả bông ở cành khác vào chảo mỡ... Hàng trăm nàng tiên làm như vậy, hàng ngàn nàng tiên làm như thế đến trưa...

Sĩ cau mày, nghĩ ngợi :

— Đông đảo như vậy, thừa bác, cháu e rằng thôn xóm thời xưa rãi rác... xào chiên nhiều quá, ai ăn cho hết ?

Ông đốc phủ trợn mắt :

— Cháu quên rồi à ? Thời vua chúa, lễ cầu phong đảo võ tở chức linh đình trọng thể, huy động tất cả những tay đua giỏi nhứt, khắp tứ phương. Sau khi thắng cuộc, họ cứ đưa thuyền trở về vùng rừng bông diên diên, vói tay mà bứt ăn ngon lành mấy chùm bông tuy đã xào chín với trứng vịt nhưng hãy còn treo lủng lẳng trên cành tươi, dùng dừa sớt mặt nước, gấn chặt vào thân cây đầy nhựa đang chầm rế non từ đáy nước...

Sĩ hiểu đã đến lúc mình trở lại mức khôn ngoan của thực tế cơm áo :

— Dạ, thế là chiếc cà rá của bác nối liền với nguồn lịch sử xa xưa. Nàng công chúa hẳn giữ mãi nụ cười dưới lòng đất. Chiếc cà rá của nàng như phảng phất hương vị bông diên diên chung quanh núi Ba Thê, từ thuở vàng son nào.

Lưng quần của Sĩ bỗng nhiên bị giựt ngược. Anh chụp bàn tay tinh nghịch của bé Hai đang gở lại trò đùa khi nãy.

Nó nói :

— Nãy giờ ông đốc nói chuyện vui quá. Tới giờ ăn cơm rồi. Ông cho phép tụi tôi nghỉ học, nghe ông ?

Ông đốc phủ gắt :

— Đi ra ngoài... Hai con lén vào đây hồi nào ? Ăn cơm rồi đi ngủ đi.

Như sức nhớ điều gì, ông bước lại tủ lạnh, rót hai ly nước mát :

— À, nãy giờ ta quên mất không gian, thời gian... Cháu uống cho đã khát, Thật ra, chúng ta nào có nói gì đâu, Chúng ta chỉ lặp lại tiếng nói của một cổ vật quý báu...

— Dạ, cháu học được bao nhiêu chuyện mới lạ, nhờ bác.

— Còn lắm dịp khác. Hôm nay, bác no nê về tinh thần rồi. Nhưng mà bác quên... Cháu cầm lấy chút ít tiền làm lộ phí, bắt đầu ngày mai, cháu ăn cơm trưa ở đây. Lần lần, ta bàn về chương trình thám hiểm núi Ba Thê...

Nhận lấy tấm giấy năm chục đồng bỏ vào túi, Sĩ cáo từ, hợp thời hợp cảnh...

Anh rời phòng khách, đi nhanh theo hành lang... Di Năm chờ đón anh nãy giờ :

— Sao ? Ông vừa ý không thầy ? Nãy giờ tôi ngại quá, sợ thầy đói bụng, ông có tật quên ăn cơm trưa, ông đau bao tử, đau gan gì đó.

Sĩ cười tươi :

— Ông cho phép tôi ăn cơm trưa tại đây, mỗi ngày.

— Điều này chắc thầy dạy học ở đây bền.

— Dạ, chờ thủng thỉnh xem. Ông dời đi núi Ba Thê để ngắm nghĩa rừng bông điên điển với tôi.

Bà Năm gật gù :

— Hơi đau thầy ngại. Chắc chán ông... ở đây hoài vì tuổi già sức yếu, vì sợ chiếc cà rá bị trộm.

Sĩ phục thăm óc xét đoán của bà Năm. Anh nói khẽ :

— Ngày nào còn chiếc cà rá ấy, tất nhiên bà với tôi còn công ăn việc làm, bé Hai với bé Ba còn tha hồ « rấn mắt ». Thôi, ngày mai tôi trở lại.

— Thầy về bằng «ô-tô buýt» ?
Đi cở này thì họa may xe rộng, trễ lát nữa, chật lắm, mệt lắm.

Sĩ thọc tay vào túi, sờ tấm giấy năm mươi đồng một lần nữa. Anh đi lững thững, khoan khoái, nhớ đến lời căn dặn của Hảo hồi ban sáng. Bữa nay, anh đã tạo được một chỗ ngồi trên chiếc xe vòng quanh núi Ba Thê, chạy tròng không gian và thời gian, nhờ sức mạnh của nụ cười nàng công chúa bị ướp xác. Lo gì !

Xe ô-tô buýt ngừng tại bảng. Anh bước lên, đứng chen trên bàn đạp, tuy chật, nực nộ, nhưng anh cảm thấy khỏe khoắn :

— Nhờ chuyển xe thơ mộng kia mà mình mới đủ điều kiện đi trên chiếc xe thực tế này. Lát nữa, mình đãi Hảo bữa cơm trưa và mua tặng thêm một gói thuốc. Lần đầu tiên, mình mới biết mình là kẻ có tài.

Thủ-đo, 27-8-62

SƠN NAM

HOÀI KHANH

Mênh mang

*Hôm nay mưa nhỏ gợn sầu
Trong hoa lá bỗng lên màu trước xưa
Đã về hồn cũ đông đưa
Mắt nhìn năm ấy người chưa nói gì ?
Phố buồn lạnh dưới thành mi
Những người đi những người đi... xa rồi
Hỏi thành phố chết hay thôi ?
Vẫn ồn tiếng động vẫn cười với ai
Ngày xưa mây trắng có bay
Hôm nay mây trắng vẫn đầy trên cao
Đôi hàng cây vẫn lao xao
Đường thành phố vẫn ngọt ngào bước chân
Theo qua phố cũ tàn gần
Hồn xưa nghe vọng lên trần gian xa
Hỏi mùa, mùa đã đi qua
Hoa soan lối cũ chừ hoa vẫn nhiều
Phương trời mắt vẫn đắm chiều
Hoàng hôn vẫn nổi tiếng chiều lằng lằng
Bước đi chẳng dám vội vàng
Sợ e vô mất điệu đàn trước xưa*

*Chắc người còn nhớ nắng mưa ?
 Ta quên sao được ngày xưa với người
 Cùng nhau tiếng khóc câu cười
 Bao nhiêu nguyện ước đã rồi... hay sao ?*

..

*Ngày mai là vạn chuyển tàu
 Không gian rộng quá ai chào đón ta
 Nghĩ đời là một sân ga
 Thế nhân là những người qua mắt rồi
 Nên ta chẳng khóc vì người
 Dẫu xa xôi đầy nụ cười vẫn say
 Dù không tay chặt bàn tay
 Mắt long lanh mắt lời ngây ngất lời
 Nước non vẫn một mà thôi
 Ta đây người đó ngậm ngùi nỗi chi
 Đời là vạn bến chia ly
 Nếu không lệ có lên mi bao giờ.*

..

*Hôm nay mưa nhỏ lạnh trời
 Buồn xưa với tiếng xưa trôi đầy hồn
 Lòng ta là vạn hoàng hôn
 Nắng chia niềm nhớ đầu thôn cuối làng.*

..

*Nghĩa gì câu chuyện xa nhau
 Nghĩa gì đâu một con tàu ra đi
 Đời sinh ra để chia ly ?
 Ta sinh ra để làm chi hối lòng ?
 Vô cùng nỗi nhớ niềm mong
 Thì mang tim máu viết dòng yêu thương
 Xóa đi những nỗi đoạn trường
 Trước sau ta vẫn một buồn đơn côi
 Trăm luân mệnh mang đi rồi
 Ta vươn mình dậy cho đời reo vui.*

DOÃN QUỐC SỸ

Thần tượng

I

KÈ cũng là một sự ngẫu nhiên, Kha gặp lại Vân đã được ba ngày thì cũng từ ba ngày nay Diên qua lại nơi chàng ở luôn, cố tình khiêu khích. Kha cũng chẳng biết là Diên để ý tới Kha — có nghĩa là yêu Kha — tự lúc nào, ngày nào. Có lẽ tự ngày nàng còn ở cùng dãy với Kha. Phải, có một lần cách đây đã khá lâu nàng ôm đứa nhỏ gái ra đứng trước cửa đợi người đàn ông sắp từ Bắc Ninh về. Người quân nhân này đã viết thư báo cho nàng hay trước mà hôm đó trên đường Hà Nội Bắc Ninh có một xe trúng mìn.

Tự trên phố về, nhìn dáng nàng ôm con bồn chồn trước cửa, Kha động lòng trấn ần dừng lại hỏi chuyện mới hay nàng góa chồng được ngót hai năm nay. Chồng nàng xưa là một nhà buôn cũng tử nạn vì xe hàng trúng mìn trên quãng đường Phủ Lý Nam Định. Khi đó nàng vừa có mang được ba tháng, giờ đây đứa bé gái trên tay đã mười một tháng và nàng lại đã có mang với người tình mới — người quân nhân — để thường được bốn tháng rồi.

Lát sau tiếng Diên ríu rít ngoài cổng : « Anh đã về, em biết. Chuyến xe của anh không sao mà. Em cầu khẩn Đức Mẹ, em tin có Đức Mẹ che chở ».

Chẳng bao lâu người quân nhân thuê hẳn một căn nhà riêng cách dãy nhà cũ không xa. Những ngày người tình vắng mặt, Diên ôm con thơ ở nhà một mình hoặc đặt con ngủ rồi chạy vội đến dãy nhà cũ thăm những người bạn xưa.

Vào thời Diên còn ở dãy nhà này Kha ít chú ý, từ ngày nàng chuyển chỗ ở, mỗi lần Diên trở lại tựa như nàng tận dụng sự hiện diện lá loi chốc lát để kích thích mạnh sự chú ý của Kha mặc dầu bụng nàng ngày một lớn. Một lần nàng mỉm cười dừng lại trước cái nhìn của Kha, cả hai cùng tiến lên một bước, Diên đứng sát ngay bên Kha, Kha cảm thấy hơi nóng hầm hập tự thân hình tròn lẳn của nàng phát ra choán lấy chàng cùng với mùi mồ hôi hăng hắc như tiếng kêu khản cấp siêu âm của loài cái gọi loài đực trong tạo vật. Kha nói vài câu khách sáo vô nghĩa, Diên đưa mắt lẳng lơ nhìn chàng. Khi Diên cúi chào Kha ra về Kha mới nhớ tới cái bụng lớn của nàng.

Một lần khác Kha cũng đứng gần Diên như vậy, chàng xoa đầu đứa nhỏ gái trên tay nàng khen : « Tóc cháu đẹp ghê » !

Thực ra chàng muốn nói đùa kín đáo « Tóc cháu đẹp ghê, giống mẹ » mà rồi ngừng ở chỗ chưa hết lời. Kha giật mình thấy Diên mím miệng, môi trên lẩn tịt, môi dưới hơi thười ra và khoe mắt sáng ngời của nàng như muốn nói : « Em biết rồi ! » Và cũng phải đến khi Diên vừa lẳng lơ liếc chàng một lần cuối vừa rảo bước ôm con ra về chàng mới nhớ đến cái bụng gần tới tháng sinh của Diên.

Mấy tuần liền Kha không thấy bóng Diên : nàng đã ở cũ một cậu trai bụ bẫm. Không gặp nhưng khuôn mặt Diên có thể hiện rất rõ mỗi khi buồn tình Kha nghĩ tới. Mái tóc nàng rất đen, rất dày, vùng trán hơi thấp, đôi mắt xếch một chút để cái nhìn thêm đông đưa, đôi môi dày nhưng khi cười — nàng cười luôn — vành môi căng ra rất đẹp và vô cùng gợi tình với nét viên thâm đặc biệt quanh vành môi.

Diên sinh con được ba tháng thì người tình thứ hai của nàng tử trận tại Ninh Bình. Đúng vào dịp này Kha gặp lại Vân... Và Diên càng năng đến dãy nhà cũ để đưa mắt tống tình Kha dù chỉ đến chớp nhoáng rồi phải về với con ngay.

Gặp Kha, Vân không dấu tình nàng và tiếp nhận tình Kha nhưng nhất định nàng tuột khỏi tay Kha mỗi lần chàng đòi thể hiện ở nàng mỗi tình toàn vẹn cả tinh thần lẫn thể xác.

Kha cảm thấy mình thất bại và nhận ra ở thân hình Diên vài nét thật quyến rũ hao hao giống Vân. Tuy nhiên Kha chưa hề có cử chỉ xâm xỡ với Diên mặc dầu mỗi lần đôi bên gặp nhau



Thời con gái đã qua. Vân đã là đàn bà. Vân chẳng còn lạ gì tính tình đàn ông, chính vì yêu Kha mà nàng cương quyết tuột khỏi tay Kha, nàng biết chỉ có cách ấy là bắt Kha phải tưởng nhớ tới nàng mãi mãi.

Diên đều cố ý đứng thật sát và mùi mồ hôi hăng hắc của nàng tỏa ra khiến Kha phải hơn một lần tự đặt câu hỏi hài hước : « Chẳng biết Diên có cảm tình con ngựa... ngựa cái ? » Có điều mỗi lần đứng gần Diên như vậy Kha càng ao ước được ôm ghì

Vân trong cánh tay cho mỗi tình toàn vẹn và mỗi lần gặp Vân rồi bị Vân tinh ý lẩn tránh giây phút quyết liệt Kha lại nẩy ý định tìm gặp Diên tức khắc mà vô nát thân thể chắc hẳn đó cho thỏa lòng khát khao Vân.

Khi yêu Thi tình cảm Kha mơn man êm dịu, nhưng với Vân sao chàng muốn trở nên thô bạo ?

Đã ba ngày qua, gặp Vân ở Hà Nội và đã bốn lần Kha đến thăm Vân. Bao nhiêu năm qua rồi, hoàn cảnh đổi thay là thế nào mà Kha thấy Vân còn giữ nguyên linh cảm bén nhạy để kịp thời nhận ra điều gì khả nghi ở Kha và né tránh. Mắt Vân lúc đó dường như có thoáng cả chút giận dữ làm Kha bỗng thấy ngại ngùng. Hay là tại Kha quá bị ám ảnh bởi dĩ vãng ? Kha chú ý đến bộ ngực Vân, bộ ngực nàng phập phồng. Đúng là mình bị dĩ vãng ám ảnh ! — Hơn một lần Kha nghĩ vậy.

Vân theo một chuyến tàu đi Hưng Yên đã ngót một tháng rồi chưa về. Căn phòng trọ Vân nhờ Kha trông nom, Kha chưa hề một lần đặt chân tới, chiếc chìa khóa kèn rỉ một nửa vẫn nằm gọn trong đáy ví của chàng.

Vân sắp đi Hải Dương đề dò la tin tức chồng. Lần này Kha tới tìm nàng với tâm trạng là không bao giờ gặp Vân nữa : xong công việc, Vân sẽ đi thẳng ra « ngoài kia », hai thế giới cách biệt !

II

NGƯỜI đến như đến trong một giấc mơ, người tiếp cũng như tiếp trong một giấc mơ. Với những lời đã trống rỗng quá rồi của thế gian sao thuật lại được cái hồi hộp mong manh của giấc mơ tình ái đó ?

Vân à, anh biết có một loài hoa ngày nay không có ở thế gian này.

Vân ư mà sợ tiếng nói của Kha, tiếng nói dịu mà sắc, êm mà mãnh liệt. Nói chuyện với Kha bao giờ Vân cũng lâm vào tâm trạng phức tạp của kẻ sợ đau đớn mà lại ưa đau đớn, rất hồi hộp mong đợi đau đớn, y như kẻ biết nặn nhọt là đau nhưng lại thích vừa nặn nhọt vừa suýt soa chảy nước mắt vì thỏa niềm mong ước. Căn phòng bỗng biến thành nhà mồ, Vân thu người ngồi gọn vào góc đi vắng đối diện với Kha.

Tiếng Kha hỏi :

— Vân có nghe anh nói không ?

Cúi đầu mỉm cười Vân nhắc khẽ đề tỏ rằng mình không những có nghe mà còn chờ đợi câu chuyện :

— *Có một loài hoa ngày nay không có ở thế gian này ! Anh lại định kể chuyện cổ tích ?*

Kha nhớ lại Miên hằng ca ngợi tài kể chuyện của Hiền và chàng đáp :

— Người kể chuyện cổ tích phải có bộ mặt thần nhiên như Hiền, người nghe chuyện cổ tích phải trong suốt và hiền dịu như Miên mới thích hợp.

— Anh nói Hiền nào, Miên nào ?

— !

— Em nhớ ngày nào anh xuất khẩu kể chuyện người lính thú « *Ngang lưng thì thắt bao vàng* ». Anh vẫn có tài kể chuyện cổ tích.

— Nào biết rằng đây có phải là chuyện cổ tích ! — Kha đáp.

Thốt nhiên Vân thấy thềm được nghe một câu chuyện cổ tích như nàng vẫn thềm hình ảnh Kha nhưng phải là thứ chuyện

cổ tích xuất khẩu thành chương do chính Kha kể. Hai người gần nhau chỉ nói những điều không đáng nói và chẳng bao giờ nói những điều thiết tha muốn ngỏ. Phải chăng lần này tình yêu đã nung chảy im lặng để bắc cầu thông cảm cho cả hai vì Kha kể chuyện cổ tích thật :

« Anh vẫn nghĩ rằng ngày xưa đã từng có một loài hoa ngày nay không còn nữa. Ngày đó có đôi trai gái ôm trong lòng mối tình bất diệt với ý nghĩa chung : có yếu tố âm, có yếu tố dương thì quay cuồng quên thời gian quên vũ trụ hay hòa đồng vào thời gian, hòa đồng vào vũ trụ thì cũng thế. Càng không lấy được nhau họ càng muốn gần nhau, càng gần nhau họ càng phải xa nhau... Họ muốn hòa đôi tâm hồn làm một, nhưng tâm hồn bị hãm trong nhà tù xác thịt cho nên dù gần đến đâu họ vẫn thấy là xa. Họ chỉ có cảm tưởng gần nhau đôi chút khi ở thật xa nhau... thật xa khuất ».

Vân muốn khóc vì giây phút đau đớn mà nàng hồi hộp đợi chờ đã tới, nhưng nàng thần nhiên giữ nước mắt để nghe cho hết câu chuyện, câu chuyện của chính hai người.

Rồi họ nghỉ càng xa khuất lại càng gần nhau. Họ đã nhằm ! Khi cả hai cùng chết — mỗi người chết ở một nơi xa — trên mồ mỗi người cùng mọc lên một thứ hoa và hoa nở vào một ngày một giờ. Buồn thay không gian xa cách, gió thổi quần thổi quanh chẳng để hương hoa gặp nhau. Hai cây hoa cố vươn lên, rễ lỏng, một cơn gió lốc cuốn theo hạt hoa, đến một hoang đảo. Hai hạt đã nảy mầm thành hai cây hoa nhưng lần này vì gần nhau quá nên hai thân cây quấn vào nhau, các cành mềm đan vào nhau để rồi một ngày khi mặt dầu sóng yên biển lặng hải cẩu hoa bỗng bốc lên thành một cơn gió lốc ánh sáng không để lại một vết tích gì trên đảo. Kể từ đây trên thế gian thiếu một loài hoa, một loài hoa mà thế gian cũng chưa kịp đặt tên.

— Đời người lắm chuyện phi lý phải không anh ? — Vân hỏi, thái dương đập mạnh, đầu choáng váng.

— Và hiện giờ chúng ta cô đơn — Kha đáp — nhưng nếu đã có người găm thét thì cái phi lý, nguyên rủa để xua đuổi cô đơn ai cấm chúng ta cắm hoa cho cuộc đời ? Muốn có hoa để

cắm thì phải giống hoa đã, giống ngay ở hồn mình thứ hoa ngày nay không có ở thế gian này.

Giọng Kha bỗng rần đánh :

— Vân ! Anh muốn đưa em đến một hoang đảo, ở đó anh ăn thịt em, ăn thịt từ môi ăn thịt xuống !

Kha đứng dậy, Vân cũng vội đứng dậy, hơi lùi lại một bước :

— Có người trong nhà kia anh ơi, đừng, anh về đi.

Kha dừng lại nhìn Vân cười băng quơ...

Chàng về.

Chàng về thật !

III

TRƯỚC ngày Hiền đi Thủ

Đức theo lệnh động viên thì Miên cùng ba chị y tá đã được chính phủ cấp cho một căn phòng ngay trong khu vực nhà thương Phủ Doãn. Hoặc chiều thứ bảy, hoặc chiều chủ nhật Miên về dãy nhà cũ thăm Kha, xuống bếp làm những món đặc biệt. Thường thì lần nào sau bữa ăn Kha cũng đưa Miên đi xi-nê.

Miên thụ động quá nên Kha cứ ngừng ở tình trạng coi nàng như em gái. Kha thầm nghĩ là với Miên thì cứ giữ nguyên tình

trạng đó cho đến ngày chàng gặp lại Hiên và quyết định hỏi Miên làm vợ, có lẽ như thế Kha mới tỏ ra xứng đáng với tình bạn của Hiên.

Kể từ lúc gặp lại Vân, Kha hầu như quên hẳn Miên !



Chiều thứ bảy này vào hồi ba giờ Miên đến thăm gia đình một người bạn nữ y tá trên từng thứ ba một căn nhà đường Halais. Miên gõ cửa nhằm phòng. Cửa mở, trước mặt nàng là một người đàn ông đã đứng tuổi, đầu chải mượt, áo quần tề chỉnh, y đương sửa lại nơ. Khuôn mặt gầy xanh (Miên đoán là vì trác táng) mày râu nhẵn nhụi nước hoa tỏa ra phong nhã, y sắp đi xi-nê hay sắp đến nhà người tình ? Miên xin lỗi y vì sự lăm lăm của nàng, y lim dim con mắt rồi khẽ cúi đầu đáp lễ với đầy đủ phong thái một Sở Khanh

tân thời. Tự nhiên Miên thấy nhớ Kha vô cùng. Miên nghĩ đến lời nói của Khiết phê bình hài hước về Kha ngày nào : « Thăng cha hồn nhiên như cây cỏ kể cả khi hấn tội lỗi, tội lỗi mà hồn nhiên thì cũng chẳng còn là tội lỗi nữa ! »

Tìm thấy căn phòng thuê của gia đình bạn, Miên ở lại nói chuyện một giờ ? Vợ chồng bạn cất lễ mời Miên ăn. Thấy bố ăn hai miếng liền đưa con trai đầu lòng lên bốn nói : « Bố ăn khỏe quá ! » Tức thì người mẹ răn con : « Không được nói thế phải tội con nhé, bố phải ăn khỏe để đi làm kiếm tiền nuôi con chứ ! » Đưa bé chớp mắt hối hận nhìn bố lúng túng không biết nói gì để xin lỗi thì bố đã cười khà cúi xuống hôn con. Miên mỉm cười sung sướng lây với hạnh phúc gia đình bạn.

Từ giã bạn, Miên rẽ qua chợ Đồng Xuân mua được con cá chép khá lớn. Nàng dự định mâm cơm chiều sẽ có cá rán, đầu đuôi cá sẽ nấu canh rầm với rất nhiều cà chua, khế và hành tây cho ngọt nước. Kha vẫn ưa món canh này lắm. Khi Miên xách cá vào bếp, lũ trẻ cùng dãy ủa tới xem, chúng reo lên : «Ồ

này con cá nó khóc chúng bay ơi». Miên chú ý nhìn xuống, con cá bị phơi trên cạn đã lâu, có hai hạt nước mắt ứa lên như hai giọt sương sớm. « Mình sẽ khóc như vậy — Miên nghĩ — nếu Kha chết trước mình ».



SAU câu chuyện « *Có hai loài hoa...* » Kha thần thờ tự nhà Vân về. Kha đi thẳng vào nhà không để ý đến Miên đứng ở cửa bếp. Cơm nước Miên đã làm xong, lúc đó vào khoảng sáu giờ chiều, trời tuy âm u về phía bờ sông nhưng còn sáng rõ lắm về phía hồ Hoàn Kiếm. Miên từ bếp lên, Kha ngồi trên chiếc ghế gần ngay cửa vào, chàng cười chào lại Miên, nụ cười cố làm cho tươi nhưng rõ ràng gượng gạo. Miên tiến thẳng vào trong lau lại bàn ăn, sắp lại mấy chiếc ghế cho ngay ngắn.

Tiếng ghế động làm Kha ngẩng đầu lên. Khuôn mặt dịu hiền của Miên trong nghiêng trong bóng tối càng nghiêm tĩnh chất chứa đựng. Đôi mắt Kha thoáng tia sáng, chàng khẽ đập cho cánh cửa từ từ khép lại. Những nét cử động của Miên hoàn toàn

chìm trong bóng tối của căn phòng. Bỗng Kha đứng phắt dậy kéo cánh cửa lại, ánh sáng buổi chiều tàn ứa vào, khuôn mặt Miên còn sững sờ kia nhưng Kha không chú ý tới. Chàng ôm đầu bước ra khỏi phòng như chạy trốn.

Chừng mấy phút sau trời đổ mưa, cả bầu trời thoát trắng xóa. Trận mưa thật lớn, thật nồm nề.

IV

TỪ thuở mười lăm tuổi Diên đã khát tình. Hồi đó Diên còn ở quê nhà, một huyện lỵ thuộc Kiến An. Diên yêu một bạn trai cùng lớp và ngỏ ý với cô bạn gái khác : « Anh T. đẹp trai quá, tao muốn kết bạn với anh ấy ! » Cô bạn gái bèn đứng làm môi giới cho đôi bên thư từ và tặng ảnh nhau. Hè tới, trong buổi kịch mãn niên học, Diên gặp một cậu trai học dưới nàng một lớp đóng kịch giỏi, ngâm thơ hay bèn tự ý tỏ tình. Đôi bên lại tặng ảnh nhau và thư từ trao đổi suốt vụ hè. Sang đầu niên học mới gặp phải ông thầy hắc búa ra lệnh từ bảy giờ rưỡi chiều trở đi học sinh bất kỳ nam

nữ không được nhớn nhor ngoài đường. Lại có kẻ mách lẻo khiến ông biết hết chuyện viết thư tặng ảnh, ông cho gọi anh học trò con trai cùng lớp (người tình thứ nhất của Diên) tới hỏi vào giờ ra chơi. Anh này hoảng, viết thư cho Diên đòi lại ảnh. Anh lớp dưới cũng sợ lây và theo gương anh lớp trên viết thư đòi lại ảnh cùng tất cả những bức thư đã viết trước đây. Diên thoát không chịu, hai anh phải đón đường dọa làm ầm câu chuyện lên nàg mới chịu. Năm sau Diên thôi học. Thuở đó Diên vẫn còn vẻ người thanh như mai. Kế tiếp cũng có một vài cuộc phiêu lưu tình ái khác nữa nhưng Diên vẫn chưa hề được thỏa tình, hoặc vì chàng trai dốt quá hoặc vì họ thấy Diên quá dễ dãi nên đâm hờ hững vì « Chiến đấu không gian nan, thắng lợi không vinh quang ». Năm hai mươi tuổi Diên xúc động vì đoạn cuối bài tường thuật của nhà phóng viên thể thao trẻ tuổi nọ mà sau này khi gặp gỡ nàg mới hay cũng là một bạn học cùng lớp với nàg xưa. Đầu đề bài báo đó : « *Cuộc đua tài của hai đội bóng tròn Olympic và Racing trên sân Mangim* ». Nguyên văn đoạn kết như sau :

« *Thế là đôi bên tận tình quần thảo mãi, tới phút thứ sáu mươi của cuộc so tài Racing mới phá được sự trinh bạch của mànng lưới Olympic nâng tỉ số thắng lợi Một Không* ».

Bài tường thuật đã bị thủ đồ lên án là dâm ô, chính ông chủ nhiệm cũng phê bình gay gắt chàng phóng viên. Ông có biết đâu vì bài báo đó kèm theo với một cái may khác là gặp và nhận ra Diên là bạn học cũ ở rạp xi-nê Olympic mà chàng phóng viên đó đã trở thành người bạn lòng đầu tiên thực sự chiếm hữu Diên. Lẽ cố nhiên cuộc tình duyên phóng đãng đó chẳng kéo dài được bao lâu vì chàng phóng viên nào có lạ gì thành tích của cô bạn gái mình xưa. Có điều đáng ghi là sau cuộc tình duyên này Diên bắt đầu đẩy người, Bà hàng xóm vốn không lạ gì tính Diên phê bình một câu khá độc miệng : « Gái bén hơn trai mà ! »

Mãi đến năm hai mươi bốn Diên mới lấy chồng thực sự, đó là nhà buôn đã tử nạn trong chuyến xe hàng bị mìn trên đường Phủ Lý - Nam Định, đưa con đầu lòng còn trong bụng mẹ. Sinh con được hai tháng có hôm đến thăm cô bạn gái, Diên gặp

một chàng trai quân nhân cao khỏe là anh em bá thúc với cô bạn. Nhà này phòng khách cách với phòng tắm chỉ có mấy tấm cánh cửa đã được đóng đinh. Diên vào tắm nhờ, rồi vừa tắm nàng vừa nói chuyện trở ra với cô bạn. Nàng kỳ cọ, nàng vỗ vào da thịt, nàng xối nước. Khi ngừng câu chuyện nàng luôn luôn khen nước mát. Mỗi lần xối nước là một lần nàng rung mình và thở dài lớn khoan khoái. Lúc gần tắm xong nàng la lên với cô bạn : « Trời ơi có đề cho người ta tắm không, nỡm ! Dòm gì ? Đừng hé cửa gió vào, lạy đấy ! » — Sự thực cô bạn nàng khi đó đã vào sâu trong bếp có hề đứng ở ngoài cửa buồng tắm đâu, Diên chỉ cốt khích động chàng trai quân nhân ngoài phòng khách. (Nàng góa chồng được tám tháng rồi còn gì). Và chàng trai quả đã bị khích động. Chàng tìm đến tận căn nhà Diên thuê, rồi thì thọt tới luôn, rồi Diên có mang. Tính ra trong vòng chưa đầy hai năm nàng đã có hai đứa con với hai đời chồng. Đứa con thứ hai của nàng sinh được ba tháng thì người tình tử nạn tại mặt trận Ninh Bình. Rõ thật hồng nhan bạc mệnh !

V

KHA mở cửa đi vút ra ngoài ôm đầu choáng váng :

— Mình thật là thằng khốn nạn ! Thật khốn nạn !

Chàng lảo bầm và cố xua đuổi hình ảnh Miên.

Kha đi được một quãng thì trời đổ mưa.

— Mưa lớn nữa đi cho đầu mình dịu xuống — Kha nghĩ tiếp — đồng thời chàng nhận ra mình vừa tới trước cửa nhà Diên.

Không chút ngập ngừng Kha bước lên bực gỗ cửa. Cửa mở.

— Anh vào, mời anh vào ngay kéo mưa ướt hết giờ — Diên nói.

Kha ngơ ngác nhìn quanh rồi hỏi :

— Các con của chị đâu ?

— Bà ngoại cháu lên chơi được mấy hôm nay. Cụ quý các cháu quá, cụ vừa ôm cháu bé vừa làm cơm dưới bếp, cháu lớn quán bên chân cụ.

Kha thò tay vào túi giữ chiếc ví bên trong có chiếc chìa khóa Tân gửi, chàng nhìn Diên giây lâu rồi nghiêng đầu ghé lại hỏi thầm bên tai nàng :

— Đi theo anh bây giờ được không ?

— Được chứ ! Diên đáp.

Trong khi Kha vẩy chiếc xích-lô đã giương mũi che bạt, Diên xuống bếp nói với mẹ :

— Con có việc cần phải đi dàng này một chút mẹ nhé.

— Giời mưa mà con ? Bà cụ hỏi lại.

— Mưa cũng phải đi mẹ ạ.

Dứt câu Diên mỉm cười vì trong lòng như vang lên câu nói tiếp : « Càng mưa càng hay » !



CĂN phòng Tân thuê vừa thoáng vừa tối vừa hẹp. Khi Kha vặn khóa ngõ cửa, một mùi mốc ẩm hôi hôi ủa ra phả lên mặt chàng. Diên hầu như không nhận ra điều ấy, nằng đi sát bên Kha. Ánh đèn bật lên. Chao ôi, mới có ngót một tháng Tân không về mà mạng nhện chẳng đầy nhà, cắt chuộc đầy trên đỉnh màn và trên nệm của chiếc giường cá nhân. Chắc hẳn vào lúc đêm khuya lũ chuột phải tới đây quần tụ khá nhiều mới đến

nông nổi này, cắt chuộc nhan nhản trên đỉnh màn, đầy ắp trong các kẽ nệm trông như thuốc tễ, phân mới đen nhanh nhánh, phân cũ đem xạm, một số đã dính chắc vào nệm.

— Lấy chổi ở góc nhà kia, em

— Kha nói — quơ cho hết mạng nhện rồi quét cho sạch nhà.

Trong khi Diên đến góc nhà lấy chổi, Kha giật nghiêng đỉnh màn, phân chuột rơi xuống lả tả lẫn vào với nhíp mưa bên ngoài. Chàng rũ nệm, có một số lớn phân chuột đã khô cứng dính chặt vào kẽ nệm, Kha phải lách ngón tay vào gạt cho rơi hết.

Diên quỳ giữa giường buông màn xuống. Kha chui vào, một mùi hôi ẩm chum lấy chàng như ngày nào chàng bước chân vào hang dơi gần hồ Ba Bể (Bắc Kạn).

— Khi em cười vành môi căng ra trông đẹp lắm !

Nói đoạn Kha cúi xuống hôn Diên. Hai vòng tay riết chặt.

Diên cắn khế bên tai Kha nói như rên :

— Yêu anh, em yêu anh từ lâu rồi, anh !

VI

KHÌ Miên vừa sắp cho ngay ngắn mấy chiếc ghế để sửa soạn bung cơm lên thì Kha khẽ đập cho cánh cửa ra vào từ từ khép lại. Tuy bóng tối bất ngờ ập tới Miên cũng kịp thoáng nhận thấy vẻ mặt Kha khá hung dữ. Miên hiểu ngay cơ sự. Lòng ngực nàng bỗng tăng hẫng, trái tim như vừa rơi đầu mất, hai tay nàng phải vịn lấy thành bàn để đứng cho vững. Rồi nàng trở lại trạng thái bình tĩnh ngay, bình tĩnh lạ thường, óc thoáng nghĩ đến Kha tiến lại, nếu Kha ôm, nàng sẽ mím môi phớt mặc không chống cự mảy may, có thể rồi nàng cũng vòng tay ôm Kha, ôm nhẹ nhàng không thấm tháp đầu với sức Kha lúc đó.

Nhưng...

Cánh cửa bỗng mở tung. Kha ôm đầu đi bứt khỏi, Miên tung hứng, lần này sự tung hứng kéo dài cho đến lúc mưa đổ xuống. Nàng tiến ra cửa, ngồi vào chiếc ghế Kha vừa ngồi, rồi thốt nhiên ôm mặt khóc rưng rức, đôi khi tiếng khóc nức lên át cả tiếng mưa bên ngoài. Nàng tủi hổ cho nàng, tủi hổ cho thái độ — tuy thâm kín — sẵn sàng hiến thân

cho người mình yêu mà cũng không đất. Nàng biết Kha sẽ không về ăn cơm. Cơm ôi canh nguội còn ở dưới bếp kia.

Miên ngừng đầu nhìn ra ngoài qua màn nước mắt. Mưa rơi mau đều đều kẻ những đường xiên dày đặc không gian. Thỉnh thoảng một cơn gió ào tới, những khoảng trống lớn như vết chân vôi vữa của một con quái vật vô hình lướt tới để lại. Giọt gianh khoan thai hơn, đều đặn hơn đỏ liên tiếp thành từng dòng. Miên cũng cảm thấy lòng mình lắm mâu thuẫn như tạo vật ngày mưa, cũng có cái gì hoang dại đồ xuống thành thác menh mông chan hòa, cũng có cái gì thẳng thốt xao xuyến để lại những vết trống trong hồn, cũng có cái gì tuần tự mà liên tiếp đồ xuống trái tim tê dại trống trải bốn bề.

Bóng tối đồ xuống, mưa vẫn rơi đều, âm thanh buồn dằng dặc. Thấp thoáng ánh đèn, ánh đèn đêm mưa khi mờ khi tỏ nhiều khi lấp loáng như bò vào những vũng nước...

Miên vẫn ngồi kia. Nàng như khao khát như chờ đợi một cái gì vẫn gần mình đấy mà sao cách trở sơn khê.

VƯƠNG ĐỨC LỆ

Bài tình khúc số 6

*N*ày bàn tay Em, anh từng hôn lên đó
Dòng mắt trong anh đã thả kờn neo,
Năm ngón tay, anh lùa trong tóc rối
Thứ bảy trời chiều anh nhập mộng phiêu diêu...

*Em có hay đêm đêm nồng giấc ngủ
Dáng Em mềm về dỗ mộng anh say.
Hương còn thoảng, áo màu bay lả lướt
Gửi cho rừng, cho suối, cho trời mây.*

*Khi anh về quê hương, chân anh vờn cỏ lạ
Đường quanh co, bụi đỏ áo vai xanh
Chim chóc đồng ca vây quanh mừng nắng hạ
Hồn thơ anh, miền biển rộng mông mênh !*

*Chiều thứ bảy, anh dạo chơi trên từng hè phố cũ
Nặng vai gầy, ngọn điện tối sương đêm.
Trời một phương, hiền linh vì tình tú
Anh nhớ thầm mong Em.*

*Bài ca tình buổi chiều chim non vừa vỗ cánh
Lời thơ xanh nhập mộng gọi thiên thần.
Trời mưa hoài nghe ra thân thể lạnh
Mỗi đường khuya cung mộng đó ly-thân !*

*Này thức bấy, buổi chiều, mưa giăng thành phố cũ .
Bước anh dồn vũ khúc, nhịp hoan ca
Đời tương lai, mùa xuân vừa nơi nhỏ :
— Em lãng không về giấc mộng đêm qua !*

Phi cảng Tân Sơn Nhất
Mùa Thu 1962

VƯƠNG ĐỨC LỄ

« Tại sao ta lại vui mừng khi có một đứa trẻ chào đời và buồn bã khi một người tạ thế ?

Bởi vì ta là người ngoại cuộc ».

MARK TWAIN

Tên thật là Samuel Clemens, nhà văn trào lộng Mark Twain sinh năm 1835 tại Hannibal (Missouri), một thị trấn buồn tẻ bên bờ sông Mississippi.

Ông chuyên sáng tác các loại chuyện ngắn và truyện dài, được đọc giả khắp hoàn cầu ưa thích. Đặc biệt nhất là hai nhân vật tiểu thuyết của ông: « Tom Sawyer » và « Huckleberry Finn ».

Đời sống của ông cũng lắm gian truân : mới 12 tuổi đã đi giúp việc cho nhà in và sau đó làm nghề hoa tiêu trong một thời gian.

Trong các tác phẩm của ông, người ta thấy ông hiểu thấu nhân tình thế thái, có tư tưởng phóng khoáng. Lối hành văn trào lộng của ông đi sát với thực tế, đôi khi sống sượng.

Một trong những truyện ngắn nổi tiếng nhất của ông là quyển « The Celebrated Jumping of Calaveras County ».

Ông qua đời vào năm 1910.

NGUYỄN ĐẠT THỊNH

Tác phẩm đầu tay

SANG bực bỏ đóng cửa xe rồi bước vào nhà. Cái lốt tài xế tắc-xi bắt buộc anh phải làm những công việc không mấy hợp với « khả năng » chuyên môn của anh.

Sang cao 1 thước 75 mà lại có bề ngang nên trông càng vạm vỡ. Đã nhiều lần anh mỉm cười khi thấy vẻ chột dạ, lo sợ của hành khách trong những cuộc xe đêm nhất là ở những khoảng đường vắng.

Cánh cửa nhỏ hé mở, Sang cúi xuống đất nhặt một lá thư. Bao thư không dán và ở trong là một tấm thiệp mời đám cưới. Mặt tươi hẳn lên chàng lầm bầm:

— 4 giờ chiều.

Chiều hôm ấy, Sang đến đúng hẹn. Trong phòng « tân hôn »

đã có sẵn hai người : Quyền và Cảnh, cả hai cùng nhỏ vóc hơn chàng, nhưng sắc diện không hề kém sát khí.

Sang nhướng mắt có ý đặt một câu hỏi không lời.

Quyền lắc đầu trong lúc Cảnh đáp bằng giọng bực bỏ :

— Miễn có việc làm là tốt rồi. Tao đã cảm thấy «ngứa ».

Mười phút sau Hồng-Sơn đến. Cả ba người có mặt cùng đứng dậy nghiêm chỉnh. Hồng-Sơn gật đầu rồi nói ngay vào việc :

— Kiên-Phong vừa bị bắt rồi. Quân đội đến ngay tại phòng bán giấy xe và không cần lục soát gì cả. Họ cũng không bắt thêm một ai cả.

Không một tiếng đáp, Sang, Quyền, Cảnh có ba khuôn mặt lạnh lùng của ba bức tượng.

Hồng-Sơn tiếp :

— Điều này chứng tỏ rằng họ đã được mật báo kỹ càng. Đây là báo cáo của cán bộ địa phương.

Một sĩ quan và 2 hạ sĩ quan bước vào phòng bán vé xe đồ Hồng-Lạc. Họ trình giấy mời cho viên chủ hăng, trong giấy ghi rõ tên Nguyễn - văn - Khả, Kiên-Phong trình ra một bản căn cước khác mang tên Trần-công-Tiến, viên sĩ quan mỉm cười nói : vâng Khả tức Tiến, tức Kiên-Phong.

Kiên-Phong mở ngăn kéo nhưng chưa kịp lấy súng lục đã bị một viên hạ-sĩ quan nhu đạo bẻ trái tay phía sau.

Nhảy một đoạn kể những chi tiết tỉ mỉ, Hồng-Sơn đọc khúc kết của bản báo cáo « mật ».

— Những sự kiện kể trên khiến phải kết luận rằng chính giáo viên Lê-văn-Trung đã báo cho quân đội biết tổ chức bí mật của ta.

Hồng-Sơn xếp tờ giấy cầm tay lại, ngược lên nói :

— Xứ ủy Nam-bộ yêu cầu chúng ta thanh toán tên Trung.

Sang thất vọng :

— Một chuyện hơi thường.

Cảnh tiếp :

— Công tác thuộc loại hạng nhì. Có thể để cho cán bộ địa phương làm cũng được.

Hồng-Sơn lắc đầu :

— Các đồng chí không ý thức sát tình hình. Cơ sở địa phương của chúng ta hiện trong tình trạng tê liệt, nhiều cán bộ nằm vùng đang hoang mang. Xứ ủy muốn cho họ thấy rằng cấp trung ương Nam bộ vẫn còn có khả năng thanh trừng. Nếu cán bộ địa phương mất tin tưởng vào khả năng này thì tất cả hệ thống hạ tầng cơ sở của ta sẽ tiêu tan vì giải pháp nhân dân tự vệ đang được đem áp dụng ở miền Tây.

— Bao giờ ba đưa tôi lên đường ?

— Các đồng chí sẽ đi ngay chuyến xe 5 giờ sáng mai. Nhưng không 3 mà 4.

— Bốn ?

— Người thứ tư đâu ?

Cánh cửa phòng bên xích mở :
« Người thứ tư » xuất hiện đúng lúc như trong một vở kịch được sắp đặt lớp lang cẩn thận.

'Sang buột kêu lên :

— Ủa, anh Chi à ?

Quyền phụ họa :

— Sao lại cứ anh Chi ?

Hồng-Sơn đổi giọng, hơi gần :

— Ai có điều gì phản đối về việc đề cử anh Chi đi công tác này.

Cảnh đáp ngay :

— Phản đối thì không phản đối nhưng chúng tôi sợ rằng anh Chi không quen việc.

Sang :

— Anh Chi là một lý thuyết gia, cho là một lý thuyết gia lỗi lạc đi nữa, nhưng có thuần tay hay không mới được chứ ?

Hồng-Sơn gay gắt :

— Sáu tháng trước anh có « thuần tay » đâu. Phải không anh Sang ?

Rồi quay sang Cảnh, Hồng-Sơn tiếp :

— Còn anh, anh có nêu ra được một lý do gì khác đề công kích sự đề cử này không ?

— Tôi cũng ngại như anh Sang.

— Anh Quyền ?

— Tôi cũng vậy.

— Như vậy nghĩa là các anh đã được thỏa mãn cả bằng câu giải thích của tôi cho anh Sang rồi chứ gì ?

Quyền gật đầu :

— Miễn là anh Chi đã suy nghĩ chín chắn.

Chi lạnh lùng :

— Không việc gì tôi phải suy nghĩ cả. Đây là vì lợi ích của Đảng.

— In truyền đơn, viết truyền đơn cũng là lợi ích của Đảng, nhưng làm công tác này có thể gặp luật số 10-59 đấy.

Chi lấy lại bình tĩnh, Nhìn 3 khuôn mặt khinh khỉnh xem thường mình, chàng thông thả gần giọng :

— Tôi biết rõ điều ấy hơn tất cả các anh và tôi vẫn không thay đổi ý định tình nguyện chỉ huy công tác này.

— Chỉ huy ?

Hồng-Sơn can thiệp :

— Dĩ nhiên là phải có người chịu trách nhiệm về việc thi hành công tác chứ. Và trách nhiệm này đương nhiên rơi vào vai người cán bộ nhiều tuổi đảng hơn cả : Anh Chi.

Quyền pha lững :

— Một vấn đề thủ tục !

Chi bắt đầu thấy điều khiển trực tiếp những người như Sang, Quyền, Cảnh là rất khó. Chàng bắt tay vào việc với một uy tín yếu ớt. Trước kia Chi vẫn quen coi họ như kẻ, những kẻ hữu dũng vô mưu. Hôm nay chàng mới chợt nhận ra giá trị của mình trước con mắt của những kẻ mà mình vẫn coi thường.

Một quyết định đến với Chi : Chàng sẽ chứng tỏ rằng ngoài giá trị một bộ óc, chàng còn là đôi tay, đôi tay thép rất cứng.

Lấy giọng nghiêm nghị Chi nói :

— Xe khởi hành đúng 5 giờ sáng, 2 giờ trưa đến Cà Mau. Anh An sẽ đón chúng ta.

— Còn vũ khí ?

— Địa phương sẽ cung cấp. Đem vũ khí đi đường rất có thể nguy hiểm.

— Có nhiều cái nguy hiểm hơn thế.

Chi muốn nói :

— Nhưng cũng có cái nguy hiểm xứng đáng và cái nguy hiểm không xứng đáng.

Nhưng đã quyết định chỉ lý thuyết rất ít nên Chi chấm dứt câu chuyện bằng một mệnh lệnh:

— Sáng mai 4 giờ 55 tất cả mọi người lên xe. Vé xe đã dành sẵn. Chúng ta sẽ ngồi riêng từng người.



ĐƯA 4 người vào một căn nhà lá ở xóm Lò Heo, An thì thăm :

— Hẳn đi Thới-bình rồi. Vợ chưa cưới của hẳn ở đó.

— Bao giờ hẳn mới về ?

— Sợ lâu — Bây giờ đang dịp nghỉ hè, hẳn không bị ràng buộc vì công việc.

— Xa không ?

— 16 cây số.

Chi dăm chiêu một phút rồi quyết định :

— Ta tới Thới-bình.

An ngần ngại :

— Hơi khó — Phong trào nhân dân trong ấy cao lắm. Họ lại được võ trang cẩn thận nữa.

Chi quay lại hỏi Sang :

— Anh nghĩ thế nào ?

— Nghi thương vợ con chưa kịp cưới của nó.

Chi nuốt tất cả bức tức, vờ như không nghe câu Sang nói trong lúc Quyền và Cảnh phát cười rộ lên.

Như chợt nhớ ra, An vội vàng nói :

— Con Nghia, hôn thê của nó rất có thiện cảm với Đảng. Nó vẫn đóng góp, giúp đỡ ta luôn.

Chi gật gù :

— Vậy thì tiện lắm.

Cảnh trở lại câu hỏi mà chàng đã một lần nêu ra ở Saigon.

— Vũ khí ?

An hơi lúng túng :

— Vũ-khí thì khó. Thanh niên Cộng-hòa chúng nó vừa đào cái hầm cuối cùng của ta rồi.

Rồi đi ra phía sau nhà, An vừa tiếp :

— Nhưng đã có cái này.

Một phút sau, An đem « cái này » — một lưỡi dao nhọn — lên Chi mân mê thứ lưỡi thép bén ngọt rồi nói :

— Cũng tạm đủ :

Quyền lắc đầu :

— Kết quả không bảo đảm.

Sáng hôm sau cả 5 cùng đi Thới-bình. Để tránh sự đề ý của dân chúng địa phương họ phân tán trong lúc di chuyển. An, Cảnh, Quyền đi tam bản, Sang và Chi đi xe đò.

11 giờ trưa hôm ấy họ gặp nhau ở một căn chòi ở ven rừng U-minh.

An đề nghị :

— Các đồng chí ở lại, tôi về Thới-bình gọi con Nghia ra.

Cảnh cau có :

— Sao lại phải rắc rối thế. Cô Nghia thì có liên can gì đến việc này.

Chi :

— Liên can lắm chứ. Cô ấy sẽ dắt tên Trung đến chỗ mình cần gặp hẳn.

Rồi với vẻ mặt đầy hiểm ác. Chi bảo An :

— Cố mời thêm ông bố hoặc bà mẹ cùng đi với cô ấy ra chơi cho vui.

An xuống tam bản. Căn chòi sống một phút im lặng cái im lặng nặng những mâu thuẫn của bốn kẻ làm chung một việc nhưng tâm tính mục đích khác nhau.

Quyền quay sang bảo Sang :

— Lấy cái gì ra ăn cho đỡ đói.

Cảnh :

— Sao mày háu đói thế.

Chi :

— Không đói cũng phải ăn bây giờ đi. Ta cần tranh thủ thời gian.

Sang nhún vai :

— Chưa công tác nào quan trọng bằng công tác này !

Chi tím mặt :

— Tôi không thích quan trọng hóa việc gì cả nhưng tôi cũng không bằng lòng cho một ai cầu thả trong công tác.

Quyền :

— Anh yên chí — Quan trọng hóa hay cầu thả gì đi nữa thì rồi thằng Trung cũng chết.

Cảnh :

— Anh có thể viết báo cáo trước đi. Việc chắc như 2 tào thành gia rồi.

Chi muốn thét lên :

— Rồi chúng mày sẽ thấy rằng không phải tao chỉ biết làm báo cáo mà thôi đâu.

Câu nói không ra khỏi miệng, Chi cắn răng nuốt tất cả uất ức xuống.

Sang ưỡn oải dờ gói lương khờ ra trong lúc Cảnh vẫn ung dung thả khói thuốc lên mái chòi.

Bữa cơm giữa bốn kẻ không thương yêu cũng qua, dù qua trong tẻ ngắt như buổi học tập, kiểm thảo.

Tiếng chèo vỗ nước làm không khí như bớt căng thẳng.

Cảnh nói :

— Em bé đã ra đây.

Chi nghiêm giọng :

— Yêu cầu các anh đừng xen vào câu chuyện. Nóng nảy như các anh sợ hỏng việc.

Sang chua chát :

— Đồng chí công tác trưởng ý muốn nói chúng mình chỉ làm hỏng « đại cuộc ».

An bước vào làm Chi đỡ phải đối đáp với những kẻ thích đâm chém hơn lý thuyết Mác-lê.

Nghiêm chỉnh hơn thường khi, An « báo cáo » :

— Kính trình đồng chí trưởng toán, cô Nghĩa và ông Tám đã đến.

Sau câu nói hơi « phùng tuồng » này, cô Nghĩa và ông Tám bước vào. Cả hai cùng có vẻ sợ sệt, lo lắng.

Ông Tám giọng nói hơi rung, chắc không phải vì cảm động.

— Kính chào đồng chí « trung ương ».

Rồi nhìn An bằng cặp mắt cầu khẩn của kẻ sắp chết đuối nhìn cái phao, ông tiếp :

— Chắc đồng chí An cũng đã báo cáo với đồng chí « trung ương » rằng gia đình chúng tôi rất tích cực...

Chi cố tình kéo dài phút kinh hoàng của ông lão vô tội. Hắn chờ ông lão cuống lên đưa ra chỗ hở của mình và quả nhiên ông Tám đã đến phút hở trước kẻ thừa bán linh và thủ đoạn.

Run rẩy, ông Tám vừa móc trong lưng quần ra một xấp giấy vừa nói :

— Không lần nào Đảng « cần thiết » mà chúng tôi không đóng góp đầy đủ. Chúng tôi còn cả những giấy tờ biên nhận « ủng hộ » đây.

Chi nở một nụ cười hiểm độc, cầm ngay xấp giấy rồi mới bắt đầu mở miệng :

— Đảng ghi công tích cực ủng hộ của đồng chí và Đảng cũng cho đồng chí có cơ hội đề trực tiếp tham gia công tác nữa.

Ông Tám thấy lạnh từ chân tóc đến đầu ngón chân sau câu nói đầy những danh từ của Chi.

Vẫn với dáng điệu lạnh lùng Chi quay sang Nghĩa :

— Đồng chí là hôn thê của tên Trung ?

— Dạ.

— Đồng chí biết việc đồng chí tỉnh ủy bị bắt chưa ?

— Dạ chưa.

— Có một kẻ bội phản đã chỉ cho quân đội bắt đồng chí tỉnh ủy. Đồng chí có biết kẻ phản bội ấy là ai không ?

— Dạ làm sao tôi biết được.

— Chính giáo viên Lê-văn-Trung hôn phu của đồng chí.

Nghĩa điếng người lo sợ. Nàng đăm đăm nhìn vào cặp mắt lạnh lùng của Chi như cố ức đoán xem những quyết định kinh khủng nào đang dấu kín trong ấy.

Nghĩa không phải chờ lâu — Chi đã lại cất tiếng — vẫn với giọng nói đều đều :

— Đảng đã lên án tử hình tên Trung. Chúng tôi lãnh nhiệm vụ thi hành bản án ấy.

Câu nói chậm lại, một nụ cười nham hiểm thoáng nở :

— Và chúng tôi trông cậy ở sự phụ lực của cán bộ địa phương nhất là những thành phần tiến bộ tư tưởng như đồng chí...

Quay sang ông Tám, Chi tiếp :

— Và cả đồng chí nữa.

Như quên cả phút sợ hãi ban đầu, Nghĩa vùng lên cổ cãi.

— Tôi không tin là anh Trung có làm việc ấy. Tôi biết anh ấy rất rõ. Tuy không có cảm tình với Đảng, nhưng anh không làm việc ấy. Vả lại có bao giờ anh biết được tổ chức của Đảng.

Chi lừ lừ nhìn Nghĩa :

— Đồng chí quá nặng về tình cảm mới nhìn lệch vấn đề như thế. Có tên gián điệp nào sơn bản hiệu treo lên cửa đâu. Chúng núp dưới danh hiệu giáo viên, linh mục, thương gia... để có thể che mắt thiên hạ hầu hoạt động chứ.

Gần giọng Chi tiếp :

— Nhưng bốn phận của chúng ta không phải là thảo luận bản án mà chính là thi hành bản án ấy.

Nghĩa run rẩy bất lực trước giọng nói đầy quyền uy của Chi.

Giọng nói đanh thép ấy vẫn thông thả vang lên bên tai nàng.

— Và đây là phần công tác của đồng chí trong công việc này. Tên gián điệp phản động ấy sẽ không bao giờ dám bước nửa bước ra khỏi khu cư trú đông đúc cả. Đảng nhờ đồng chí đưa hấn đến Vàm Kinh-Cùng...

Nghĩa đau đớn :

— Nơi mà Trung sẽ gặp các... đồng chí.

— Đồng chí thông minh lắm. Và chúng tôi cũng đã liệu trước một lý do giá trị để đồng chí có thể dễ dàng trong công tác : đêm nay có trăng, đồng chí cứ mời hấn buổi chiều đi trễ tếp bạc là không thể nào hấn nghi ngờ gì được cả. Xuồng và lưới đồng chí An sẽ lo liệu.

Nghĩa thần thờ :

— Không cần phải công phu dàn cảnh đến thế. Đi với tôi thì không bao giờ chàng nghi ngại cả.

— Vậy thì hay lắm. Đồng chí sẽ dùng địa vị thuận lợi này mà giúp ích kiến hiệu cho Đảng.

Quay lại ông Tám. Chi cắt đặt :

— Đồng chí công tác chung với chúng tôi. Chúng ta sẽ cùng ra Vàm Kinh-Cùng chờ tên phản động.

Rồi mân mê xấp giấy biên nhận tiền « ủng hộ » Chi khẽ nói, vờ như chỉ nói riêng với mình :

— Viên Trung - úy Q uậ n - trưởng mà có được mớ giấy này hần hần hài lòng lắm.

Câu nói hời hợt « vô tình » của Chi làm Nghĩa bàng hoàng lo lắng cho số phận của gia đình nàng trong lúc ông Tám nghiêng răng nuốt trọn uất hận.

Tối hôm ấy.

Vàng trắng 14 như ngại ngục không muốn chường mặt ra để phải thấy cảnh xấu xí bẩn thỉu nhất của mặt đất tục lụy.

Trong một căn chòi coi ruộng An, Chi, Sang, Cảnh, Quyền và ông Tám ngồi thu gối trên khoảnh đất khô chật hẹp.

Trời cặp mắt của từng người ra thì mọi người đều có một vẻ

bình thản bên ngoài. Nhưng chỉ có ba người bình thản thật sự là Sang, Cảnh và Quyền.

« Công tác thuộc loại hạng nhì » này không làm họ quan tâm lắm. Hơn nữa, thêm hay bớt một án mạng, cặp mắt họ cũng không đỏ hơn nữa được.

An hơi hồi hộp trước phút công tác của cán bộ trung ương.

Chi cố bình tĩnh hơn tất cả các tay chuyên nghiệp để tỏ ra có bản lĩnh cán bộ.

Riêng ông Tám thì thái độ bình thản của ông chỉ là thái độ của kẻ quá sợ đến không còn biết sợ nữa.

Có tiếng chèo võ nước.

Chi bảo An :

— Ra xem có phải hần không.

An rón rén đến núp sau bụi cây. Nửa phút sau, vãn hướng về mặt sông An gặt đầu liên tiếp.

Chi bảo Sang và Quyền :

— Hắt giầy đứng giữa mạn xuồng chừ sớm hay muộn hơn một giây là hỏng việc đấy.

Hai người ngoan ngoãn đứng dậy lo phần việc của họ.

Đến lượt Chi vừa đứng dậy vừa nói với ông Tám :

— Đồng chí ngồi yên đấy với đồng chí Cảnh.

Một phút.

Hai phút.

Tiếng chèo vỗ mặt nước nghe đã gần hơn và thoang thoảng có tiếng nói chuyện.

An thì thầm « báo cáo » :

— Sợ lộ mất, con bé có vẻ hốt hoảng :

— Hốt hoảng... thế nào ?

— Nó òa khóc, úp mặt vào ngực thằng kia.

— Còn thằng kia ?

— Có lẽ đang dở dành con bé.

Sang cười khúc khích.

— Thích nhỉ :

Chi cau có :

— Yêu cầu anh Sang chú trọng đến phần công tác hơn.

Là một « tay giết » thuần thực, Sang tự cho mình cái quyền có một tí « chứng » để đủ bản chất của một con tuấn mã. Với giọng hơi « anh chị » chàng nói :

— Thì rồi hần cũng đến phải theo ông theo bà chứ tránh đâu cho khỏi.

Chi im lặng vì giai đoạn.

An tiếp tục báo cáo :

— Con bé ôm lấy thằng kia. Miệng mấp máy nhiều thế hẳn là phải kể lể lắm thứ lắm.

— Còn thằng kia ?

— Nó ngáy người ra.

Quyền bật cười :

— Đồ đại.

Chi cau mặt nhưng vẫn nhin không nói.

Anh giơ tay ra dấu :

— Hần sắp đến chỗ căng giầy.

Quyền :

— Anh hạ tay xuống là chúng tôi quay.

Nhìn chăm chú hơn, An lầm bầm :

— Thằng này trông mặt có đáng hiền lành.

Sang :

— Thầy giáo làng mà ly.

Chi :

— Chớ làm cái mẽ ngoài.

An nói lớn hơn :

— Chuẩn bị.

Rồi nửa phút sau cánh tay từ nãy vẫn giơ cao, hạ mạnh xuống.

Sợi giây thả chùng để dấu kín dưới mặt nước, được quay

thăng lên. Chiếc xuồng nhỏ bị gió hồng thổi, mặt nước một giây, mất thăng bằng rồi lật úp xuống giữa những tiếng kêu thất thanh.

Chi mỉm cười chờ đợi trong lúc An vẫn tiếp tục quan sát. Gương mặt anh căng thẳng làm tăng vẻ quan trọng của tình hình. An báo cáo :

— Con bé không biết lội. Thăng nọ đang diu nó vào bờ.

Sang chép miệng :

— Số nó khổ. Phút cuối cùng cũng vẫn còn khổ.

Lại im lặng. Chi nắm túi để yên chỉ rằng lưỡi dao vẫn còn, nhưng sau cử chỉ ấy chàng lại nhìn Sang và Quyền ngai ngùng. Cũng may là cả hai không để ý đến thái độ kém tự tin này.

— Nó vào gần đến bờ.

Vẫn im lặng. Nhưng trong cái im lặng nặng nề này mỗi người dường như nghe rõ tiếng tâm tư của riêng mình.

Chi thăm nhủ :

— Ta sẽ tự lực thanh toán tên « phản động » này... và bằng một lẽ lối không thông thường. Muốn trị những tên đồ tể này phải tỏ ra say máu hơn chúng nó.

Sang cười một mình :

— Đề xem tên cán bộ già tuổi đảng và già lý thuyết này có thật già dặn không.

Quyền chán nản nghĩ :

— Nếu chỉ đi có 3 đứa như thường lệ, công việc sẽ giản dị hơn nhiều.

An báo cáo rất nhỏ :

— Nó trèo lên bờ. Con bé ngất đi rồi.

Sang :

— Một dịp tốt cho nó. Nên dành cho nó ân huệ sống thêm nửa giờ nữa.

Quyền :

— Nửa giờ đáng sống nhất trong đời nó.

Chi đứng dậy, ra khỏi chỗ núp, thông thả đi lại bờ sông. Sang, Quyền, An theo sau.

Trung đang làm hô hấp nhân tạo cho Nghĩa. Chàng cúi lo lắng đến nỗi không thấy bốn người đang tiến lại.

Chi lên tiếng :

— Lê-văn-Trung.

Trung ngược lên... mặt vụt tái đi trước bốn người đang đứng sát khí.

Giọng Chi thản nhiên, lạnh lùng một cách giả tạo, găng gượng :

— Lê-văn-Trung, mày bị án tử hình vì tội phản bội.

Trung run rẩy :

— Tôi có làm gì đâu ?

— Mày tố cáo cho quân đội bắt anh Kiên-Phong.

— Anh Kiên-Phong là ai ?

Một quả đấm như trời giáng của Sang làm Trung ngã bật ngửa, mắt hoa lên không còn thấy gì nữa.

Sang hỏi lại Trung :

— Anh Kiên-Phong là ai ?

Mắt vẫn chưa thấy rõ cảnh vật trước mắt, Trung càng cố lên vì không biết đối thủ sẽ đánh lúc nào. Chàng lập cập nói :

— Tôi có biết anh Kiên-Phong nào đâu.

Một quả đấm thứ nhì nện ngay vào giữa mặt Trung, Trung thấy quả đấm này nhẹ hơn, có lẽ mặt chàng còn ê về ngón đòn trước, Người thứ nhì đánh Trung là Chi.

Chi thấy ê tay nhưng chàng hài lòng vì một giòng máu từ mũi và miệng Trung bắt đầu ứa xuống cằm.

Lấy giọng của giới «hảo hóm», Chi nói trong tiếng cười gằn.

— Thế nào, mày đã nhớ à Kiên-Phong là ai chưa ?

— Dạ thật tình... tôi không biết.

Chi vội vung tay đánh liên hồi vào mặt Trung. Vừa đánh chàng vừa nói :

— Nếu thật mày không biết thì tao giúp mày.

Trận đòn lần này không làm Trung đau đớn hơn. Chàng chỉ rên rĩ không nói nữa vì sợ mỗi lời nói lại lời đến một trận đòn khác.

Chi cúi sát xuống mặt Trung. Sang bật cười vì nghĩ rằng hai người sắp hôn nhau.

Trung nghe mơ màng có tiếng nói bên tai chàng :

— Kiên-Phong là tỉnh ủy địa phương. Mày đã tố cáo với quân đội... mày hãy nhìn nhận tội trạng của mày vì cứ chối mãi thì mày cũng đến chết.

Đang rên rĩ van xin, Trung bỗng vùng lên :

— Tôi làm gì ? Tôi không làm gì cả. Tôi không hề biết anh Kiên-Phong mặt ngang mũi dọc ra sao cả thì làm thế nào mà tôi tố cáo với quân đội được.

Chi cười nhạt thọc tay vào túi. Trung hoảng hốt :

— Không các ông không thể giết tôi vô lý như thế được. Tôi đã bảo rằng chưa bao giờ tôi biết Kiên-Phong là ai cả.

Mặt Chi xanh đi vì giận. Quay lại chàng bảo Sang và Quyền :

— Năm lấy nó.

Trung vùng vẫy một cách vô vọng giữa 2 tên hộ pháp có những bàn tay cứng như thép.

Chi thông thả rút dao ra. Tay phải cầm dao, tay trái chàng nắm trên da trán của Trung thản nhiên như thái độ của người đầu bếp đang chọn chỗ để cứa dao vào cổ gà.

Mũi dao đặt nhẹ vào chỗ ửng ý nhất. Chi thông thả nhấn mạnh. Một giòng máu tràn ra nhuộm hồng lưỡi thép.

Sang nhìn Chi, cặp mắt thản nhiên như đang xem một mẫu phim « giá trị hạng nhì ».

Lưỡi dao được kéo dài theo mí tóc trong tiếng thét rợn người của Trung. Người giáo viên đáng thương cố gắng dồn tâm lực vùng vẫy nhưng vẫn hoàn toàn vô vọng.

Một tấm màn máu phủ mỏng lên mặt Trung.

Chi cất dao trở vào túi chùi tay trên quần rồi thông thả bảo Trung :

— Tao sẽ lột da đầu mày xem óc mày chứa chất những gì.

Câu nói vừa dứt, hai bàn tay chưa chùi sạch máu ấy đã lại đưa lên mặt Trung. Trung có cảm tưởng tay Chi thật lạnh, đúng như đôi tay của tử thần.

Dùng hai ngón tay cái, Chi vén da mặt Trung lên. Trung kêu thất thanh :

— Không... không...

Một tiếng thét trong trẻo hơn cũng vang lên cùng lúc ấy. Rồi dữ tợn như con cọp cái, Nghĩa nhảy chồm vào mình Chi.

Chi ngã xuống ; kêu lên đau đớn rồi vả liên hồi vào mặt Nghĩa, nhưng hai hàm răng người thiếu nữ vẫn không chịu nhả rời cổ tay chàng.

Sang bước lại nắm tóc Nghĩa kéo ngược lại. Sự đau đớn của Nghĩa chỉ được thể hiện ở đôi mắt — Nàng không kêu một tiếng máu Chi rỉ ra ở môi nàng lưỡi nàng ném một vị mằn mặn.

Trung gặp phút thuận tiện vùng mạnh khỏi tay Quyền chạy như bay về phía Thới-bình.

Sang vội dấn thật mạnh vào gáy Nghĩa, rồi chưa kịp thấy người thiếu nữ gục xuống, chàng đã vội bỏ chạy theo Trung.

Quyền và An cũng theo bèn gót Sang — Chi được nhả ra xuyết xoa nhìn vào cổ tay rồi cũng chạy theo 3 người.

Trung cầm đầu chạy như một người điên — Máu chảy tràn xuống mắt làm chàng chỉ thấy mờ mờ con đường mòn nhỏ — Thỉnh thoảng Trung lại ngã chúi xuống, chàng cố gắng bò vội vài bước rồi lại đứng lên lảo đảo chạy những bước ngắn và yếu.

Sang đã theo kịp Trung, hấn dang tay ra hiệu cho mọi người dừng đứng vào chàng, và cả bốn thong thả bước theo Trung mặt hí hửng như 4 đứa trẻ đang dự một trò chơi thích thú.

Chi lại đứng trước mặt Trung. Trung vẫn lầm lũi bước đến và sắp lúi vào hấn — Chi đỡ nhẹ Trung ra, nhưng dù Chi chỉ khẽ đụng vào, Trung vẫn ngã nghiêng sang một bên.

Chi bước lại, cẩn thận cướ da mặt Trung lên đến nửa đầu.

An khùng khiếp thét lên.

— Cho hấn chết ngay đi.
Chi đứng đĩnh :

— Đi đâu mà vội.

Rồi vẫn thong thả, An cuốn da đầu Trung ra sau.

Đến lượt Sang nhẩn mặt :

— Thôi giết hấn đi.

Chi sung sướng ra mặt, giọng thân mật hơn :

— Mây sợ à ?

Trung từ từ ngồi dậy trước sự khùng khiếp của mọi người.

Chi nắm Trung lại rồi kéo da trán Trung xuống đến mũi.

Quyền lợm giọng :

— Giết quách hấn đi.

Chi hài lòng — Chàng biết rằng bằng tác phẩm đầu tay này chàng đã qua mặt được tất cả bọn đao phủ chưa bao giờ hiểu hết nghĩa hai chữ khuất phục.

Đứng lên với dáng dấp của một kẻ đàn anh, Chi chỉ mặt Sang :

— Mây hóa kiếp cho nó đi,
Sang.

Sang ngoan ngoãn lại đỡ lưỡi
dao ở tay Chi.

Lưỡi thép hoa lên sáng loáng
rồi cắm ngập vào ngực Trung.

Một tiếng thét đau đớn vang
lên — Mọi người quay lại.

Bóng Nghĩa hấp tấp chạy còn
thấy thấp thoáng sau hàng dừa
đang bình thần đu đưa theo
ngọn gió hiền Hậu giang.

NGUYỄN ĐẠT THỊNH

Mới phát hành

Thi phẩm HOA THỂ

của Lê Minh Ngọc

- Một tác phẩm đẹp cả lời lẫn ý
- Một công trình ăn loát mỹ thuật

Tổng phát hành : Đinh thị Thục Oanh
345/2, Phan Đình Phùng
Saigon

Sách mới
THƯỞ BẠN ĐẦU
CỦA MINH-ĐỨC

Sách dày 178 trang,
bìa năm màu — Giá 35đ.
do nhà Song-Thu xuất bản

- Một tập truyện ngắn tình cảm thời đại.
- Một công trình sáng tạo ghi lại một cuộc sống hào hứng trong một giai đoạn lịch sử đấu tranh gian khổ của dân tộc.

THANH TRUNG

Đường về

MƯA bay thì nghiêng nhưng nhớ
Ngượng ngùng đốm lửa đầu ô
Một dáng tỉnh chưa thổ lộ
Nhịp bàn tay quên bơ vơ
Thế mà rủ rê niềm nhớ
Ngon như khao khát sông hồ
Em đi lối vòng dã thú
Mình ơi, màu sương vào thu ?
Tháng năm chập chùng xuôi đồ
Người ta nào ai ưu tư ?

Ồ không khung giờ cách trở
Ồ không heo may trong thư
Vẫn hẹn thăm nhau sờ sợ
Thương mình nợ trả vu vơ...
Em làm hoa mùa một thuở
Sống bằng tình cảm hoang sơ...
Bao nhiêu lẻ loi kẻ chợ
Đường về na ná ngày thơ...

PHẦN THỨ BA

Phần thứ ba (tin tức và tài liệu) của Văn Hữu số 19 này được hoàn thành với sự cộng tác của các bạn : Đức Hạnh — Hàn Thi — Phong Vũ — Hùng Phương — Sĩ Trung.

GIÓ ĐÔNG... GIÓ TÂY...

TRONG NƯỚC

DIỄN THUYẾT

— Ông Phạm-văn-Hương, Tiến sĩ Lý hóa cơ cấu, trên đường từ Pháp sang Nhật để tham dự Hội nghị quốc tế về « cơ cấu phân tử và khoa học phân quang học », đã diễn thuyết tại khoa học đại học đường về đề tài: « Sinh viên Việt Nam tại ngoại quốc với công cuộc khảo cứu khoa học ».

Diễn giả cho rằng muốn tăng thêm các phương tiện kỹ thuật và nhân bản một quốc gia, và muốn duy trì một địa vị xứng đáng với quá khứ của mình trước hết phải nghĩ đến căn bản dựa trên đó, tức là khoa học, và những áp dụng của khoa học trong tất cả mọi ngành.

Tiếp đó, ông nói về điều kiện sinh hoạt của sinh viên Việt Nam tại ngoại quốc, trước khi họ gia

nhập ngành khảo cứu khoa học, và phong trào Đông-du của thanh niên Việt Nam sang Nhật hồi 1904-1906. Ông cũng đề cập đến điều kiện, vật chất và tinh thần của các sinh viên ta tại các quốc gia Âu và Á-châu nhất là ở Pháp và Mỹ.

Tại Hoa-kỳ, sinh viên có nhiều cơ hội để theo đuổi ngành khảo cứu. Những người mới bước chân vào ngành này, dù là sinh viên Việt Nam, thường cũng không bị thiếu tiền bạc để theo đuổi công cuộc tìm tòi khoa học.

Ở Pháp có nhiều cấp bằng tiến sĩ trong ngành khoa học, vì có nhiều cơ quan dành trợ cấp cho các thanh niên để theo đuổi công cuộc khảo cứu.

Ông cho biết những môn khảo cứu, mà các sinh viên Việt Nam

hay lựa chọn đề theo đuổi ở ngoại quốc, cùng con số khả quan về các nhà khảo cứu Việt Nam đã thành công ở Mỹ cũng như ở Pháp. Thanh niên Việt Nam có thể thành công trong bất cứ ngành khảo cứu nào ở ngoại quốc. Họ không phải chỉ có khiếu về môn văn chương như người ta thường nghĩ. Sở dĩ trước kia ít có nhà khoa học Việt Nam, là vì người ta đã không chịu hướng dẫn họ về ngành này.

Diễn giả kết luận : tỏ ý tin tưởng ở tương lai ngành khoa học Việt Nam, nơi mà ít lâu nay, ngành Đại học đã phát triển trên những căn bản vững chắc, và đã có một Trung Tâm quốc gia khảo cứu khoa học.

— Tối thứ ba 28-8, ông Phạm văn Hương lại diễn thuyết bằng tiếng Pháp, về đề tài « Application de la Spectroscopie infra-rouge dans l'étude du caractère acceptent de proton des carbures acétyléniques ».

..

— Tại Trung Tâm Thanh niên Tin Lành đường Phan-văn-Trị, Trung tá mục sư John Lindvall tuyên úy trưởng p h á i b o

M.A.A.G. đã nói chuyện về đề tài « Thanh niên trong sự bối rối ».

Sau buổi nói chuyện, có chiếu một cuốn phim về khoa học.

..

— Sáng 16-9, tại trường Quốc gia Âm nhạc, ông Cô Liêu đã nói về đề tài : « Tìm hiểu một vài quan niệm về tiểu thuyết ».

★

NHẠC

BAN NHẠC « NGŨ TẤU MỘC PHONG » NỮ U ƯỚC RA MẮT THỈNH GIẢ THỦ ĐỘ. —

« Ban nhạc Ngũ Tấu Mộc Phong Nữ U Ước vừa tới Saigon. Cuộc viễn du của ban nhạc này nhằm mục đích giới thiệu các nghệ sĩ trong ban nhạc, và các bản nhạc mới, tìm các nguồn cảm hứng, và học hỏi thêm ở nền âm nhạc Đông phương.

Ban nhạc gồm có 5 người chơi các nhạc cụ loại mộc phương : Sammuel Baron (sáo), Arthur Weiberg (kèn basson), David Geuser (hắc tiêu), Renold Roseman (kèn hautbois), Froelich (kèn cor).

Các nhạc sĩ này là giáo sư nhạc tại các Đại học đường Nữ Ước, đôi khi có viễn du qua Âu-châu, hay Nam Mỹ. Đây là lần đầu, họ qua các nước ở Viễn Đông. Sau khi trình diễn ở Việt Nam, họ sẽ qua Lào, Cambodge, Thái Lan, Nhật Bản, Tân Gia Ba, Đài Loan.

Buổi đầu tiên, ban nhạc đã trình diễn tại Huế vào hôm 20-8 và tiếp đó, tối 21-8, ban nhạc đã biểu diễn tài nghệ tại trường Quốc gia Âm nhạc Saigon. Chương trình gồm có các bản cổ điển của Mozart, Beethoven, các bản nhạc mới của Jacques Ybert, Jean François, David Milo, Walter Piston Wallington-fond, Elliot Carter, Gunther Schuller, Ovidey Porter.



HAI NHẠC SĨ ÚC TRÌNH DIỄN. — Tối 26-8, hai nhạc sĩ Úc Đại Lợi nổi danh Harry Hutchins và Anne Howett đã trình diễn tại trường Quốc gia Âm nhạc để lấy tiền giúp bệnh nhân cùi Chợ-quán.

Hai nhạc sĩ đã cho thính giả thưởng thức tài nghệ qua các tác phẩm của Bloch, Beethoven, Paganini Tschcrikowsky v.v...

Sau khi rời Việt Nam, đôi nhạc sĩ này sẽ viếng thăm nhiều nước ở Á-châu.



DOÃN-CHÂU-BẢO TRÌNH DIỄN DƯƠNG CẦM. — Doãn-Châu-Bảo, một nhạc sĩ dương cầm rất trẻ, và tài hoa, đã từng trình diễn gần đây nhiều lần trước công chúng Thủ đô, chiều thứ bảy rồi lại ra mắt tại phòng Lamartine.

Sau khi chơi bản Prélude và Fugue số 2 của Bach, thính giả lần lượt được nghe « Premier impromptu » của Chopin, La Berceuse, và La Polonaise ở cung *la* của Chopin.

Nghỉ một lát nhạc sĩ dạo bản Sonate ở cung *si* của Mozart và cuối cùng một bản của Listz với một tài nghệ khá điêu luyện, làm thính giả vỗ tay tán thưởng không ngớt.

Doãn-Châu-Bảo là học trò bà Nguyễn-Khắc-Cung, đã đoạt giải nhất dương cầm năm 1961 của trường Quốc gia Âm nhạc. Có lẽ ông sẽ được học bổng đi du học ngoại quốc, do đó tài nghệ của ông chắc chắn sẽ phát triển, sẽ được cơ hội nảy nở.



HỌA

TRANH KERMANDI. — Kemandi là một họa sĩ người Mỹ, đã trưng bày tác phẩm của ông tại phòng triển lãm đường Tự Do, với đề tài « Người và phong cảnh của ba đại lục ». Tất cả có chừng 50 bức thủy mặc và chì, số lớn là những cảnh vật ở Việt Nam, và phong cảnh ở Đức, ở Mỹ, ở Mễ Tây Cơ. Ngoài những bức vẽ phong cảnh, có chừng mười bức chân dung thiếu nữ.

.*.*

TRANH LÊ-CAO-PHAN. — Lần thứ nhất Lê-Cao-Phan đưa ra trình diện với thiên hạ — từ 2-8 đến 12-8 — hơn bảy mươi bức tranh sơn dầu, là công trình của mấy năm trời cần cù làm việc. Tuy là lần đầu, song, ông đã lấy được nhiều cảm tình của khách xem tranh. Ông vốn là một nhạc sĩ có tài, thế mà khi sang ngành họa, ông cũng bước vững chắc, tuy không theo học một trường chuyên môn nào cả. Vì thế những tác phẩm của ông đều mang tính cách cổ điển, không trừu tượng, không lập thể, gần gũi với tâm hồn người Việt Nam.

NỮ HỌA SĨ THU NGÀ. —

Sau cuộc triển lãm của Lê-Cao-Phan, là cuộc trưng bày tranh của bà Thu Nga. Trường hợp của họa sĩ Thu Nga cũng khá đặc biệt : Bà đã đứng tuổi, chưa hề theo học một lớp hội họa nào, khi còn nhỏ tuổi chỉ vẽ chơi chơi lối thủy mặc, thế mà bây giờ, vẽ tranh sơn dầu, như một người vốn thành thạo từ lâu.

Bà trưng bày chừng tám mươi bức tranh khổ lớn phần nhiều là phong cảnh rừng núi, hoặc các khu phố. Mới bước chân vào phòng tranh, người ta có cảm giác rất vui, vì những màu sắc tươi sáng, rực rỡ của họa phẩm.

Nhiều bức nét bút đi thật mạnh, thật vững không thể ngờ có được ở một nữ họa sĩ lần đầu tiên cầm cọ vẽ tranh sơn dầu. Số lớn tác phẩm của bà cho ta thấy sự vội vàng ; trong cách bố cục và điểm màu. Màu sắc ở nhiều bức còn ngây dại, tỏ rõ tác giả đang dò dẫm đường đi.

Phòng tranh của bà Thu Nga, tuy nhiên đã mang nhiều sắc thái đặc biệt, người ta có ý nghĩ như được xem tác phẩm của nhiều lối vẽ khác nhau.

Bà Thu Nga đã trích ra ba mươi phần trăm tổng số tiền bán

tranh — bán được hơn hai mươi bức — giúp vào quỹ Hồng Thập Tự.



TRANH VĂN-BA. — Phòng tranh của Văn Ba khác hẳn với mấy cuộc trưng bày của Lê-Cao-Phan, Thu-Nga.

Trên hơn một trăm bức trưng bày, ngoài một số sơn dầu, còn có chừng hơn năm chục bức vẽ bột màu, phấn tiên và thủy mặc. Văn Ba thành công ở bột màu hơn là sơn dầu. Những bức vẽ hoa, quả bằng bột màu làm đẹp mắt người thưởng ngoạn. Cho nên hầu hết những bức tĩnh vật của Văn Ba đã bán được cho khách chơi tranh.



TRANH REJANE. — Chiều 23-8, tại trụ sở Pháp Văn Đồng Minh Hội đã khai mạc cuộc triển lãm tranh của nữ họa sĩ Rejane.

Tất cả có 35 bức tranh sơn dầu, số lớn là phong cảnh ở Việt Nam.

Nữ họa sĩ đã trích tiền bán bốn bức tranh đầu tiên để giúp vào quỹ đồng bào Thượng di cư.



TRANH TRÍ MINH. — Từ 31-8 Trí Minh đã bày chừng bốn mươi bức tranh vẽ chì, sơn dầu, đều là những phong cảnh của ba thành phố Đài Loan, Đông Kinh, và Thượng Hải, là những nơi ông vừa có dịp để chân tới.

Tranh của Trí Minh, cũng như mọi lần trưng bày trước không có gì mới lạ tuy ông đã có nhiều cố gắng để chuyển hướng, song vẫn được một số khách ngoại quốc hiếu kỳ mua. Đó cũng là một trường hợp đặc biệt.



TRANH VĂN ĐOÁN. — Đây là lần thứ hai, trong vòng ba năm, Văn Đoán lại được dịp trưng bày tác phẩm của ông với công chúng Thủ Đô. Tất cả có hơn bảy mươi sơn dầu và phấn tiên, đề tài số lớn là những phong cảnh miền quê, miền núi và chân dung.

So với lần trước, lần này, sự tiến bộ của Văn Đoán đã khá rõ rệt về kỹ thuật : bố cục vững, màu sắc hòa hợp. Người ta có thể tin tưởng rằng Văn Đoán sẽ có thể còn tiến xa hơn nữa, với sự cần cù làm việc của ông.

TRIỂN LÃM HỌA PHẨM MIỀN THƯỢNG. — Do sáng kiến của Văn Hóa Vụ, các họa sĩ Văn Nhan, Huy Tường, Chí Ngộ, Trí Minh, Văn Đen, Nhan Chí, Văn Phái, Lê Minh... đã chia nhau lên các vùng Dalat, Ban Mê Thuột để tìm đề tài sáng tác. Sau một thời gian các họa sĩ đã hoàn thành xong tác phẩm của mình, gồm toàn những chân dung, nếp sống của đồng bào Thượng và phong cảnh nơi rừng núi.

Tất cả có chừng hơn sáu chục bức tranh sơn dầu và bột màu, được đem trưng bày tại phòng Triển lãm từ cuối tháng 9-62. Tiền bán tranh, các họa sĩ sẽ trích ra bốn mươi phần trăm để giúp vào quỹ cứu trợ đồng bào Thượng ty nạn Cộng sản.



THI VẼ TRANH CHIẾN ĐẤU. — Phái bộ viện trợ kinh tế Mỹ và sở Thông Tin Hoa-kỳ Saigon tổ chức một cuộc thi vẽ tranh mô tả cuộc chiến tranh chống Cộng ở Việt Nam, những chiến công anh dũng của chiến sĩ trong Quân đội Việt Nam Cộng Hòa và công cuộc diệt trừ nạn khủng bố Việt Cộng.

Giải thưởng cuộc thi này gồm có một giải nhất 7.500 đồng, một giải nhì 5.000 đồng, một giải ba 3.000 đồng và 9 giải khuyến khích, mỗi giải 2.000 đồng.

Muốn dự thi, họa sĩ phải có quốc tịch Việt Nam. Mỗi họa sĩ có thể gửi một hay nhiều tác phẩm sơn dầu, thủy thái họa, bột màu, phấn màu, vẽ chì hoặc vẽ than, trên khổ 49 × 61 phân, hoặc 54 × 73 phân.

Trên mỗi tác phẩm, không được ghi tên họa sĩ hoặc một dấu hiệu nào ở mặt trước hay mặt sau của tấm tranh.

Tác phẩm dự thi phải được gửi đến Phòng vẽ, thuộc Phái bộ Viện trợ Kinh tế Mỹ (Usom Commedia) 82, Gia Long Saigon, hạn chót là 5 giờ chiều ngày 31 tháng 8 năm 1962.

Ban Tổ chức cuộc thi này có toàn quyền xử dụng mười hai bức tranh trúng giải. Những tranh không trúng giải cũng có thể được xử dụng với sự thỏa thuận của tác giả.

Những tranh ấy, có thể được xử dụng trong việc ấn loát, sách tạp chí, nhật báo, tài liệu thông tin, không có tính cách thương mại, nhưng có liên quan trực tiếp với cuộc thi.

Tranh ấy cũng có thể được dùng để triển lãm tại bất cứ nơi nào, và để in lịch năm 1963, do sở Thông Tin Hoa-kỳ ấn hành và tác giả sẽ được trả 2.000 đồng thù lao.

..

LỄ PHÁT THƯỞNG CUỘC THI ĂN ẢNH. — Lễ phát thưởng « Cuộc thi ăn ảnh » do tuần báo « Kịch ảnh » tổ chức đã cử hành tại Câu Lạc Bộ Văn Hóa với sự tham dự của nhiều nhà sản xuất và đạo diễn điện ảnh, tài tử màn bạc, ca sĩ tân nhạc và nghệ sĩ sân khấu ca kịch, cùng đại diện báo chí.

« Cuộc thi ăn ảnh » tổ chức gần sáu tháng nay đã đạt được kết quả khả quan, có trên 4.000 bức ảnh dự thi. Trong dịp lễ phát thưởng, ông Quốc Phong giám đốc tuần báo « Kịch Ảnh » có nhắc lại mục đích của cuộc thi là tìm những bộ mặt mới cho màn ảnh Việt Nam.

Kết quả : giải nhất về cô Kim Hồng, tư chức Saigon, được tặng một máy quay phim 8 ly, một hộp diêm trang, một học bổng trọn khóa diễn xuất điện ảnh, một bộ truyện và thơ, và

nhiều phiếu chụp ảnh, may áo dài và học lớp đánh máy.

Giải nhì về Vĩnh Tâm, được tặng một máy thu thanh, một học bổng lớp diễn xuất điện ảnh, một năm tuần báo « Kịch ảnh » một bộ truyện và thơ, 10 bản nhạc, 2 phiếu chụp ảnh một phiếu học bổng lớp đánh máy và khóa nhu đạo.

Giải ba về cô Huỳnh thị Hồng Ân Phú-Nhuận được tặng một máy pickup, một hộp diêm trang một năm báo « Kịch ảnh » một bộ truyện và thơ, 10 bản nhạc, một phiếu chụp ảnh, hai phiếu may áo dài, một học bổng lớp đánh máy.

Giải tư về cô Thảo Sương, Phú Nhuận, được tặng 1 món nữ trang và các món như giải ba. Từ giải 5 đến giải 20 đều được lãnh nhiều tặng phẩm.

..

TRIỂN LÃM THI LỊCH ESSO. — Tối 5-9 đã khai mạc triển lãm hội họa thi lịch Esso, tại 8, đại lộ Thống Nhất.

159 họa sĩ đã gửi : 311 tác phẩm tới dự. Ngoài các họa sĩ Việt Nam, cũng có mấy họa sĩ

ngoại quốc tham dự : Yasuda, Dickg, Mignot, Li Sin Ho, L. Tchín, Jacky Lin.

Ngoài số 60 ngàn đồng tiền thưởng, còn bán được 80 ngàn đồng họa phẩm.

..

TRIỂN LÃM SÁCH. — Sáng 20-8 đã khai mạc cuộc triển lãm sách Anh, về các ngành khoa học văn chương và chuyên môn, tại thư viện British Council 119, đại lộ Nguyễn Huệ. Có tất cả 4.000 cuốn sách của 20 nhà xuất bản ở Luân Đôn và Hương Cảng.

— Một số sách thuần túy về khoa học thực nghiệm đã được trình bày tại Thư viện Abraham Lincoln. Tất cả có chín mươi cuốn đều viết bằng Anh ngữ, in rất đẹp.

..

TRIỂN LÃM NHIẾP ẢNH LƯU ĐỘNG. — Với sự cộng tác của những nhiếp ảnh gia nổi tiếng, Văn Hóa Vụ đang sửa soạn tổ chức một cuộc triển lãm nhiếp ảnh mỹ thuật lưu động, tại các nước bạn ở Á-châu, Nam và Bắc Mỹ.

Các nhiếp ảnh gia ngay từ bây giờ đã có thể gửi tác phẩm đến 15, Lê Lợi để dự cuộc triển lãm này. Đề tài rất rộng rãi : thắng cảnh trong nước, cảnh sống của dân chúng v.v... Cỡ ảnh là 30 × 40 và đen trắng. Mỗi người có thể gửi dự 5 tác phẩm.

..

«CHUYỆN NĂM DẦN» MỘT CUỐN PHIM MỸ QUAY Ở VIỆT NAM. — Nhà đạo diễn Hoa-kỳ Alex Nicol và tài tử Marshal Thompson tại Hollywood vừa tới Saigon để sửa soạn quay một cuốn phim về cuộc chiến tranh chống Cộng ở Việt Nam, với sự hợp tác của ông Thái Thúc Nha, và một số tài tử điện ảnh Việt Nam.

Cuốn phim mang 'tên là « Chuyện năm DẦN » (Year of the Tiger) kể lại câu chuyện một sĩ quan Hoa-kỳ tên Benson bị thiệt mạng trong một chuyến bay trên phi cơ trực thăng.

Vai chính trong phim sẽ do tài tử Marshal Thompson đóng. Nữ tài tử Việt Nam sẽ là cô Kiều Chinh, đóng vai con gái một bác sĩ bị Việt Cộng bắt cóc.

Ngoài ra, tài tử Phi Luật Tân. Ronald Remy sẽ thủ vai thương binh đã ở lại Việt Nam sau trận Điện Biên Phủ, và một tài tử sân khấu cải lương sẽ được tuyển để đóng vai vị bác sĩ bị bắt cóc. Nhà đạo diễn Alex Nicol sẽ thủ vai phụ, một sĩ quan cao cấp của Không Lực Mỹ.

Cuốn phim đã bắt đầu quay hôm 15-8-62. Ngoại cảnh quay tại Đà-lạt và các vùng rừng núi miền Cao nguyên.

Đây là một cuốn phim 35 ly, đen trắng, và chiều lâu chừng một tiếng rưỡi đồng hồ. Ông Thái Thúc Nha cũng góp phần thực hiện cuốn phim với tư cách phụ tá đạo diễn.

♦♦

BUỔI LỄ TRAO TẶNG GIẢI THƯỞNG VĂN CHƯƠNG TOÀN QUỐC 1961 - 1962. —

Hồi 10 giờ sáng thứ bảy 8-9-1962, tại phòng triển lãm đường Tự Do, một buổi lễ long trọng đã được tổ chức để trao tặng giải thưởng cho các nhà văn, nhà thơ, dưới quyền chủ tọa của ông Bộ trưởng, đặc nhiệm Văn Hóa — Xã Hội.

Dưới đây là danh sách các vị đoạt giải thưởng :

Bộ môn KHÁO LUẬN :

Giải duy nhất : « *Việt Ngữ Chính Tả Tự Vị* » của Lê Ngọc Trụ 80.000\$00.

Bộ môn TIỂU THUYẾT :

Giải nhất : « *Thềm Hoang* » của Nhật Tiến 40.000\$00

Giải nhì đồng hạng : « *Gìn Vàng Giữ Ngọc* » của Doãn Quốc Sỹ 20.000\$00

Giải nhì đồng hạng : « *Tàu Ngựa Cũ* » của cô Linh Bảo 20.000\$00

Bộ môn THƠ :

Giải nhất : « *Đường Vào Tình Sử* » của Đinh Hùng 30.000\$00

Giải nhì : « *Hy Vọng* » của Hoàng Bảo Việt 20.000\$00

Giải ba đồng hạng : « *TỜ ẤM* » của Anh Tuyền 15.000\$00

Giải ba đồng hạng : « *40 Bài Thơ* » của Vương Đức Lệ và Mai Trung Tĩnh 15.000\$00.

Ban giám khảo văn chương kỳ này gồm các ông :

Khảo luận : Nguyễn Đăng Thục, Nguyễn Duy Cần, Nguyễn Văn Trung.

Kịch, Tiểu Thuyết : Bìn h Nguyên Lộc, Vũ Khắc Khoan, Đỗ Đức Thu, Vi Huyền Đắc.

Thơ : Vũ Hoàng Chương,
Thanh Tâm Tuyền, Đông Hồ.

Cũng nên nhắc lại đề các bạn
đọc được biết về kết quả giải
thưởng văn chương toàn quốc
kỳ năm ngoái :

Khảo luận : Nguyễn Mạnh
Bảo (*Bộ Kinh Dịch Tân Khảo*)
Hoàng Trọng Miên (*Việt Nam
Văn Học Toàn Thư*).

Tiểu thuyết : Vũ Khắc Khoan
(*Thần Tháp Rùa*) Võ Phiến
(*Tập truyện ngắn Mưa Đêm Cuối
Năm*) Bình Nguyên Lộc (*Đò
Độc*) Toàn Phong (*Đời phi
công*).

Thơ : Vũ Hoàng Chương
(*Đêm Hoa Đắng*).

Đồng thời cuộc phát giải
thưởng thi truyện ngắn của báo

Tiếng Chuông đợt sáu cũng đã
được tổ chức tại Câu lạc bộ báo
chí.

Dưới đây là tên các vị đoạt
giải thưởng :

Giải nhất : không có.

Giải nhì : Ông Huỳnh Khắc
Dụng với truyện ngắn « *Khả dĩ* »

Giải nhì : Ông Phan Văn Điền
với truyện ngắn « *Hoa bằng lăng
tím* ».

Giải ba : Lê Hữu Nghĩa với
truyện ngắn « *Sứ Mạng* »

Giải tư : Ông Nguyễn Yên
Thế với truyện ngắn « *Nhà bên
thiệt lộ* »

Giải năm : Ông Nguyễn Thanh
Nhân với truyện ngắn « *Những
mảnh vụn của cuộc đời* ».

NGOÀI NƯỚC

*PHIM ẢNH VÀ NHẠC
DÀNH CHO CÔNG CUỘC
GIÁO DỤC*. — Cơ quan Văn
Hóa Liên Hiệp Quốc vừa cho
xuất bản cuốn cương mục về
« nhạc và Điện ảnh » nói đến
159 cuốn phim vừa dài vừa
ngắn chọn lọc của 20 nước,
nhằm về việc giáo dục âm nhạc.

Cuốn sách này do Trung Tâm
Nhạc Viện ở Vienne, Áo-quốc
biên soạn với sự điều khiển của
ông Egon Kraus, tổng thư ký
Hội Giáo dục Âm nhạc Quốc tế.

Những phim âm nhạc có tánh
cách hoàn toàn giáo dục gồm
105 cuốn của 16 quốc gia, như
Nhật, Pháp, Đan Mạch, Ấn, Đức

Thụy Điền, Anh, Nga, Thụy Sĩ, Nam Tư v.v... với những đề mục như sau : Lịch sử âm nhạc và các nhà soạn nhạc, các nhạc khí, các giàn nhạc, các trung tâm khảo sát nhạc v.v...

Những cuốn phim này đều có thể đem dùng rất hữu ích trong các trường đại học trở xuống.



NHỮNG BẢN NHẠC ĐƯỢC HOAN NGHÊNH NHẤT. —

Theo bản sắp hạng của ba chục nhà xuất bản lớn nhất ở Ba-lê, thì những bản nhạc dưới đây đã được hoan nghênh nhất trong 6 tháng đầu năm 1962.

Un clair de lune à Maubenge
Retiens la nuit
Ah ! si j'étais resté célibataire
Un Mexicain
Espérance
Deux enfants au soleil
La leçon de Twist
Cheveux fous et lèvres roses
J'entends siffler le train
Un premier amour
Le chemin de la joies
Douce violence v.v...

Theo các nhà xuất bản, hai bản *Le Twist* .du canotier của Maurice Chevalier và *Les chaus-*

settes noires, bản *J'entends siffler le train* của Richard Anthong là những bản được người ta ưa thích nhất.



NHỮNG PHẦN THƯỞNG TẠI ĐẠI HỘI ĐIỆN ẢNH VENISE LẦN THỨ 23.— Dưới đây là những phần thưởng tại Đại hội Điện ảnh Quốc tế ở Venice lần thứ 23 :

— Giải «*Sur tử vàng*» ban đồng thời phim «*Cronaca Familiare*» (Nhật ký) của Valerio Zurlini (Ý) và phim «*L'Enfant d'Ivan*» của Audrey Tarkovski (Nga).

— Giải đặc biệt của ban giám khảo cấp cho phim «*Vivre sa vie*» của Jean Luc Godard.

— Giải Volpi về diễn xuất của nam tài tử ban cho Burt Lancaster trong phim «*Birdman of Alcatraz*» (Mỹ).

— Giải Volpi về diễn xuất nữ tài tử ban cho Emmanuèle Riva trong phim «*Thérèse Deyqueyroux*» (Pháp). Đây là giải thưởng duy nhất được toàn thể bỏ thăm.

— Giải tác phẩm đứng đầu ban lần đầu tiên trong năm nay, đã ban đồng thời cho phim Mỹ

« David et Lisa » của Frank Perri, và cho phim A-căn-Đình « Los Inundados » mà đạo diễn là Fernando Birri.

Có lời ban khen đặc biệt cho phim Pháp « Cybele ou les dimanches de Ville d'Avray » của Serge Bourguignon.

..

MỘT TỶ CUỐN SÁCH MỖI NĂM CHO ĐỘC GIẢ MỸ. —

Ở Mỹ mỗi ngày người ta càng đọc sách nhiều hơn. Năm ngoái, có chừng 15.000 tác phẩm in ra, và bán được gần một tỷ cuốn sách kể cả sách giáo khoa và kỹ thuật.

Hiện nay ở Mỹ có 15.000 thư viện công cộng, và 29.000 thư viện dành cho học sinh và sinh viên. Mỗi năm những thư viện này đã cho mượn đến 5.000.000 cuốn.

Những hiệu sách và thư viện đã tiến được một bước khá dài từ sau thế chiến thứ hai. Chẳng hạn như Free Public Library tại Kentucky, là một tiệm sách — « thư viện » — hết sức tối tân. Người ta có thể vào đọc sách, thưởng ngoạn họa phẩm, xem

chiếu bóng, xem vô tuyến truyền hình, nghe đĩa hát, hoặc mượn vẽ, thì có thể mượn các dụng cụ ngay đấy. Sau đó, khách thích, thì có thể chọn mua một cuốn sách một đĩa hát, một mỹ thuật phẩm, và để địa chỉ lại, đến cuối tháng mới trả tiền. Nếu khách thích chơi một vài bức họa, song đắt quá, không có tiền mua, thì có thể thuê vài tháng, đem về nhà bày chơi, với một giá tiền rất hạ.

..

TRỘM HỌA PHẨM. — Một vụ trộm họa phẩm ở Luân Đôn đã xảy ra trong tháng tám vừa qua. Ba mươi lăm bức trị giá 400.000 Anh kim, đã bị trộm lên vào Bảo tàng viện ban đêm lấy đi, mà không ai hay. Trong số họa phẩm mất trộm, có tranh của Picasso, Monet, Bonnard, Lautrec v.v...

..

TRIỂN LÃM ĐIỆN ẢNH Ở ĐÔNG KINH. — Một cuộc triển lãm điện ảnh Pháp vừa được tổ chức ở Đông Kinh. Tất cả nền điện ảnh Pháp từ tác phẩm của Miliès đến những sản phẩm của

đợt sống mới bây giờ đều được trưng bày, đồng thời cả một thư viện rất đầy đủ về điện ảnh, đã giúp một cách hữu ích cho đại hội điện ảnh đang diễn ra ở Đông Kinh.

..

CẢI TIẾN KHÔNG KHÍ XÃ HỘI BẰNG ÂM NHẠC. —

« Chơi và làm việc » đó là khẩu hiệu được áp dụng ở các xí nghiệp bên Đức, sau một Hội nghị của các nhà chuyên môn họp ở Đại học đường Erlangen Âm nhạc, kịch, thể thao, tất cả những hoạt động văn nghệ đều được phát triển ở các xí nghiệp nhằm mục đích cải tiến khí hậu xã hội cho giới lao động. Người ta rất chú trọng đến vai trò giáo dục và sự quan trọng của sân khấu, vì do nơi đây, mà những người làm trong các xí nghiệp, đã được dịp thoát ly khỏi cái « nhân vật hàng ngày » mà họ thường đóng, và đồng thời đề hiểu nhau hơn nữa. Chẳng hạn, một anh vốn nhút nhát khi lên sân khấu lại thủ vai võ tướng, hoặc anh đốc công, vốn tính bồng hách, lại chơi vai anh bếp. Trên sân khấu, ông giám đốc cũng như anh thợ học việc thấy mình trong chốc lát tinh thần

thoải mái, rũ hết những ưu phiền ban ngày. Ai nấy đều coi bình đẳng như nhau, vì ai nấy đều phải theo một kỷ luật của sân khấu, không còn ai là xếp, hay người làm công, vì mọi người đều chỉ nghĩ đến vai trò của mình sắp phải diễn.

Còn âm nhạc, thì thời nào cũng ảnh hưởng sâu xa đến tâm hồn con người. Các giàn nhạc tài tử tổ chức trong các xí nghiệp đã giữ vai trò trọng yếu trong việc cải tiến khí hậu xã hội. Không ai lấy làm ngạc nhiên, khi thấy một vị đã từng đoạt giải Nobel, hiện đang quản nhiệm một xí nghiệp lớn ở nước Nam Đức, đứng ra thổi kèn giúp vui cho anh em thợ thuyền. Hiện nay, hầu hết các xí nghiệp lớn nhỏ đều có hoặc một ban kịch, hoặc một giàn nhạc.

..

125 NĂM MỚI HOÀN THÀNH XONG BỘ TỰ ĐIỂN.

— Các nhà bác học Đức vừa mới hoàn thành bộ tự điển dài nhất, quan trọng nhất gồm 32 cuốn. Công trình này khởi sự bởi hai anh em nhà văn Wilhelm và Jacob Grimm, với ý định thu thập tất cả những danh từ có

từ thế kỷ 16 cho đến thời của các ông. Các ông đã thu thập được rất nhiều ghi chú về lịch sử về những thay đổi nghĩa của các danh từ dùng trong văn chương Đức.

Song cuộc đời ngắn ngủi của hai anh em Grimm, chỉ cho phép ông làm đến chữ D thôi. Năm mươi năm sau, vẫn chưa có ai nối tiếp công việc của hai ông. Mãi cho đến đầu thế kỷ này, mới có sáu người dám bắt tay vào công việc, mà cũng không đi đến đâu, bởi ai cũng hiểu rằng muốn thực hiện công trình vĩ đại đó anh em ông Grimm hoạch định ra, thì cần phải tổ chức một bộ tham mưu thật giỏi. Việc chia đôi hai miền Đông Tây

Bá-linh lại càng làm khó khăn thêm cho những người có thiện chí. Nhưng cơ quan « Office recherches Allemand » đã đứng ra để thực hiện cho được bộ tự điển hoàn toàn theo ý tưởng của Grimm. Cơ quan này đã bỏ ra một số tiền lớn lao hòa hợp được sự cộng tác giữa hai miền Đông-Tây, khiến cho mọi công việc vẫn tiếp tục được đều đều, không hề bị gián đoạn.

Và bây giờ đây thì bộ tự điển Grimm đã hoàn thành một cách rất tốt đẹp đầy đủ. Đó là kết quả của 125 năm làm việc, một công trình phối hợp của các văn nhân, với các nhà bác học, chính trị gia.

HÀM ANH

Đón đọc:

★ ĐƯỜNG LÊN THIÊN THAI

Thơ VƯƠNG ĐỨC LỆ
(Giải thưởng Văn Chương
toàn quốc 1961 - 1962)

★ NGOÀI VƯỜN ĐỊA ĐÀNG

Thơ MAI TRUNG TĨNH
(Giải thưởng Văn Chương
toàn quốc 1961 - 1962)

TÀI LIỆU

Những người nắm quyền kinh tế tại Hoa Kỳ

KHI đề cập tới vấn đề điều khiển nền kinh tế Hoa-kỳ, nhà kinh tế học lỗi lạc Summer H. Schlichter, cũng là giáo sư Đại học đường Harvard đã tuyên bố rằng : việc tổ chức những công cuộc đại kinh doanh, đại xí nghiệp, đại công tác của chính phủ đã làm cho một số người có cảm tưởng rằng đó là hình thức tập quyền mà các lý thuyết gia đã từng loan báo. Đó là một sự nhầm lẫn. Vấn đề hiện tại không phải là để sửa chữa tình trạng hiện hữu, mà cốt để hoàn thiện tiến trình đưa đến những quyết định chính yếu.

Xét cho kỹ thì việc tập trung quyền hành vào một số khu vực không có gì là xung khắc với vấn đề phân tán quyền hành. Điểm chủ yếu của 150 năm mới đây là sự phân tán quyền hành kinh tế quá lẻ tẻ hoặc bởi cách tặng gia số tư hữu cơ bản hoặc thiết lập các trung tâm phân quyền. Theo quan điểm dân chủ thì hiện tượng này có ưu điểm là làm thay đổi được điều kiện sinh sống giúp dân có phương tiện dễ dàng thích nghi theo đà tiến hóa. Trái lại, nó cũng có cái bất lợi là thu hẹp khả năng theo đuổi được một đường lối kế hoạch lâu dài.

Mặc chủ trương tiến bộ kỹ thuật sẽ tập trung quyền hành trong tay giai cấp công nhân, đào sâu thêm hố chia rẽ giữa bọn tư bản và giới vô sản tiến đến một cuộc cách mạng tất nhiên và thắng lợi cuối cùng sẽ nằm trong tay giai cấp vô sản. Nhưng sự thật lại hoàn toàn trái ngược với các điều tiên đoán đó. Mức sản xuất và tiền công cùng gia tăng, nhu cầu đòi hỏi số thợ chuyên nghiệp cũng gia tăng và ở Hoa-kỳ, tiến bộ kỹ thuật ngày càng đẩy lui cách mạng để tạo lập một xã hội quân bình giữa các giai cấp.

Schumpeter chủ trương ngược lại rằng, kỹ nguyên xã hội chủ nghĩa là hậu quả tất nhiên của việc giới trí thức chi phối các nghiệp đoàn. Nhưng ở Hoa-kỳ lại không có tình trạng đó, vì công nhân được hoàn toàn thỏa mãn về chế độ đã bảo đảm cho họ những điều kiện sinh sống không đâu bằng.

Khác với dự kiến của các lý thuyết gia, đặc điểm thực trạng hiện thời là việc phân chia quyền hành kinh tế giữa các doanh nghiệp — nghiệp đoàn và chính phủ. Nhưng chính việc tập quyền này tự nó lại phát sinh ra sự tản quyền vì mỗi nhóm lớn lại kéo theo những nhóm nhỏ ngày càng gia tăng trong phạm vi quyền lợi bất đồng và thường khi là đối lập nhau. Do đó giới kinh doanh lại phân chia thành đại, trung, tiểu doanh nghiệp và nông dân ; nghiệp đoàn cũng chia thành nhóm không chuyên nghiệp, chuyên nghiệp còn các đại liên đoàn ; còn chính phủ thì phân chia trách nhiệm với nhà cầm quyền các quốc gia và thành thị.

Tuy nhiên sự phân chia quyền hành này đại để cũng không đồng đều giữa 3 nhóm kể trên. Vì thế cần phải phân tích tỉ mỉ về mỗi tổ chức. Giới doanh nghiệp thời gồm có các nhà đại tư bản, đại, trung và tiểu xí nghiệp, nghề tự do và nông dân. Tổng số đoàn viên vẫn xít xoát với tổng số cũ cách đây 10 năm, nhưng có 2 điểm thay đổi cần chú ý là :

— Giới doanh nghiệp không có thể trông nhờ vào sự ủng hộ của công nhân, nhất là loại công nhân nghèo. Không phải họ đã bị ảnh hưởng của nghiệp đoàn, chứng cứ là chỉ có 2.500.000 người trong số 13.600.000 người gia nhập nghiệp đoàn, mà chính là vì họ có một quan niệm về giai cấp đặc biệt và bản chất cá biệt của các đoàn viên.

Kết quả là về mặt pháp chế xã hội và tài chánh, những người công nhân này không theo chủ nhân, họ và đã thu được nhiều kết quả quan trọng. Đảng khác giới kinh doanh lại chia rẽ và cạnh tranh với quyền lợi mà các nhóm nhỏ nhận được hoặc trông chờ nơi Chính phủ.

Còn về nghiệp đoàn, với 18 triệu đoàn viên, nghĩa là tăng gấp 6 lần hồi năm 1929, ảnh hưởng kinh tế của họ cũng đáng kể như các

thắng lợi về lương bổng, an ninh, tiện nghi mà họ đã tranh đấu được. Trên bình diện chính trị, vai trò của giới này ít ảnh hưởng hơn, vì họ chỉ chú trọng tới việc tranh đấu bảo vệ quyền lợi riêng biệt cho ngành sản xuất.

Đối với Chính phủ thì đóng vai trò rất bao la trong việc hướng dẫn đường lối kinh tế. Những quyền hạn của hội đồng ngân hàng dự trữ, bộ Canh nông, hội đồng Hàng không dân sự thường có một tính cách quyết định. Còn Quốc hội, thì những quyết định về chi thu nó có tính cách phân phối lại các lợi tức ; Quốc hội cũng có toàn quyền đề đình đoạt đường hướng cho ngành sản xuất này hoặc ngành sản xuất kia hoặc chỉ thị cho các nghiệp đoàn phải làm hoặc không được làm.

Nhưng có hai yếu tố hạn chế công việc này : không quyết định gì cả thường được xem như là đường lối tốt nhất cần phải giữ ; cần phải hội đủ quá thái bán thường thường là đề cho quyết định có một hình thức trọng tài.

Trọng tương lai, không cần phải thay đổi hẳn hình thức phân quyền hiện tại. Tuy nhiên cũng cần tu chỉnh lại một vài khuynh hướng : có thể Chính phủ ngày càng mở rộng phạm vi ảnh hưởng ; ảnh hưởng của giới đại xí nghiệp trong doanh nghiệp sẽ gia tăng. Còn về nghiệp đoàn thì theo dư luận, đề hạn chế đến mức tối thiểu những quyết định độc đoán và những tệ đoan hối lộ, cũng đang bắt đầu chỉnh đốn để trở về đúng đường lối nguyên thủy.

Đối lại, việc phân quyền kinh tế làm cho quốc gia khó giải quyết được những vấn đề trọng đại. Những quan điểm bất đồng giữa các nghiệp đoàn, những quyền lợi cá biệt của các nhà sản xuất buộc phải duy trì một chế độ bảo hộ kinh tế ngược lại với lợi ích thiết thực của quốc gia tất nhiên sẽ làm cản bước tiến của công cuộc cải tiến xã hội. Do đó cần phải cải thiện lại tiến trình các quyết định về kinh tế. Vì vậy, việc tăng quyền cho Tổng Thống, vị đại diện tối cao của lợi ích quốc gia có thể sẽ là một phương tiện không thể chối cãi được.

(Theo S.H. Schlichter)

ĐỨC HẠNH

Sự phục hưng tôn giáo tại Hoa Kỳ

DÂN tộc Hoa-kỳ là một dân tộc tín giáo : theo một cuộc thăm dò dư luận mới đây thì 95% những người được phỏng vấn đã tuyên bố mình thuộc về giáo hội này hoặc giáo hội nọ. Hiện nay tôn giáo chiếm một địa vị quan trọng trong đời sống nhân dân Hoa-kỳ, trên phương diện xã hội hoặc phương diện chính trị. Tổng Thống Hoa-kỳ đã tuyên thệ trước Thánh kinh, mỗi khóa họp Quốc hội được khai mạc bằng những câu kinh và một tỷ lệ đặc biệt quan trọng dân chúng đều dự vào các cuộc tế lễ.

Hơn nữa, từ 15 năm nay người ta có thể quan sát tại Hoa-kỳ một cách rõ rệt một « phong trào phục hưng » tôn giáo và số người vô thần đã giảm đi rất nhiều, chỉ còn một thiểu số độc đáo thôi. Sự phục hưng đó được biểu hiện trong việc nhiều nhà thờ đủ các « danh hiệu » đã được xây cất, trong sự sốt sắng của nhiều người đi dự lễ, trong việc các vấn đề tôn giáo không còn xa lạ đối với dân chúng nữa. Những nhà quan sát không đồng ý về nguyên nhân của hiện tượng ấy, nhưng họ đều công nhận rằng sự bất an của thế giới ngày nay hẳn là một nguyên nhân sâu xa.

Lẽ dĩ nhiên chúng tôi không nêu lên đặc tính của sự phục hưng trên phương diện tín ngưỡng, vì nếu vậy thì hiện tượng đó không còn tính cách xã hội nữa mà trở thành một hiện tượng thuộc tâm lý học hay thần học. Hiện tượng tinh thần đó đã nêu lên biết bao câu hỏi trong ngàn câu hỏi khác nhau vào thời đại chinh phục không gian này.

Sự tiến triển của tôn giáo

Trước hết, sự phát triển tôn giáo mà nhiều nhà quan sát đều đã nhận thấy ở Hoa-kỳ được biểu hiện bằng những con số : tìm hiểu một hiện tượng có thể định lượng là một việc không khó, nhất là từ khi phương pháp thăm dò dư luận được công nhận có giá trị

trên phương diện khoa học. Thật ra những thống kê về tôn giáo không được chính xác cho lắm bởi lẽ chính những giáo hội lại khác nhau.

Dầu sao sự không chính xác đó không cản ngăn các khuynh hướng được biểu lộ và người ta có thể quan sát khuynh hướng chính : trong khoảng từ năm 1926 đến 1950, dân số Hoa-kỳ đã tăng lên được 28,6 % trong lúc đó số người gia nhập những tổ chức tôn giáo đã tăng lên 59,8 %, nghĩa là tăng nhanh hơn dân số đến hai lần.

Phong trào ấy tiếp tục từ 1950 với nhịp trung bình là 1 % mỗi năm. Kể từ những con số ghi từ 1955, người ta có thể ước lượng rằng hiện nay tỷ số tín đồ trong nước có thể lên đến hơn 70 % dân số, đây là một sự tiến bộ quan trọng vì người ta nhớ rằng đầu thế kỷ XIX, tỷ số tín đồ ở Mỹ rất kém. Sự ước lượng đó có thể ít hơn số tín đồ thật sự vì những cuộc thăm dò dư luận chứng tỏ rằng số người tự nhận thuộc về một giáo hội nhất định nào đó cao hơn những con số đã được công bố trong những danh sách chính thức. Vì thật ra nếu 70 hay 75 % những người Mỹ tự nhận là tín đồ thì có đến 20 hay 25 % dân số thuộc vào một trong những giáo dân mà không ý thức rằng họ chính thức thuộc vào một giáo hội, và con số sau gồm có thành phần được mệnh danh là « khán giả có cảm tình » với tôn giáo chỉ có độ 5 % dân số nhất định đứng ngoài thành phần đó.

Người ta ước lượng rằng tổng số giá trị những giáo đường được xây cất lên đến 75 triệu Mỹ kim, năm 1953 giá trị hơn 400 triệu và đến năm 1955 lên đến 500 triệu. Sau thế chiến thứ 2, người ta ước lượng mỗi năm tín đồ công giáo khánh thành từ 150 đến 200 thánh đường.

Sự phục hưng tôn giáo và vấn đề di dân

Trước hết chúng ta nên đọc lại lịch sử của Hợp-chúng-quốc, và đặc biệt chú ý đến mục di dân. Trước tiên, trong một thời gian khá lâu, Mỹ-quốc là nơi có nhiều kẻ bị lưu đày đến lập nghiệp.

Trong khoảng 35 năm, từ 1865 đến 1900, mỗi năm có hơn 400.000 dân cư từ Âu-châu đã đến Hoa-kỳ. Từ năm 1900 đến 1914, mỗi ngày có trên 2.000 dân cư đến lập nghiệp tại Hoa-kỳ. Đến năm 1920 khi vấn đề di dân bị hạn chế, dân số Hoa-kỳ gồm có 35 triệu người Âu, trong số đó có 6 triệu người từ Trung-Âu và Đức đến, 11 triệu người từ Đông-Âu và bán đảo Balkans, 4 triệu rưỡi người Ái-Nhĩ-Lan, 4 triệu người Anh-Cát-Lợi, 5 triệu người Ý-Đại-Lợi và 2 triệu người Scandinaves.

Trước những khó khăn của đời sống mới, dân di trú đều bù lại việc rời bỏ quê hương bằng cách quyến luyến những gì họ đem theo khi đến Mỹ-quốc. Họ vẫn ý thức rõ được quốc tịch họ : Ý-Đại-Lợi, Hy-Lạp, Hung-Gia-Lợi hoặc Tiệp-Khắc... Con cái họ mới vấp phải những vấn đề nan giải : chúng trở thành công dân Mỹ vì hấp thụ giáo dục ở nhà trường và va chạm với cuộc sống ngoài gia đình, vì thế chúng có cảm tưởng xa cách đời sống gia đình. Bị lôi kéo giữa hai yếu tố đó trong đời sống.

Không ai có thể sống cô lập thành một phần tử ngoài một khối thuần nhất. Đời sống xã hội bắt buộc người ta phải gia nhập một nhóm nào đó. Nhóm nhân chủng thời trước, với ngôn ngữ và phong tục cổ truyền không còn lý do tồn tại đối với những ai muốn được hoàn toàn đồng hóa. Nhưng nhờ tôn giáo cổ truyền của gia đình mà người ta giữ được cái gì gọi là độc đáo trong đời sống xã hội.

Trên đây là cách cắt nghĩa chính hiện tượng đồng hóa những người đến lập nghiệp tại Hoa-kỳ trước đây. Người ta cũng có thể theo đó mà phân tách hiện tượng « phục hưng » tôn giáo : sự bành trướng của những số tín đồ gia nhập các giáo phái phản ánh một cách chính xác các nhu cầu xã hội được lệ thuộc đó chỉ có thể thỏa mãn được trong tín giáo. Người ta thấy rõ một cơ cấu mới của xã hội mà từ khởi điểm không liên quan gì đến đức tin. Cái cơ cấu mới ấy có nhiều dịp may để tiến triển : càng ngày người Hoa-kỳ gửi con cái họ đến học tại những trường của các giáo phái càng đông.

Tín giáo chính tại Hoa Kỳ

Hiện nay tại Hoa-kỳ có 3 tín giáo chính : Công giáo, Cơ đốc giáo và Do thái tín giáo, cả 3 tín giáo đó tuy phát biểu những nhóm tư tưởng khác nhau nhưng có chung một lý tưởng đạo đức và những giá trị tinh thần giống nhau. Trên phương diện thần học, người ta có thể nghĩ gì về sự hỗn hợp đó thì nghĩ, nhưng trên phương diện xã hội, đây là một sự kiện hiển nhiên mà người ta không thể tách khỏi đời sống của nhân dân Hoa-kỳ.

Nhân dân Hoa-kỳ gia nhập một trong số 3 tín giáo trên.

Tôn giáo trong đời sống xã hội

Gần đây người ta nhận thấy một hiện tượng mới bắt đầu phát triển tại Hoa-kỳ : người ta đẩy mạnh phong trào hợp tác giữa các giáo phái.

Các nhà thần học chống lại cái mà người ta mệnh danh là « Tôn giáo phụng sự nhân loại ». Việc tôn thờ xã hội đó đưa con người đến một quan niệm sai lầm về Thượng-đế : người ta sẽ xem Thượng-đế như một « người tôi có uy quyền » của nhân loại có nhiệm vụ làm phát triển sự phồn thịnh kinh tế, sự tự do kinh doanh, những cải cách xã hội để mưu cho loài người hạnh phúc, an ninh và sự thịnh vượng tâm hồn.

Người ta phải công nhận rằng sự « phục hưng » tôn giáo đang đi song song với sự « phục hưng » của đức tin : các chứng cứ đã rõ ràng nhất là trong những thế hệ trẻ. Hiện nay ở Hoa-kỳ, học sinh và sinh viên đã đặt một địa vị quan trọng cho tôn giáo và sốt sắng bàn đến những vấn đề liên quan đến tín ngưỡng. Phong trào phục hưng ấy tạo nên một sức mạnh tinh thần mà chỉ tương lai mới định rõ được tầm quan trọng, khi ấy một vấn đề khác được nêu lên và đòi hỏi nhiều công việc nghiên cứu thiên về thần học hơn là xã hội học.

Huýt - Ky :

Vị thuốc cho những động mạch ?

BẠN có biết chất « Paciniline » là gì không ? Nhìn nó được trình bày trong những ống thuốc xếp thành hàng trong những hộp vuông có in những lời chỉ dẫn *uyên bác*, bạn có thể nhầm tưởng nó là một loại thuốc như Péniciline. Tuy vậy có lẽ chẳng bao giờ bạn thấy phẩm chế mới mẻ này được bày bán trong những hiệu thuốc tây. Vả lại, người đã mang tên mình đặt vào phẩm chất này chẳng phải là một bác sĩ hay một dược sư ; đó là Paul Pacini, chủ nhân và là cổ động viên của 1 lô hộp đêm. Nói trắng ra, Paciniline không là gì khác hơn là rượu Huýt-ky.

Rượu Huýt-ky trong những ống thuốc ; đó là một sáng kiến rất « Ba-lê tính » để làm sảng sốt các khách chơi đêm ngoại quốc hay ở các tỉnh nhỏ lên, một sự tò mò để mở đầu cho các câu chuyện trong các «bar» hay để kể lại cho những người ngồi kế cận trong một bữa tiệc. Phải chăng chỉ có vậy thôi ? Đối với những kẻ khờ xướng, loại Huýt-ky này còn là biểu hiệu cho một sự tin tưởng rất được phổ biến tại Pháp-quốc theo đó rượu Huýt-ky là loại rượu ít hại nhất và còn có thể coi nó như là một vị thuốc. « Rượu Huýt-ky là một vị thuốc » khẩu hiệu này, dù có đúng hay không trong thực tế đã giúp rất nhiều vào sự tăng gia tiêu thụ thứ rượu này tại Pháp-quốc. Thật vậy số lượng rượu nhập cảng tại xứ này đã chứng minh điều đó. Trong vòng 10 năm, từ 1950 đến 1960 số rượu tiêu thụ đã đi từ 234.000 chai đến 2.541.708. Trong năm 1961 con số này đã tăng lên gấp đôi, và vào năm 1962 số lượng còn tăng hơn nữa nghĩa là tiến tới vào khoảng 10 triệu chai. Ngoài ra ta còn phải kể thêm số rượu Huýt-ky làm tại chính nước Pháp và số rượu lậu thuế vào khoảng 200.000 chai do những quân nhân Mỹ đóng tại Pháp đã bán lại phần của họ.

Sự thịnh hành của rượu Huýt-ky tuy vậy không phải là một truyện thần thoại. Đó là một hiện tượng được ghi nhận và hạn định theo từng khu vực. Người ta nhận thấy rượu nào thịnh hành tại Paris, những đô thị lớn và vùng ven' bể miền Nam nước Pháp

(Côte d'Azur). Còn tại những vùng khác, người ta hầu như không biết đến loại rượu này. Tuy vậy nhiều dấu hiệu chứng tỏ rằng phong trào ðùng Huýt-ky ngày càng lan rộng.

Điểm đáng kể là rượu Huýt-ky ngày càng được quần chúng hóa. Cách đây chỉ có 10 năm, thứ rượu này chỉ được bán trong những quán rượu đặc biệt làm bằng gỗ màu tối âm u với những khung kính mờ làm lọt lạt ánh sáng mà phần đông khách hàng là những người Anglo-Saxon. Rồi từ những quán rượu nhỏ này, rượu Huýt-ky đã chinh phục lần lần các hộp đêm, những du khách Mỹ ngày nay than phiền rằng trong phần lớn các hộp đêm ở Ba-lê, những ly Huýt-ky bự đã thay thế những chai sâm banh đặc biệt Pháp.

Trong các buổi tiếp tân, rượu Huýt-ky cũng trở thành cái « mốt ». Chủ nhân sẽ ngưng ngừng nếu trong nhà không có đủ Huýt-ky để tiếp các tân khách. Trong các buổi « Sur-boum » những thiếu niên nam nữ thường dùng các thứ rượu Huýt-ky dành cho người lớn tuổi. Những người Pháp đã quen dần mùi vị rượu này và không còn chê nó có mùi bọ rệp nữa.

Những dấu hiệu chắc chắn nhất chứng tỏ sự thắng lợi của rượu Huýt-ky trên thị trường Pháp là sự hiện diện của nó tại những nhà hàng Monoprix, Prisunic... Do đó người ta nhận thấy Huýt-ky đã trở thành thứ rượu lưu dụng thông thường. Bên cạnh vài nhãn hiệu rượu nổi tiếng, giá từ 25 NF một chai, người ta còn thấy một số nhãn rượu khác ít được biết đến mà giá trung bình vào khoảng 20 NF một chai. Đó cũng là thứ rượu Huýt-ky chính cống làm tại Ê-cốt những thời gian ươm ở thùng ngắn hơn, vào khoảng có 3, 4 năm thay vì 7, 8 năm và phẩm chất pha chế cũng được ít tinh khiết hơn.

Đề đối chọi lại với sự phát triển của rượu Huýt-ky, những nhà nấu rượu Cognac thuộc vùng Charente bắt đầu hoạt động từ năm 1955, họ cho từng đoàn cổ động viên ăn mặc như người Anh-quốc, « Đó là môn thuốc giải sầu duy nhất thích hợp với chúng ta ». Nữ nhân vật chính của cuốn « Bonjour tristesse » đã nói vậy. Cũng như nhân vật của Sagan, những con người hùng của loại tiểu thuyết « đen » đều ngụp lặn trong rượu Huýt-ky hoặc logine. Và rất có thể

nhờ ở những thứ rượu này mà họ đủ có những bản năng xuất chúng phi thường. Lemmy Caution đã điềm đậm cất nghĩa như sau : « Huýt-ky là một lợi khí. Bao giờ anh cũng có thể liệng cái ly của anh vào mồm của kẻ đang cầm súng đe dọa anh ».

Ngoài Sagan và những nhà viết truyện trinh thám nổi danh, ta còn phải kể đến phim ảnh đã góp công một phần lớn vào sự quảng cáo cho rượu Huýt-ky, hơn cả những tấm giấy dán trên tường, những lời rao trên báo, những cuộc họp báo tại các khách sạn lớn v.v...

Hơn nữa những người uống rượu Huýt-ky còn cho rằng : rượu Huýt-ky là một tượng trưng cho sự thành công tin tưởng, đời bạn sẽ vẻ vang hơn nếu bạn khoe rằng : « Hồi hôm tôi uống hơi nhiều Huýt-ky quá thay vì uống rượu chát Beaujolais ». Một người đại diện cho một hàng nước hoa kể rằng : « Khi tôi mới bước chân vào nghề những khách hàng của tôi phần nhiều là thợ cạo và tôi mời họ những châu rượu chát. Bây giờ tôi tiếp xúc thường với các Giám đốc những công ty lớn và tôi mời họ dùng Huýt-ky ».

Tuy vậy không một dân nào xài rượu này tự thú họ uống Huýt-ky vì theo « mốt ». Lý lẽ đưa ra để biện minh sự ưa thích của họ là vì rượu Huýt-ky có những tính chất y dược của nó. « ...Tôi không chịu được thứ rượu nào khác hơn rượu Huýt-ky. Cứ tin tôi đi, từ hồi tôi uống nó, không còn thấy những ngày mai ưu sầu, đầu óc nặng nề, bao tử khó chịu, buồn nôn nữa... »

Và đây là câu hỏi khởi điểm của chúng ta : Phải nghĩ sao về những lời nói này, được nhắc đi nhắc lại hàng ngàn lần , và thường thường rất là thành thực ?

Câu trả lời không dễ gì. Rượu Huýt-ky có từ 40 đến 45% rượu cồn nguyên chất. Mà theo nhà chuyên môn Sully Lederman thì độc tính của các loại rượu tùy ở số lượng rượu cồn nguyên chất của nó. Do đó chúng ta không thể chối cãi được sự kiện này. Huýt-ky là một thứ rượu cồn và nếu ta uống nhiều quá thì nó sẽ đưa đến những hậu quả tai hại cho cơ thể, nhất là cho thần kinh hệ và bộ máy tiêu hóa. Những nhà lọc rượu xứ Ê-cốt cũng không phủ nhận sự thật này. Gần Edimburg, người ta đọc trên những tấm bản bên

lẽ đường những hàng chữ kỳ khôi như sau : « Phải, Huýt-ky là thứ rượu ít hại trong các thứ rượu, nhưng khi lái xe bạn nên uống nước trà thì hơn ».

Điều này tuy được xác định, nhưng người ta không chối cãi được là các thứ rượu có độc tính nặng, nhẹ khác nhau tùy theo phẩm chất và số lượng các hóa phẩm phụ thuộc được kết hợp trong rượu. Để đi đến những kết quả chính xác, người ta đã lọc lấy những hóa phẩm phụ thuộc này riêng biệt ra và đo lường hậu quả xấu, tốt của chúng theo nhiều loại người khác nhau. Những người không uống rượu, những bọm nhậu hay những kẻ uống vừa phải thôi kết quả thường cho thấy những hóa phẩm này rất có hại cho dạ dày và mạch máu. Nếu đem so sánh rượu Huýt-ky với một số rượu khác ta thấy số lượng các hóa phẩm loại hại này được phân phối đều và ít hơn các thứ rượu khác. Do đó rượu Huýt-ky có phần ít hại hơn các thứ rượu khác.

Huýt-ky chống lại chứng huyết khối

NHỮNG bọm nhậu rượu Huýt-ky không chỉ bằng lòng có như vậy. Họ quả quyết rằng rượu Huýt-ky đã được các y-sĩ khuyên dùng trong trường hợp bị chứng huyết khối ở tim (Infactus du myocarde). Họ cũng nhắc lại trường hợp nhà văn Cocteau đã khỏi bệnh trên bằng cách này.

Theo những bác sĩ chuyên môn về bệnh tim thì hiệu năng của Huýt-ky làm lưu thông các huyết quản và đã được xác định. Da dẻ hồng hào của những người uống rượu được giải thích bằng sự nẩy nở những huyết quản và mạch máu của họ. Tuy vậy năng hiệu này không có ảnh hưởng gì tới công cuộc điều trị bệnh đau tim. Nếu các bác sĩ còn cho các bệnh nhân uống Huýt-ky với 1 phân lượng nhỏ, vì rượu này hợp với họ và được dùng với 1 số lượng nhỏ nó không có gì là hại cả. Còn được tính của nó đối với một số bệnh về tim thì cho tới nay vẫn chưa được xác định.

Nói tóm lại Huýt-ky là một trong những thứ rượu uống lành nhất. Nhưng nó không phải là một vị thuốc và người ta không thể tách nó ra khỏi các thứ rượu khác mà đem gán cho nó những đặc tính y được được !

PHONG VŨ

(*Phỏng dịch theo : Robert Valmy*)



Sinh hoạt tại các đô thị lớn ở Mỹ

NHIỀU du khách tưởng rằng Nữ-ước là thành phố tượng trưng cho cả nước Hoa-kỳ. Nghĩ như thế là lầm ! Nữ-ước không phải là một thành phố tượng trưng cho cả nước Hoa-kỳ.

Không như Ba-lê tượng trưng cho nước Pháp hay Luân-đôn nước Anh, thành phố Nữ-ước chỉ tiêu biểu một phần nào cho nước Mỹ thôi.

Tuy nhiên, đứng trên phương diện văn minh của những đô thị lớn trên thế giới, Nữ-ước là một thành phố đáng cho ta chú ý hơn các thành phố ở Âu-châu. Nền văn minh ấy đã phát khởi từ một hòn đảo nhỏ ở Manhattan và đang lan tràn xâm chiếm cả nước Mỹ, từ bờ Đại tây dương đến bờ Thái bình dương.

Một đặc điểm là bất cứ một thành phố nào của Hoa-kỳ cũng đều ước vọng được ngang hàng với Nữ-ước, Bất chước Nữ-ước, nơi nào họ cũng gọi là « Khu kinh doanh », mặc dầu danh từ ấy lắm lúc không đúng chút nào về mặt địa hình. Tại đảo Manhattan, đất đai hiếm hoi và rất đắt tiền, dân chúng bắt buộc phải xây những ngôi « nhà chọc trời » để ở. Thay thế, nhiều thành phố khác, mặc dầu đất đai rộng mênh mông, cũng bắt chước xây những tòa nhà nhiều tầng cao vọi vọi.

Còn rất nhiều thí dụ khác chứng minh ảnh hưởng lớn lao của Nữu-ước đối với các đô thị khác. Dân chúng càng đổ xô nhau đến cư ngụ tại những thành phố lớn, ảnh hưởng ấy càng bành trướng thêm lên. Chính ngay những người, mặc dầu sống ngoài những thành phố ấy, cũng vẫn bị lôi cuốn theo nhịp sống cuồng nhiệt của nền văn minh ở các đô thị lớn.

Những gì chúng ta đã đọc trong sách về Mỹ-châu với những Mọi da đỏ ; những thợ săn bắn lành nghề đều thuộc về dĩ vãng. Những trại chăn nuôi gia súc, những đô thị nhỏ đầy cát bụi cũng thuộc về quá khứ. Từ nay, Mỹ-châu biến thành một thành phố vĩ đại với sự tiến bộ tinh vi về kỹ thuật, sự sản xuất hàng loạt, sự tiêu thụ có tiêu chuẩn hẳn hoi ấn định cho cả nước.

Nói như thế, không phải nói rằng tại Mỹ-châu ngày nay không còn những đô thị nhỏ nữa. Những đô thị ấy vẫn còn rất nhiều nhưng nếu không trở thành những trung tâm kỹ nghệ hoặc những nơi kinh doanh, chỉ ngành của những đô thị lớn, thì cũng lần lần bị thu hẹp trên phương diện kinh tế để trở thành những nơi tiếp đón hành khách của các tỉnh kế cận hoặc thợ thuyền các xí nghiệp đến trọ ban đêm.

Nhờ có xe hơi, sự di chuyển càng thêm nhanh chóng và dễ dàng, nên các ranh giới tỉnh lớn được mở rộng thêm ra và xâm lấn lần lần các vùng quê lân cận. Từ nhà đến nơi làm việc thường rất cách xa nhau, vì thế bất cứ người Mỹ nào, giàu hay nghèo, cũng sắm một chiếc xe hơi, không phải để chạy rong trong thành phố mà để dùng làm phương tiện đi làm.

Từ ngày có xe hơi và máy cày, các đồn điền không còn bị cô lập. Sự cơ giới hóa ngành trồng tía cũng đã bóp chết nền kinh tế của các tỉnh nhỏ. Ở Âu-châu, các đô thị nhỏ được coi như những trung tâm thương mại của các vùng phụ cận. Dân quê có thể đến đó bán hàng hoặc mua những vật dụng cần thiết. Trái lại, tại những đô thị nhỏ Hoa-kỳ vẫn đề mua bán như vậy ngày càng sút giảm đi.

Mãnh lực thu hút của những đô thị lớn

HIỆN nay, tại Hoa-kỳ những bảng thống kê cũng không cho ta có một ý niệm rõ rệt về sự bành trướng của các đô thị lớn cũng như thực trạng kinh tế của những nơi này, vì mặc dầu trên thực tế, những đô thị càng ngày càng được mở rộng thêm ra nhưng, trên phương diện hành chánh, chỉ các ranh giới nhà cầm quyền ấn định mới được coi như những ranh giới chánh thức.

Chung quanh mỗi đô thị lớn Hoa-kỳ đều có một vùng phụ cận. Nền kinh tế của những vùng phụ cận này tùy thuộc nơi các đô thị.

Dân cư càng đông, các đô thị càng phải được mở rộng, xâm chiếm những làng mạc chung quanh và kết hợp những đô thị nhỏ kề cận lại với nhau.

Dựa theo kết quả của cuộc kiểm tra chót hết vào năm 1940, người ta đã thử tính tỷ lệ dân số các đô thị lớn so với số dân Hoa-kỳ để coi được bao nhiêu, và nhận thấy rằng từ tám năm qua, Hoa-kỳ có hai mươi bảy đô thị với một vùng phụ cận gồm trên 500.000 dân. Tính chung, hai mươi bảy đô thị ấy có 45 triệu rưỡi dân cư, vào khoảng 34% tổng số dân trong nước là 131.700.000 người.

Nhờ có nhiều đô thị lớn mọc lên, các cơ sở kỹ nghệ mới có dịp phát triển mạnh mẽ và đã góp một phần không nhỏ vào việc quy tụ dân chúng khắp nơi đến cư ngụ tại một số đô thị những tiến triển trên đây cũng nhờ công cuộc cơ giới hóa ngày càng thêm tiến bộ của nông nghiệp.

Máy móc thay thế luôn các nhân công và gây cảnh thất nghiệp cho một số người không ít. Họ bắt buộc phải đi tìm sinh kế khác tại những đô thị xa lạ. Số người theo nghề nông càng ngày càng ít một cách rõ rệt : năm 1929 có 10.450.000 người đến năm 1939 còn 9.610.000 người và đến năm 1947 chỉ còn 8.266.000 người. Tuy nhiên với những máy móc tối tân, nông nghiệp tại Hoa-kỳ vẫn phát triển mạnh, mặc dầu số nhân công mỗi ngày một giảm đi.

Nếp sống mới

NHƯ chúng ta đã biết nền văn minh của những đô thị lớn tại Hoa-kỳ có một mãnh lực thu hút nhân dân Mỹ như thế nào. Nền văn minh ấy cũng gieo rắc ít nhiều ảnh hưởng sâu xa trong nếp sống và phong tục của dân chúng Mỹ.

Bao giờ Hoa-kỳ cũng vẫn là một nước rộng mênh mông, có rất nhiều khác biệt về khí hậu và nhiều vấn đề khác, là nơi mà ta có thể thấy tất cả những nếp sống tập thể cũng như những sinh hoạt kinh tế.

Ở miền Tây, tại Nouvelle-Angleterre, vẫn còn một số dân quê mà lối sống không khác những người Âu-châu miền thôn dã. Ở miền Nam, nơi trồng cây bông gòn, vẫn còn tồn tại những sắc dân nô lệ.

Nhưng những chi tiết trên đây không quan hệ lắm trước những tiến bộ về kỹ nghệ đã thay đổi hẳn bộ mặt và nếp sống của những đô thị lớn tại Hoa-kỳ.

Dân số càng đông, các đô thị càng mở thêm rộng, nền kinh tế càng phát triển mạnh mẽ. Đời sống vật chất cùng với những thực phẩm đã được chuẩn bị.

Một nền văn minh vượt bậc như của Mỹ hiện nay cũng có thể vấp phải nhiều vấn đề quan trọng khác. Nền kinh tế Hoa-kỳ với mức sản xuất tốt độ nhưng cũng rất tẻ nhạt trong những lĩnh vực kỹ nghệ và nông nghiệp. Mặc dầu rất tân tiến, rất vĩ đại nhưng guồng máy kinh tế rất dễ bị trục trặc nếu không đủ những nguyên liệu, nhiên liệu để đáp ứng nhu cầu của các ngành kỹ nghệ và nông nghiệp.

Nước Mỹ hiện nay, với những mỏ dầu lửa có thể thỏa mãn tất cả và một cách đầy đủ những nhu cầu về nhiên liệu của các ngành kỹ nghệ và nông nghiệp, không cần nhập cảng nhiên liệu của các nước khác. Việc ấy bảo đảm cho ngành nông nghiệp trong nước được vững bền và càng ngày càng mạnh.

ĐỌC « BUỔI CHIỀU LÁ RỤNG »

Tiểu Thuyết của NGỌC-LINH

SAU tập truyện ngắn « Hương Rừng Cà Mau » của Sơn Nam và thi phẩm « Hoa Trắng Thôi Cài Trên Áo Tím » của Kiên Giang, nhà xuất Phù Sa vừa cho ra mắt độc giả, tiểu thuyết dài « Buổi Chiều Lá Rụng » của Ngọc Linh, dày 336 trang, giá bán 54 đồng, bìa do họa sĩ Trần-Đình-Thụy trình bày.

Khác hẳn với tiểu thuyết đầu « Đôi Mắt Người Xưa », Ngọc-Linh thu gọn tác phẩm sau này thành một quyển một, trình bày trang nhã từ ngoài bìa vào bên trong sách, gợi cho độc giả một cảm tình ngay khi mới thoáng trông qua. Cách trình bày đó làm tăng cái giá trị tiểu thuyết của « Buổi Chiều Lá Rụng » và người ta ngầm hiểu rằng nhà văn Ngọc-Linh có một sự cố gắng hay đúng ra một sự hy sinh : không để cho tác phẩm thứ hai của mình rơi vào khuyết điểm là « chạy theo thị hiếu » của độc giả bình dân mà chối bỏ phần nghệ thuật của một tác phẩm văn chương, dù ngay trong phần phiên diện là kỹ thuật trình bày.

Nếu nhà văn Ngọc-Linh đã được giới làm văn nghệ ở đây yêu hơn qua cái hình thức của tác phẩm thứ hai này thì tôi thiết nghĩ Ngọc-Linh đáng được khuyến khích hơn ở nội dung câu truyện « Buổi Chiều Lá Rụng », căn cứ vào đề tài, vào bố cục, vào bút pháp. Tôi đồng ý với nhận xét cho rằng quyển Đ.M.N.X. « ăn khách » hơn nhờ được xây dựng trên một đề tài xã hội rộng lớn có tính cách phổ thông đối với mọi giai tầng và tác dụng của nó ảnh hưởng sâu đậm đến cuộc sống tình cảm của con người. Song tôi nhìn « Buổi Chiều Lá Rụng » ở một khía cạnh hẹp, trong phạm vi gia đình nhưng nó lại gần gũi, sát cạnh với chúng ta hơn. Câu truyện một người anh rể bị người vợ tật nguyền nghi ngoại tình với cô em vợ xinh đẹp, nồn nà, do đó mà hạnh phúc gia đình bị tan vỡ đáng tiếc... thật ra không thể sánh kịp về phương diện mâu thuẫn xã hội bằng câu chuyện một người trai trẻ vụng trộm « trai gái » với người tình rồi không ngờ đến cái hậu quả to lớn, nguy hiểm về sau khi mà học hành đổ đạt, có vợ, có con chánh thức. (ở

quyền « Đồi Mất Người Xưa »). « Buổi Chiều Lá Rụng » lại được cái ưu điểm liên quan đến nghề nghiệp của chính tác giả, của những người viết văn, làm báo, là xây dựng hạnh phúc gia đình giữa anh rể, em vợ và vợ ; bên cạnh đó Ngọc-Linh còn muốn vươn đến một nhu cầu xây dựng giới bạn trẻ, nhất là các cô gái đến tuổi dậy thì yêu thích văn nghệ và muốn làm văn nghệ mà phải sa chân vào cạm bẫy của hạng văn nhân, ký giả « sở Khanh », lợi dụng sự ngây thơ, lòng non yếu của những « người em văn nghệ ». Trong B.C.L.R., nhà văn Ngọc Linh tả chân cái tệ đoan văn nghệ đó thật linh động mà người ta chưa từng thấy trong văn nghệ phẩm từ trước đến nay. Có người than phiền Ngọc-Linh « lật áo cho người xem lưng » giới văn nhân, ký giả, nhưng tôi lại đồng ý với tác giả B.C.L.R. ở điểm bạo dạn đó vì có làm như vậy mới cảnh tỉnh được những « người em văn nghệ » nhẹ dạ non lòng, mới tố cáo được hạng « đánh dĩ ngôn bút » và mới thanh lọc được hàng ngũ nhà văn nhà báo chân chính. Nếu đã có mẫu người ký giả lưu manh Lê-Trí thì Ngọc-Linh cũng đưa ra hạng ký giả, thi sĩ lành mạnh, chân chính như Trần-Hoài hay Mộc-Lan-Chi. Trong giới văn nghệ ở đâu, nơi nào lại không có kẻ xấu, người tốt thì sao Ngọc-Linh lại không được quyền và đủ tư cách làm sáng tỏ trắng, đen trong lĩnh vực nghề nghiệp của mình ?

Tiêu thuyết « Buổi Chiều Lá Rụng » chấm phá cùng một lúc hai bức tranh gia đình và báo giới để rồi đạt đến mục đích cuối cùng là xây dựng con người.

Có một điểm đặc biệt trong tác phẩm Ngọc-Linh là chất lành hay đạo đức tính của cốt truyện, của những nhân vật chính ; tác giả B.C.L.R. là một nhà văn trẻ có một ngòi bút sắc cạnh và một tâm hồn rạo rạt tình cảm, nhưng ông không đi chung con đường của các nhà văn mới thường nhìn cuộc đời bằng tự ty mặc cảm, bằng niềm bi quan, tuyệt vọng, chán chường hay nôn mửa hoặc họ phóng bút miêu tả sự việc, nhân vật một cách dữ dội và ném sự việc, nhân vật đó vào những khung cảnh quá trần tục, đầy dẫy sự diêm dúa, nhục dục trần trường khiến cho độc giả phải lên cơn sốt từng chập. Từ « Đồi Mất Người Xưa » đến « Buổi Chiều Lá Rụng » Ngọc-Linh

tỏ cho người ta thấy ông nhìn cuộc đời vẫn đẹp, trong tâm hồn ông còn le lói một niềm tin yêu mặn nồng ở quá khứ, hiện tại và tương lai. Tôi tin rằng mình không nhầm niềm ngưỡng vọng của tác giả vì qua hai tác phẩm trên hay những tiểu thuyết dài trên mặt các nhật báo, nhà văn Ngọc-Linh đều có hiển dăng cho độc giả những nụ cười sáng khoái, nhưng nụ cười rất rào hy vọng ở cuộc đời. Đôi khi Ngọc-Linh cũng ném ra nỗi buồn nhưng cái buồn lại lảng lảng, nhẹ nhàng như sương như khói. Có người bảo rằng Ngọc-Linh đi trở về con đường văn chương cổ điển có thể không « hợp thời », nhưng tôi lại nghĩ rằng ông không dính dấp gì đến các nhà văn lão thành miền Nam trong một tình trạng văn chương xưa cũ ; ông đi xa hơn, chân thành hơn, trong sáng hơn với một bầu nhiệt huyết hiển dăng và phụng sự. Đó là tất cả sự trong lành xây dựng chưa dừng trong « Buổi Chiều Lá Rụng », trong « Đôi Mắt Người Xưa » và trong một số tác phẩm khác của Ngọc-Linh.

Duy chỉ có một điểm căn bản trong cách cấu tạo nhân vật của Ngọc-Linh mà tôi không đồng ý là tính chất cực đoan của nó. Tác giả như muốn quân bình giữa cái xấu và cái tốt cho nên bị lệch trong kỹ thuật mô tả « con người » của nhân vật chánh ; ông có tình « thời phùng » đức tính, tâm hồn cao thượng của các vai chánh đến cái độ mà người ta mơ ước, thêm muốn được sống gần họ ; do đó mà Ngọc-Linh bị khép vào cái « tội đáng yêu » là « thần thánh hóa » nhân vật của mình. Biết rằng đó là dụng ý của tác giả muốn tạo nên cái « mẫu mực » cho độc giả, nhưng người ta vẫn không khỏi bị bức mình vì nó thiếu sống thực, nghĩa là không có « hiện hữu tính » trong cuộc đời. Vũ trong Đ.M.N.X., Trần-Hoài hay Vĩnh trong B.C.L.R. là những nhân vật điển hình cho kỹ thuật cấu tạo nhân vật của Ngọc-Linh. Bên cạnh cái đẹp, tác giả vẫn không tránh được tính cách cực đoan trong việc mô tả cái xấu. Ở lĩnh vực này, ông làm người ta phải lợm giọng, buồn nôn trước thái độ, hành động hay nói chung « con người » của nhân vật xấu. Tên Lã-Tử trong B.C.L.R. được Ngọc-Linh khai thác triệt để.

Ngoài ra, nhà văn Ngọc-Linh còn có một đặc điểm khác là kỹ thuật bố cục cốt truyện. Ông áp dụng đúng mức kỹ thuật của loại

« tiểu thuyết đăng báo » (Feuilleton) nên cuốn B.C.L.R. đạt đến mức hấp dẫn, lôi cuốn cao-độ, đôi khi làm « nghẹt thở » độc giả, một thứ « nghẹt thở » của truyện trình thám cầu tạo bởi những mâu thuẫn dồn dập, liên tiếp xây ra ở từng chương, từng phần. Có thể đó là ưu điểm của một tiểu thuyết đăng báo mà lại không hợp với một tác phẩm văn chương thuần túy ? Nhưng chính « Buổi Chiều Lá Rụng » là một tiểu thuyết mà độc giả báo Lẽ Sống đã từng say mê theo dõi khi nó chưa in thành sách. Do đó mà người ta phải chấp nhận kỹ thuật bố cục tất nhiên của nó.

Tóm lại, tiểu thuyết « Buổi Chiều Lá Rụng » đánh dấu một bước tiến dài của nhà văn Ngọc-Linh từ sau quyển đầu « Đôi Mắt Người Xưa » ; nó là một tác phẩm lành mạnh xây dựng trong số tiểu thuyết tả chân cuộc đời và thú tính con người mà một số nhà văn trẻ ở đây muốn kết tụ trong một phong trào « văn nghệ mới » ! Tính chất lành mạnh đó trong nhiều tác phẩm chứng tỏ rằng Ngọc-Linh là một nhà văn trẻ có tác phong văn nghệ đạo đức.

« Buổi Chiều Lá Rụng » mới chỉ là bước tiến khả quan của Ngọc-Linh. Văn phong và nguồn suy cảm phong phú của ông cho người ta thấy ông có một sự nghiệp văn chương đầy triển vọng. Đọc tiểu thuyết của ông, người ta ngầm hiểu rằng ông tha thiết yêu nghề nghiệp với một hoài bão to lớn dâng cho đời một tác phẩm lớn, một cái tên khiêm nhường trong làng văn nghệ.

SĨ TRUNG



GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

CHUYỆN VÔ LÝ : của Lãng Nhân, gồm gần năm mươi bài văn châm biếm. Về thời sự, do Nam Chi từng thư xuất bản.

Mỗi bài là một hình ảnh, ghi lại hoặc nếp sống, hoặc một nhân vật điển hình của thời dĩ vãng, thời có vua, quan, có toàn quyền, thống sứ, có ông Tây, Annam, và có những cảnh ngựa người v.v.

Sách trình bày rất đẹp, không thấy đề giá bán.

HOA THÈ: *Thi phẩm đầu tay của Lê-Minh-Châu.*

Lời thơ đẹp, ý thơ mới, lại được trình bày trang nhã, nên « Hoa Thề » rất đáng được trao vào tay các bạn yêu thơ.

Lê-Minh-Ngọc là một nhà thơ từ hồi tiền chiến, thường đã có tác phẩm đăng trên « Tin mới văn chương » « Tiểu thuyết thứ bảy », và bây giờ trên các báo Tự Do, Sáng Dội Miền Nam.



NHỮNG VIÊN SỎI: *Là mười ba truyện ngắn chọn lọc của họa sĩ Tạ Tỵ.*

Nhiều người chỉ biết Tạ Tỵ là một họa sĩ ở môn phái lập thể có tài, mà ít biết ông là một nhà văn, cầm bút viết trên mười năm nay rồi.

« Những viên sỏi » là tập truyện ngắn, trong đó gồm toàn những nhát vật rất sống, rất gần với chúng ta, nên dễ truyền cảm với độc giả. Truyện nào của Tạ Tỵ cũng chan hòa tình thương người, yêu đời, thêm vào đó một lối hành văn sáng sủa, đó là những đặc điểm có thể dành cho nhà họa sĩ lập thể một chỗ đứng trong làng văn vậy.



CON VẬT PHI LÝ: *Thoại kịch bốn màn của thi sĩ Xuân Phụng, do nhà « Sông Thu » xuất bản.*

Về kỹ thuật, tác giả đã theo đúng luật tam duy nhất, trình bày đơn giản dễ đưa lên sân khấu.

Con người đôi khi cũng là con vật phi lý nhất là ở trường hợp của những người theo chế độ Cộng sản, bởi những người này, theo con mắt tác giả không còn là con người nữa. Đó là chủ trương của Xuân Phụng trong kịch phẩm của ông.

Tác giả lấy bối cảnh trong một trại giam của Việt cộng ở liên khu năm vào khoảng 1957, vì thế nên mọi động tác rất sống. Chúng tôi tin rằng « Con vật phi lý » nên đưa lên sân khấu, chắc sẽ làm thỏa mãn người yêu kịch.

Hộp thư tòa soạn

Chúng tôi trân trọng đáp thư bạn đọc :

— ÔNG TRẦN ĐÌNH UẦN tự Ngọc Bích (Huế). — *Hân hạnh nhận được thư của ông tỏ bày sự hân hoan khi đọc Văn Hữu. Rất tiếc truyện ngắn ấy không đăng được. Chờ những tác phẩm mới khác của ông. Vì ông ở xa Saigon, nên báo đến chậm, mong ông thông cảm.*

— ÔNG ĐIỀU TÍCH (Lê Đình Dương — Huế). — *Xin đa tạ về những lời khen tặng nồng nhiệt Văn Hữu. Tòa soạn cố gắng tỏ ra xứng đáng với lòng tin yêu của ông và các bạn đọc xa gần. Hoan nghênh sự trợ bút đáng quý của ông.*

— ÔNG NGUYỄN HỮU (K.B.C. 4091-T.Q.T.). — *Thẻ thực mua báo dài hạn rất giản tiện. Tuy nhiên để dễ dàng trong vấn đề thanh toán, ông vui lòng mua báo từng số một vậy. Nếu tại nơi ông ngụ không có Văn Hữu gửi bán thì ông thư riêng cho chúng tôi, chúng tôi sẽ gửi ngay ra cho ông số báo nào ông thiếu. Mỗi số 15đ. cộng thêm 5đ. cước phí. Hai bài « Tình Đã Chết » và « Đơn Côi » không hợp với V.H., mong ông thông cảm.*

— ÔNG HUYỀN LAN PHƯƠNG (Xóm Mới — Vũng Tàu). — *Không phải vấn đề có hay không tiền nhuận bút mà chúng tôi đăng hay không đăng. Tác phẩm của bạn đọc bao giờ cũng đáng quý. Bài nào có giá trị và hợp với chủ trương tòa báo sẽ được đăng tải. Truyện ngắn « Hiền Hậu » của ông tuy có khá, nhưng tiếc vì nó không hợp nên chúng tôi không thể làm thỏa mãn ông. Truyện cần viết ngắn, xúc tích và lành mạnh.*

— BẠN DẠ KHÁNH (Gia Định). — *Loại truyện ngắn như « Tum Lạnh » vẫn hơn. Tuy nhiên, bạn nên viết thật kỹ, dùng chữ cho thật đúng với địa phương để tác phẩm có vẻ « phong tục » của bạn thêm phần giá trị. Trong trường hợp này, công trình nghiên cứu rất cần thiết. Theo tôi thì bạn rèn luyện về truyện ngắn hơn là bỏ công làm thơ. Vì thế mà « Trăng Mùa Hạ » phải gác lại.*

— ÔNG HỒ THANH TÂM (4, Hàn Thuyên — Nha Trang). — Ông có khiếu viết thư lắm, đọc thư ông, cả tòa soạn đều cảm động. Có sao đâu, ham đọc sách, báo là một tính đáng quý, đáng yêu. Thiếu phương tiện mà mê sách vở như ông thiệt đáng khâm phục, tinh thần ấy hơn hẳn số người có hăng nhà sách, báo mà chẳng đọc đến bao giờ. Chúng tôi sẽ lần lượt gửi biếu ông các số Văn Hưu ông thiếu.

— ÔNG TRIỀU HOA ĐẠI (8, Nguyễn Tri Phương — Đà Nẵng). — Hân hạnh được ông ngỏ lời ngợi khen nội dung Văn Hưu. Sẽ tăng cường phần thơ thêm dồi dào. Còn gì bằng khi được ông « nguyên cổ gắng mãi là một độc giả trung thành nhất của Văn Hưu ». Sẽ lần lượt đăng tải sáng tác phẩm thích hợp của ông.

— ÔNG TRẦN VINH ANH (Đại Học Sư Phạm — Huế). — Bạn đọc miền Trung chú trọng nhiều đến Văn Hưu mà Huế là nơi tiêu thụ nhiều nhất. Vì thế nên, theo sự cho biết của Nhà phát hành Thống Nhất thì có vài nơi không đủ bán cho đến khi số báo sau ra mắt bạn đọc. Nếu ông thiếu số báo nào, ông gửi thư báo cho chúng tôi biết. Chúng tôi sẽ gửi ngay ra cho ông. Đa tạ những lời khen ngợi khâm phục của ông. Chúng tôi cố gắng ấn hành đều đặn để được dịp tiếp xúc thường xuyên với độc giả thân mến bốn phương.

— CÙNG CÁC BẠN ĐỌC KHÁC. — Vì khuôn khổ hộp thư có hạn, chúng tôi lấy làm tiếc không thể trả lời hết số thư của bạn đọc tập nập gửi về tòa soạn. Chúng tôi sẽ tiếp tục trả lời các bạn ở số báo sau, mong các bạn thông cảm.

— BÀI VỞ ĐÃ NHẬN ĐƯỢC :

TRUYỆN : Nữ ước (Ngô Đình Lan) — Một Đêm Không Ngủ (Đặng Nguyên) Một Chuyến Về Phép (Huy Vân) — Tìm Cuộc Đời Có Ý Nghĩa (?) — Đêm Biên Giới (Ngọc Bích) — Mùa Xuân Giấc Ngủ (Song Linh) — Vết Khói (Phạm Năng Hóa) — Mừng Năm, Mười Bốn, Hăm Ba (Trần Hồ) — Bướm Mùa Thu (Túy Hồng) — Nhịp Sống Mới (Toàn Ngọc) — Hiền Hậu (Huyền Lan Phương) — (Còn nữa)...

VĂN HỮU

số 20

Đặc biệt về một vấn đề thời sự quan trọng
và lịch sử :

ĐỒNG BÀO THƯƠNG
VÀ CUỘC DI CƯ VĨ ĐẠI
TỴ NẠN CỘNG SẢN

Giá: 15đ.